ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

AAN
Lành gạo - Ngon cơm

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0109510866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/01/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 10/02/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 339.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ..01... tháng ..10... năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ...../...../2025, tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Trụ sở chính	:	Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	0287.309.6769
Website	:	https://aan.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Trụ sở chính	:	Tòa nhà văn phòng OSC Việt Nam, số 161 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại	:	028.3769.6666
Website	:	https://apsi.vn/

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên	:	Ông **Trương Đức Nam** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Điện thoại	:	0287.309.6769

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109510866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/01/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 10/02/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

-	Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Lương thực A An
-	Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông.
-	Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu.
-	Giá chào bán	:	15.000 đồng/cổ phiếu.
-	Tổng số lượng cổ phiếu chào bán/phát hành	:	30.000.000 cổ phiếu
-	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	:	300.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tên công ty	:	**Công ty TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**
Địa chỉ	:	Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 06 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	024 3761.3399
Website	:	http://www.vpaudit.vn/

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Tên công ty	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**
Trụ sở chính	:	Tòa nhà văn phòng OSC Việt Nam, số 161 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại	:	028.3769.6666
Website	:	https://apsi.vn/

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 7
1. Tổ chức phát hành 7
2. Tổ chức tư vấn 7
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 7
1. Rủi ro về kinh tế 7
2. Rủi ro luật pháp 11
3. Rủi ro đặc thù 11
4. Rủi ro về đợt chào bán 13
5. Rủi ro pha loãng 14
6. Rủi ro quản trị công ty 17
7. Rủi ro khác 17
III. CÁC KHÁI NIỆM 17
1. Khái niệm 17
2. Từ viết tắt 17
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 18
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành: 18
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành 21
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành 23
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành 23
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức phát hành 34
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 36
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 41
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 41
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 42
10. Hoạt động kinh doanh 42
10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh 42
10.2 Tài sản 53
10.3 Thị trường hoạt động 54
10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính 55
10.5 Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong giai đoạn 2023 – 6 tháng đầu năm 2025 58
10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong năm 2023 và 2024 62

11. Chính sách đối với người lao động 81
12. Chính sách cổ tức 83
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất 83
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết (thông tin về trái phiếu chuyển đổi và các thông tin liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu...) 84
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết (nếu có) 84
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 84
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 84
1. Kết quả hoạt động kinh doanh 84
2. Tình hình tài chính 91
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành 111
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 112
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 115
1. Thông tin về cổ đông sáng lập 115
2. Thông tin về cổ đông lớn 116
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng 118
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 135
1. Loại cổ phiếu 135
2. Mệnh giá cổ phiếu 135
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 135
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 135
5. Giá chào bán dự kiến 135
6. Phương pháp tính giá 135
7. Phương thức phân phối 136
8. Đăng ký mua cổ phiếu 138
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 139
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 139
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Cổ phiếu 140
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 140
13. Hủy bỏ đợt chào bán 140

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 140
15. Các loại thuế có liên quan 141
16. Thông tin về các cam kết 142
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 143
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 144
1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán 144
2. Chi tiết về các hạng mục trong phương án sử dụng vốn như sau 145
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 150
1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán 150
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN 150
XI. THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 151
XII. NGÀY THÁNG. CHỮ KÝ. ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH. TỔ CHỨC TƯ VẤN 152
XIII. PHỤ LỤC 153

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh 19
Bảng 2. Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của AAN 36
Bảng 3. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Công ty tại ngày 15/08/2025 41
Bảng 4. Cơ cấu doanh thu thuần – Công ty mẹ 49
Bảng 5. Cơ cấu doanh thu thuần – Hợp nhất 50
Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp – Công ty mẹ 51
Bảng 7. Cơ cấu lợi nhuận gộp – Hợp nhất 51
Bảng 8. Tài sản cố định theo báo cáo công ty mẹ 53
Bảng 9. Tài sản cố định theo báo cáo Hợp nhất 54
Bảng 10. Dòng tiền đầu tư công ty mẹ 55
Bảng 11. Dòng tiền đầu tư Hợp nhất 55
Bảng 12. Các hợp đồng lớn của Công ty 58
Bảng 13. Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn của AAN 62
Bảng 14. So sánh quy mô với các đơn vị cùng ngành 68
Bảng 15. Cơ cấu lao động 2023-2024 81
Bảng 16. Hoạt động kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2023 – 6 tháng 2025 84
Bảng 17. Hoạt động kinh doanh Hợp nhất giai đoạn 2023 - quý 1/2025 85
Bảng 18. Vốn kinh doanh của Công ty mẹ 91
Bảng 19. Vốn kinh doanh của Công ty – Hợp nhất 92
Bảng 20. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty mẹ 93
Bảng 21. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty – Hợp nhất 94
Bảng 22. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình 96
Bảng 23. Mức lương bình quân của người lao động công ty 97
Bảng 24. Tổng hợp tình hình công nợ – Công ty mẹ 98
Bảng 25. Tổng hợp tình hình công nợ – Hợp nhất 98
Bảng 26. Các khoản phải thu của Công ty mẹ 98
Bảng 27. Các khoản phải thu Hợp nhất 99
Bảng 28. Các khoản phải trả của Công ty mẹ 100
Bảng 29. Các khoản phải trả Hợp nhất 101
Bảng 30. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Công ty mẹ năm 2024 103
Bảng 31. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Công ty 6 tháng 2025 104
Bảng 32. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất năm 2024 104
Bảng 33. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất 6 tháng 2025 105
Bảng 34. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ 106
Bảng 35. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất 107
Bảng 36. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất 112
Bảng 37. Danh sách cổ đông lớn là tổ chức của AAN 116
Bảng 38. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị gồm: 118
Bảng 39. Danh sách thành viên Ban điều hành gồm: 126
Bảng 40. Danh sách thành viên Ban kiểm soát gồm: 129
Bảng 41. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 139

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trương Mạnh Linh	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà Phạm Thị Trang	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thiên Hà Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán APG tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 1108/2025/HĐTV/AAN-APG ngày 11/08/2025 với Công ty cổ phần Lương thực A An. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Lương thực A An cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

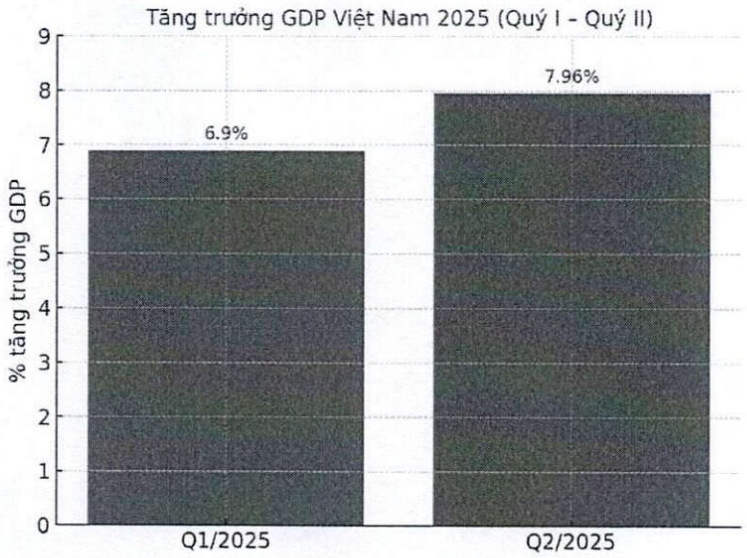
1. Rủi ro về kinh tế

a. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP)

Tốc độ tăng trưởng kinh tế có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, nhu cầu tiêu dùng gia tăng, mở rộng cơ hội thị trường; ngược lại, suy giảm kinh tế có thể làm giảm sức cầu, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Các tổ chức quốc tế dự báo kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì tăng trưởng cao trong cả năm 2025: Ngân hàng Thế giới (WB) ước tính GDP tăng 6,8%, trong khi OECD dự báo ở mức 6,2%. Mục tiêu của Chính phủ đặt ra là tăng trưởng 8,0%, phản ánh quyết tâm nhưng cũng cho thấy áp lực về điều hành chính sách và rủi ro từ thị trường toàn cầu.

Thực tế năm 2025, kinh tế Việt Nam ghi nhận mức phục hồi tích cực. GDP 6 tháng đầu năm 2025 tăng 7,52%, mức cao nhất trong 15 năm trở lại đây, nhờ xuất khẩu khởi sắc và đầu tư trực tiếp nước ngoài duy trì ổn định. Trong đó, quý I tăng 6,9% và quý II tăng 7,96% so với cùng kỳ năm trước.



Đối với Công ty Cổ phần Lương thực A An (AAN), tác động từ tăng trưởng GDP có thể phân tích theo 2 chiều hướng:

Tích cực:

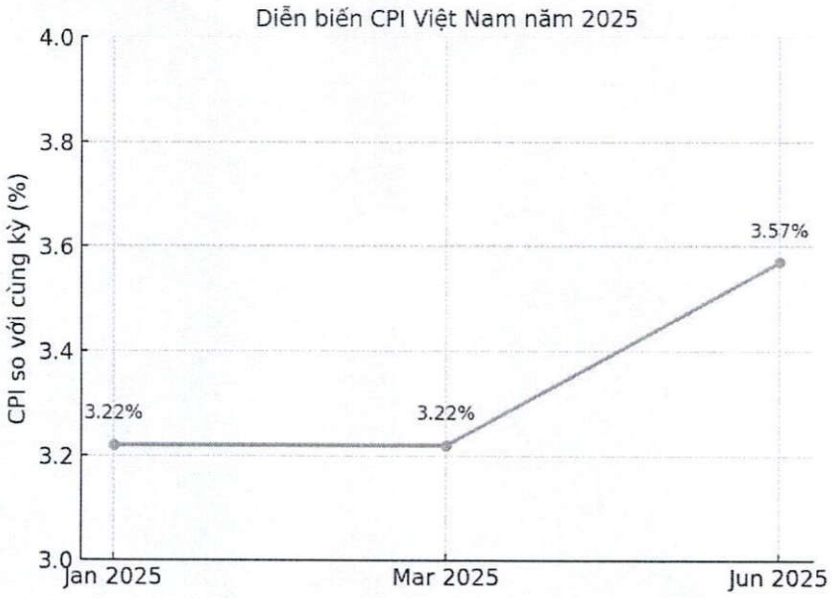
- Nhu cầu tiêu dùng trong nước gia tăng, đặc biệt ở phân khúc gạo cao cấp, dầu gạo và các sản phẩm chế biến từ gạo.
- Xuất khẩu gạo được hỗ trợ bởi tăng trưởng kinh tế và mở rộng thị trường nhập khẩu (châu Phi, Trung Đông, Nhật Bản, Hàn Quốc).
- Tăng trưởng GDP cao tạo niềm tin cho nhà đầu tư, cải thiện cơ hội huy động vốn cho các dự án mở rộng nhà máy, chuỗi logistics và phát triển vùng nguyên liệu.

Tiêu cực:

- Nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào biến động bên ngoài (giá dầu, thương mại quốc tế). Suy giảm tăng trưởng toàn cầu có thể làm giảm nhu cầu nhập khẩu gạo, dầu gạo từ các thị trường truyền thống.
- Áp lực cạnh tranh gia tăng khi nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước mở rộng quy mô để tận dụng đà tăng trưởng, làm giảm biên lợi nhuận của AAN.
- Bất kỳ sự suy giảm nào của nền kinh tế thế giới và trong nước đều có thể tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng phát triển của Công ty.

b. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là yếu tố ảnh hưởng lớn đến chi phí đầu vào và hiệu quả kinh doanh. Trong quý I/2025, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,22%, lạm phát cơ bản tăng 3,01% so với cùng kỳ. Đến tháng 6/2025, CPI tăng 3,57% – mức cao nhất kể từ đầu năm. Theo dự báo của OECD, lạm phát năm 2025 có thể đạt khoảng 3,7%, vẫn trong tầm kiểm soát nhưng tiềm ẩn rủi ro nếu giá năng lượng và lương thực biến động mạnh.



Đối với AAN, rủi ro lạm phát tác động ở nhiều khía cạnh:

Chi phí đầu vào: Giá vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, bao bì, vận tải) có xu hướng tăng, làm gia tăng chi phí sản xuất gạo. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn hàng bán và biên lợi nhuận gộp của Công ty.

Chi phí nhân công: Mức lạm phát cao kéo theo yêu cầu điều chỉnh lương tối thiểu, gia tăng chi phí nhân sự tại các nhà máy chế biến và kho vận.

Lãi vay: Lạm phát cao có thể buộc Ngân hàng Nhà nước áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt, làm tăng chi phí vay vốn ngắn hạn mà AAN đang sử dụng để thu mua lúa gạo vụ mùa.

Nhu cầu tiêu dùng: Lạm phát kéo dài có thể làm giảm sức mua ở phân khúc khách hàng thu nhập trung bình – thấp, ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm gạo phổ thông.

Đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực lương thực, lạm phát cao sẽ làm tăng chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, nhân công và lãi vay, ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận.

c. Rủi ro lãi suất

Hoạt động của Công ty có sử dụng vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các tổ chức tín dụng. Do đó, biến động lãi suất trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và dòng tiền.

Trong bối cảnh năm 2025, áp lực lạm phát có thể khiến Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền tệ, tác động đến mặt bằng lãi suất cho vay. Mặc dù so với giai đoạn trước lãi suất huy động và cho vay vẫn ở mức tương đối ổn định, rủi ro tăng lãi suất trong trung hạn không thể loại trừ.

Ngân hàng	Lãi suất cho vay bình quân	Nguồn trích dẫn
BIDV	5,0%/năm	Nhóm quốc doanh, mức lãi thấp nhất

		thị trường Báo điện tử Tiền Phong
Vietcombank	5,6%/năm	Không thay đổi so với tháng trước đó VietNamNet News
Agribank	6,51%/năm	Giảm nhẹ so với tháng trước VietNamNet News
VietinBank	Khoảng 5,6%/năm	Dữ liệu tạm thời là con số đầu năm 2025 Báo điện tử Tiền Phong

Chênh lệch giữa các ngân hàng: Agribank có mức lãi suất cao hơn đáng kể (6,51%) so với BIDV và Vietcombank (~5–5,6%). Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và sự lựa chọn đối tác tài chính của doanh nghiệp như AAN

AAN thường xuyên sử dụng các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại để tài trợ cho hoạt động thu mua lúa gạo theo mùa vụ. Do đặc thù ngành hàng, nhu cầu vốn lưu động cao tập trung vào một số thời điểm trong năm, khiến Công ty chịu rủi ro lớn từ biến động lãi suất.

– Nếu lãi suất duy trì ổn định hoặc giảm, chi phí tài chính của Công ty sẽ được kiểm soát, cải thiện lợi nhuận sau thuế.

– Ngược lại, trong trường hợp lạm phát tiếp tục tăng, Ngân hàng Nhà nước buộc phải tăng lãi suất điều hành, lãi suất cho vay thương mại có thể tăng từ 1–2 điểm %, gây áp lực đáng kể lên chi phí vay vốn ngắn hạn của AAN. Với quy mô dư nợ hàng nghìn tỷ đồng, biến động lãi suất dù nhỏ cũng có thể làm tăng chi phí tài chính hàng chục tỷ đồng mỗi năm.

AAN cần duy trì chiến lược:

– Cơ cấu lại danh mục nợ, ưu tiên vay ưu đãi từ các ngân hàng đối tác chiến lược.

– Kết hợp phát hành trái phiếu hoặc huy động vốn từ cổ đông chiến lược để giảm phụ thuộc vào tín dụng ngắn hạn.

– Ứng dụng quản trị dòng tiền hiệu quả, cân đối thời điểm thu mua – xuất bán nhằm hạn chế dư nợ đỉnh điểm.

d. Rủi ro tỷ giá

Tỷ giá ngoại tệ, đặc biệt là USD/VND, có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động nhập khẩu nguyên liệu, thanh toán quốc tế và chi phí tài chính của Công ty. Năm 2025, trong bối cảnh các ngân hàng trung ương lớn vẫn duy trì lãi suất cao, áp lực tỷ giá với VND dự báo tiếp tục hiện hữu.

Hoạt động cung ứng gạo xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu của AAN (gạo đóng bao lớn, gạo chất lượng cao, dầu gạo xuất khẩu). Do đó, biến động tỷ giá USD/VND ảnh hưởng trực tiếp đến:

– Doanh thu cung ứng xuất khẩu: Khi VND mất giá so với USD, Công ty được hưởng lợi

vì doanh thu quy đổi tăng. Tuy nhiên, biến động quá mạnh cũng gây bất ổn trong kế hoạch tài chính và hợp đồng dài hạn.

– Chi phí nhập khẩu: Một số vật tư, bao bì và thiết bị máy móc chế biến được nhập khẩu bằng USD. Khi tỷ giá tăng, chi phí nhập khẩu tăng, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

– Thanh toán quốc tế: Biến động tỷ giá làm tăng rủi ro khi Công ty phải thanh toán các hợp đồng vận tải, bảo hiểm quốc tế.

Trong bối cảnh năm 2025, đồng USD có xu hướng duy trì sức mạnh do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) giữ lãi suất cao, áp lực tỷ giá với VND tiếp tục hiện hữu. Điều này tạo cả cơ hội lẫn rủi ro cho AAN.

Giải pháp quản trị:

– Cân đối thu – chi ngoại tệ để hạn chế rủi ro tỷ giá.

– Đàm phán điều khoản hợp đồng theo hướng linh hoạt về tỷ giá.

– Sử dụng công cụ phòng ngừa rủi ro (forward, option) khi biến động tỷ giá vượt ngưỡng cho phép.

Bất kỳ sự biến động mạnh nào của tỷ giá có thể làm gia tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

2. Rủi ro luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của việc thay đổi hệ thống pháp luật, và/ hoặc các văn bản pháp luật đến các hoạt động kinh doanh của công ty, chiến lược phát triển ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hoạt động của Công ty bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, … và các bộ luật về thuế quan cùng các quy định pháp luật khác của Việt Nam.

3. Rủi ro đặc thù

a) Biến động giá gạo thế giới và rủi ro cạnh tranh xuất khẩu

Doanh thu và lợi nhuận của AAN phụ thuộc trực tiếp vào diễn biến giá gạo thế giới; giá gạo biến động mạnh có thể làm xói mòn lợi nhuận chỉ trong ngắn hạn.

– Giá gạo toàn cầu thường biến động theo chính sách xuất khẩu của các quốc gia lớn. Ví dụ, năm 2024, Ấn Độ hạn chế xuất khẩu khiến giá gạo Việt Nam tăng vọt; ngược lại, khi Ấn Độ quay lại thị trường, giá giảm mạnh 15–20%. 6 tháng đầu năm 2025 giá gạo trên thị trường quốc tế đã giảm mạnh ước đạt 19% so với cùng kỳ năm trước.

– Trong ngành có tính cạnh tranh cao, khách hàng nhập khẩu (Philippines, Indonesia, Trung Quốc) có lợi thế thương lượng, dễ dàng thay đổi nhà cung cấp để ép giá.

– Điều này khiến AAN khó duy trì biên lợi nhuận, đặc biệt trong các hợp đồng dài hạn ký ở mức giá cao nhưng bị yêu cầu điều chỉnh giảm.

Giá gạo thế giới biến động là rủi ro trực diện, khiến AAN khó lập kế hoạch kinh doanh ổn định. Điều này có thể làm doanh thu giảm, lợi nhuận suy giảm nhanh, từ đó gây áp lực lên giá cổ phiếu khi kỳ vọng của nhà đầu tư không được đáp ứng.

b) Thiếu liên kết bền vững giữa doanh nghiệp và nông dân

Do sở hữu chuỗi cung ứng khép kín chưa đủ lơn khiến AAN đối mặt với rủi ro lớn về nguồn nguyên liệu và khả năng cạnh tranh dài hạn.

– Hiện nay, phần lớn nguyên liệu của AAN vẫn thu mua từ thương lái, tỷ lệ hợp tác trực tiếp với nông dân còn hạn chế. Điều này khiến công ty khó kiểm soát chất lượng và chi phí.

– So sánh với một số doanh nghiệp đã phát triển cánh đồng lớn hoặc vùng nguyên liệu riêng, rõ ràng AAN ở thế yếu hơn khi tham gia vào các thị trường đòi hỏi tiêu chuẩn cao như Nhật Bản hoặc EU.

– Nông dân Việt Nam có xu hướng bán cho nơi trả giá cao nhất, không cam kết dài hạn → AAN dễ bị động, nhất là khi giá lúa nội địa tăng đột biến.

Rủi ro về nguyên liệu không chỉ ảnh hưởng tới chi phí và lợi nhuận ngắn hạn, mà còn ảnh hưởng lâu dài đến năng lực cạnh tranh và chiến lược phát triển bền vững của AAN. Nhà đầu tư thường đánh giá thấp doanh nghiệp không có chuỗi cung ứng khép kín, do đó rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp đến định giá cổ phiếu.

c) Biến đổi khí hậu và rủi ro môi trường tại Đồng bằng sông Cửu Long

Ngành gạo nói chung và AAN nói riêng đều phụ thuộc lớn vào ĐBSCL – khu vực chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu, do đó rủi ro môi trường là một mối đe dọa mang tính dài hạn và hệ thống.

– ĐBSCL cung cấp 90% lượng gạo xuất khẩu của cả nước. Tuy nhiên, hiện tượng xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt, sạt lở và nước biển dâng ngày càng gia tăng.

– Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, đến năm 2050, khoảng 30–40% diện tích lúa tại ĐBSCL có thể bị ảnh hưởng, kéo theo sản lượng và chất lượng giảm sút nghiêm trọng.

– Khi nguồn cung giảm, AAN không chỉ đối mặt với chi phí thu mua cao hơn mà còn phải đầu tư nhiều hơn vào bảo quản, chế biến để đảm bảo chất lượng đáp ứng chuẩn quốc tế.

Đây là rủi ro mang tính dài hạn và khó kiểm soát, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung, sản lượng, chi phí sản xuất và cuối cùng là khả năng duy trì xuất khẩu ổn định của AAN. Nhà đầu tư thường định giá thấp hơn các doanh nghiệp chịu rủi ro môi trường cao, dẫn đến áp lực giảm giá cổ phiếu trong trung – dài hạn.

d) Rủi ro chính sách và biến động thị trường

Sự phụ thuộc vào một số thị trường xuất khẩu chủ lực khiến AAN dễ bị tổn thương khi các nước thay đổi chính sách nhập khẩu.

– Philippines và Indonesia hiện là hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của gạo Việt Nam. Chỉ cần một thay đổi chính sách tạm ngưng nhập khẩu hoặc giảm hạn ngạch, doanh nghiệp sẽ đối

mặt ngay với tồn kho lớn.

– Ví dụ, năm 2025, Philippines tạm ngưng nhập gạo từ Việt Nam trong 2 tháng, khiến nhiều doanh nghiệp bị chậm xuất khẩu, ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền.

– AAN chưa đa dạng hóa đủ thị trường để giảm rủi ro, trong khi việc mở rộng sang châu Âu, Nhật Bản hay Trung Đông đòi hỏi thời gian và đầu tư đáng kể.

Chính sách nhập khẩu bất ngờ từ các quốc gia đối tác có thể khiến doanh thu xuất khẩu AAN sụt giảm mạnh trong ngắn hạn, đồng thời gây rủi ro tồn kho và chi phí tài chính. Điều này có thể làm giảm niềm tin của nhà đầu tư, khiến giá cổ phiếu phản ứng tiêu cực ngay khi có thông tin bất lợi.

e) Rủi ro chi phí đầu vào và logistics

Chi phí đầu vào và logistics biến động mạnh khiến AAN dễ bị thu hẹp biên lợi nhuận trong môi trường cạnh tranh gay gắt.

– Giá phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, bao bì… thường xuyên biến động theo giá dầu và chính sách nhập khẩu.

– Chi phí logistics quốc tế đang ở mức cao, đặc biệt trong bối cảnh giá dầu tăng và xung đột địa chính trị làm gián đoạn chuỗi vận tải biển.

– AAN khó có thể chuyển toàn bộ chi phí tăng thêm sang khách hàng do giá gạo quốc tế bị chi phối bởi các đối thủ cạnh tranh (Thái Lan, Ấn Độ).

Nếu chi phí đầu vào và logistics tiếp tục tăng, biên lợi nhuận ròng của AAN có thể thu hẹp đáng kể. Điều này làm cho kết quả kinh doanh thực tế thấp hơn kỳ vọng, ảnh hưởng trực tiếp đến định giá cổ phiếu và sự quan tâm của nhà đầu tư.

Tổng kết chung: Các rủi ro đặc thù ngành mà AAN đối diện đều có mối liên hệ chặt chẽ: giá gạo biến động gây áp lực lên doanh thu, trong khi nguồn nguyên liệu thiếu ổn định và chi phí đầu vào tăng cao khiến lợi nhuận bị bào mòn. Thêm vào đó, biến đổi khí hậu và rủi ro chính sách nhập khẩu tạo ra những biến động khó lường, ảnh hưởng lâu dài đến chiến lược phát triển bền vững.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng sắp tới, CTCP Lương thực A An (A An) có thể đối diện với một số rủi ro ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn và giá trị cổ phiếu sau này. Cụ thể

4.1 Rủi ro không phân phối hết cổ phiếu chào bán

Việc chào bán phụ thuộc vào nhu cầu của thị trường, tâm lý nhà đầu tư và sức hấp dẫn của cổ phiếu A An so với các cơ hội đầu tư khác. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán có biến động, dòng tiền có xu hướng thận trọng, khả năng phân phối hết số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán có thể gặp khó khăn.

Nếu không phân phối hết, Công ty sẽ không huy động đủ số vốn như kế hoạch, dẫn đến

việc phải điều chỉnh hoặc trì hoãn một số hạng mục đầu tư (mở rộng vùng nguyên liệu, xây dựng nhà máy dầu gạo, bổ sung vốn lưu động...). Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng doanh thu – lợi nhuận, đồng thời làm giảm niềm tin của nhà đầu tư vào chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền dự kiến, Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn lưu động từ nguồn khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu, vay ngân hàng...) đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nêu trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đúng mục đích đã được ĐHCĐ thông qua và công bố thông tin theo đúng của định của pháp luật. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh Phương án sử dụng vốn.

4.2 Rủi ro trong việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Trong đợt phát hành này, tổng số tiền dự kiến thu được là 450 tỷ đồng, toàn bộ sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

STT	Khoản mục	Giá trị (VNĐ)	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Thanh toán nợ vay ngân hàng	250.000.000.000	Quý IV/2025
2	Thanh toán công nợ phải trả cho nhà cung cấp	200.000.000.000	Quý IV/2025
	Tổng cộng	**450.000.000.000**	

Về nguyên tắc, bất kỳ kế hoạch huy động và sử dụng vốn nào cũng tiềm ẩn rủi ro nếu kết quả thực tế không đạt được như kỳ vọng ban đầu. Tuy nhiên, trong trường hợp của Công ty cổ phần Lương thực A An, cơ cấu sử dụng vốn đã được xác định rõ ràng, tập trung chủ yếu vào giảm nợ vay, giảm chi phí tài chính và tăng cường uy tín với nhà cung cấp – những mục tiêu mang tính phòng thủ và tạo nền tảng ổn định lâu dài.

Việc giảm 250 tỷ đồng dư nợ vay ngân hàng sẽ giúp Công ty tiết kiệm chi phí lãi vay, cải thiện khả năng sinh lời và nâng cao sức khỏe tài chính, từ đó giảm thiểu sự phụ thuộc vào vốn vay trong tương lai. Đồng thời, thanh toán 200 tỷ đồng công nợ nhà cung cấp không chỉ giúp củng cố quan hệ hợp tác chiến lược mà còn mở ra cơ hội nhận được ưu đãi tốt hơn trong đàm phán giá nguyên liệu, tăng khả năng đảm bảo nguồn cung ổn định – một yếu tố then chốt đối với doanh nghiệp trong ngành lương thực.

Do đó, rủi ro trong việc sử dụng vốn huy động lần này được đánh giá là không đáng kể, bởi mục đích sử dụng vốn mang tính thiết thực, ít rủi ro và có khả năng đem lại hiệu quả tức thì.

5. Rủi ro pha loãng

5.1 Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - cổ tức ưu đãi cổ tức}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân}}$$

Khi thực hiện chào bán thêm cổ phiếu, số cổ phiếu được chào bán thêm thành công sẽ làm gia tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân và ảnh hưởng tới chỉ tiêu EPS của Công ty.

Với các giả định:

+ Toàn bộ số cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được phân phối hết trong cuối tháng 10/2025. Tổng số cổ phiếu tăng thêm sau đợt phát hành là 30.000.000 cổ phiếu
+ Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu chào bán/phát hành thêm là: 2 tháng

$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{35.000.000*12 + 30.000.000*2}{12} = 40.000.000 \text{ cổ phiếu}$$

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt được theo kế hoạch đề ra là 35.000.000.000 đồng

Như vậy, EPS dự kiến cuối năm 2025 là: 35.000.000.000 (đồng)/40.000.000 (cổ phiếu) = 875 đồng/cổ phiếu

Đợt chào bán cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu.

Tuy nhiên việc EPS dự kiến năm 2025 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ có thể tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

5.2 Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Sau khi Công ty niêm yết/đăng ký giao dịch cổ phiếu, tổng số cổ phiếu tăng mạnh sau phát hành có thể dẫn đến mức định giá trên mỗi cổ phần (theo P/E hoặc P/B) bị điều chỉnh thấp hơn so với kỳ vọng ban đầu.

Tác động tiềm ẩn: Nhà đầu tư hiện hữu có thể lo ngại giá khởi điểm khi niêm yết không cao như mong muốn, do yếu tố pha loãng.

Giá trị nội tại của Công ty không giảm, ngược lại vốn chủ sở hữu tăng thêm 450 tỷ đồng và đòn bẩy tài chính giảm mạnh. Đây là nền tảng để A An được thị trường đánh giá cao về sự an toàn tài chính và tiềm năng phát triển, từ đó giúp giá cổ phiếu trên sàn có cơ hội tăng trưởng bền vững..

5.3 Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

BVPS (Book Value Per Share) = Vốn chủ sở hữu / Số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Khi Công ty phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn, số cổ phiếu lưu hành tăng nhanh hơn so với vốn

chủ sở hữu, dẫn đến BVPS bị pha loãng.

Ví dụ cụ thể tại A An:

- Trước phát hành:
+ Vốn chủ sở hữu cuối năm 2024: 439 tỷ đồng
+ Số cổ phiếu đang lưu hành: 35.000.000 cp
+ BVPS = 439 tỷ / 35 triệu = 12.544 đồng/cp
- Sau phát hành (dự kiến huy động thêm 450 tỷ đồng, toàn bộ ghi tăng vốn chủ sở hữu, số cp tăng lên 65 triệu cp):
+ Vốn chủ sở hữu mới = 439 + 450 = 889 tỷ đồng
+ Số cp lưu hành: 65.000.000 cp
+ BVPS = 889 tỷ / 65 triệu = 13.677 đồng/cp

Nhận xét:

- Khác với các trường hợp thông thường, BVPS của A An không giảm mà tăng khoảng 9% (từ 12.543 → 13.677 đồng/cp) nhờ việc giá chào bán cổ phiếu cao hơn BVPS và toàn bộ số tiền huy động được ghi tăng trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.
- Điều này cho thấy rủi ro pha loãng BVPS ở A An không đáng kể và thậm chí còn tích cực về mặt sổ sách.

Tác động tiềm ẩn:

- Trong ngắn hạn, nhà đầu tư có thể lo ngại về sự gia tăng mạnh số lượng cổ phiếu (tăng 86%), làm giảm mức tăng trưởng EPS nếu lợi nhuận chưa kịp cải thiện.
- Tuy nhiên, việc BVPS tăng lên chứng minh rằng nền tảng vốn của Công ty vững chắc hơn, giảm đòn bẩy tài chính và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đây là yếu tố hỗ trợ giá trị nội tại và niềm tin của cổ đông trong dài hạn.

5.4 Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết

Hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 đồng. Theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua, Công ty sẽ phát hành thêm 30.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thông qua việc thực hiện quyền mua của các cổ đông. Điều này sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Tỷ lệ biểu quyết của cổ đông sẽ giảm trong trường hợp cổ đông từ chối hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (so với thời điểm trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu).

Với phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt với tỷ lệ cao biểu quyết thông qua, cổ đông đã được chuẩn bị về đợt phát hành này. Công ty thực hiện chào bán theo hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu, tức là cổ đông có quyền mua để duy trì tỷ lệ sở hữu. Đồng thời, việc tăng vốn không nhằm thay đổi cơ cấu sở hữu hay phân tán quyền kiểm soát, mà nhằm củng cố năng lực tài chính phục vụ tăng trưởng dài hạn.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty không tốt, ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài và ổn định của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây ra rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty… cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của cổ đông và người lao động.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính chất bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn, cháy nổ… Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Khái niệm

-	Bản cáo bạch	:	Bản cáo bạch của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định về đầu tư chứng khoán.
-	Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Lương thực A An
-	Tổ chức kiểm toán	:	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
-	Điều lệ	:	Điều lệ của Công ty Cổ phần Lương thực A An đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua
-	Vốn điều lệ	:	Tổng số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Lương thực A An
-	Cổ phần	:	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
-	Cổ phiếu	:	Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Lương thực A An phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần
-	Người có liên quan	:	Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

2. Từ viết tắt

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có ý nghĩa như sau:

- Công ty/AAN : Công ty Cổ phần Lương thực A An
- CTCK : Công ty chứng khoán
- CTCP : Công ty cổ phần
- VĐL : Vốn điều lệ
- CP : Cổ phần
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- TGĐ : Tổng Giám đốc
- BKS : Ban Kiểm soát
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CCCD : Căn cước Công dân
- ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- BCTC : Báo cáo tài chính
- Thuế GTGT /VAT : Thuế giá trị gia tăng
- Thuế TNDN : Thuế thu nhập doanh nghiệp
- TSCĐ : Tài sản cố định
- VND : Việt Nam đồng
- TTCK : Thị trường chứng khoán
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK : Sở Giao dịch Chứng khoán
- VSDC : Tổng công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam
- TP. : Thành phố
- T. : Tỉnh
- TCKT : Tài chính Kế toán

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành:

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN
- Tên tiếng Anh : A AN FOOD JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt : AAN FOOD .,JSC
- Trụ sở chính : Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt
- Điện thoại : 0287.309.6769
- Website : http://aan.vn
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Trương Mạnh Linh - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Vốn điều lệ hiện tại : 350.000.000.000 (Ba trăm năm mươi tỷ) đồng
- Vốn điều lệ thực góp hện tại : 350.000.000.000 (Ba trăm năm mươi tỷ) đồng
- Logo :

- Mã cổ phiếu: AAN
- Sàn niêm yết/đăng ký giao dịch: Công ty được UBCKNN xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng ngày 30/07/2025. Ngày 19/08/2025 Công ty đã nộp hồ sơ Đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Thông báo số 1881/SGDHN-QLNY ngày 26/08/2025 về việc nhận hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống Upcom của CTCP Lương thực A An và đang thực hiện xem xét. Hồ sơ đăng ký giao dịch của Công ty đang trong quá trình thẩm định, chờ phê duyệt.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109510866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/01/2021, thay đổi lần thứ 05 ngày 10/02/2025.
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: sấy, xay xát lúa; sortex, tách màu, đóng túi gạo thương hiệu; bán buôn, bán lẻ gạo; cung ứng xuất khẩu và xuất khẩu trực tiếp gạo….
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty:

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	**Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (không hoạt động tại trụ sở)**	**4631 (Chính)**
2	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
3	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)	0150

4	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
5	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
6	Xay xát và sản xuất bột thô (không hoạt động tại trụ sở)	1061

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

2021

- 01/2021: Thành lập công ty vốn điều lệ đăng ký 250 tỷ đồng
- 10/2021: Giảm vốn điều lệ thành lập thực góp 100 tỷ đồng
- 12/2021: Thành lập chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

2022

- 12/2022: Nắm giữ 99% Nhà máy gạo Yến Đăng tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang)

2023

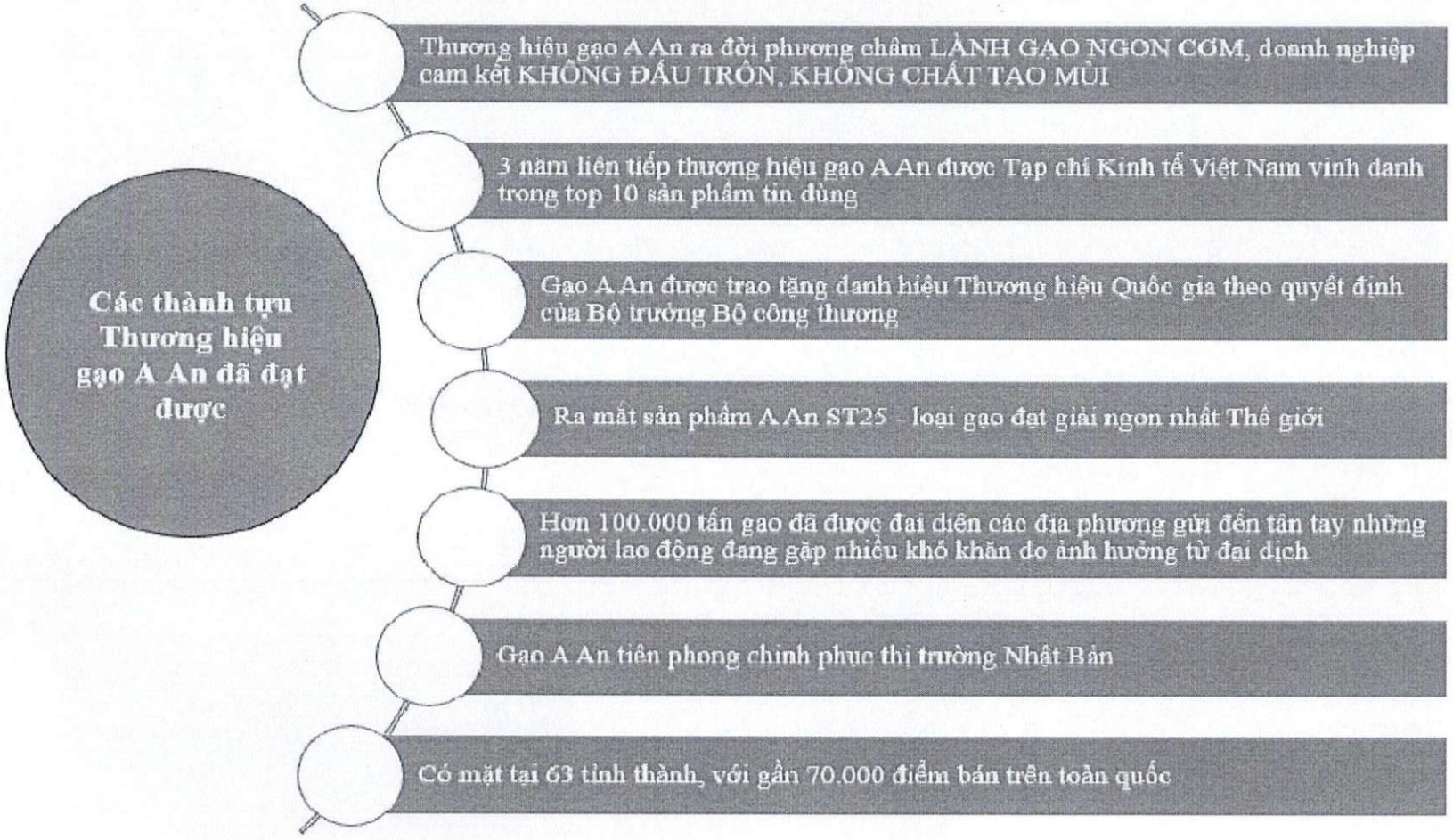
- 03/2023: Nhận chuyển nhượng thương hiệu gạo A An
- 05/2023:Sở hữu nhà máy gạo Đồng Tháp (nay là tỉnh Tiền Giang)
- 06/2023: Sở hữu nhà máy gạo Hòa Bình tỉnh An Giang
- 07/2023: Tăng vốn điều lệ lên 350 tỷ đồng

2024

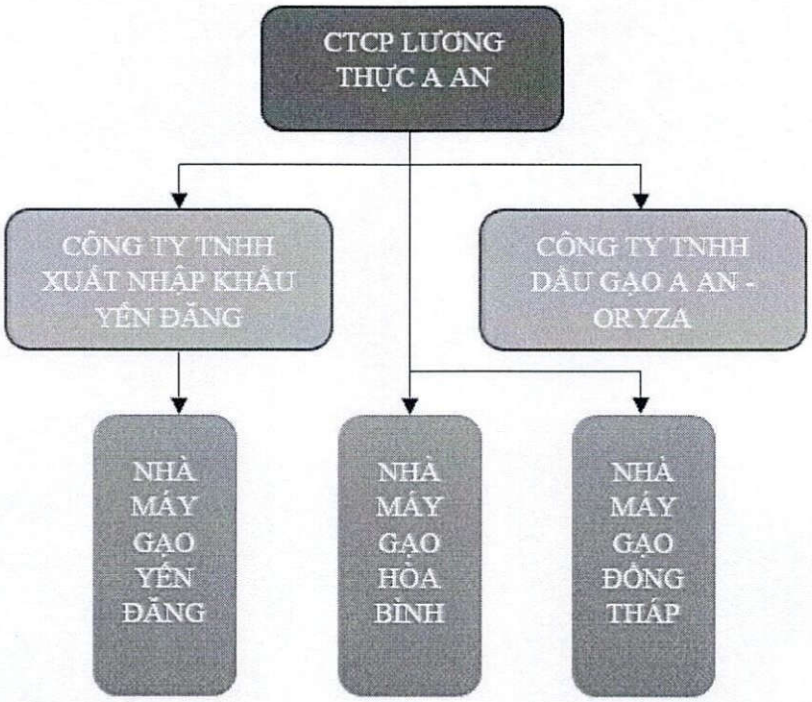
- 11/2024: đạt chứng nhận Công ty có sản phẩm đạt thương hiệu Quốc gia Việt Nam trong chương trình Thương hiệu Quốc gia Việt Nam do Bộ Công thương tổ chức

2025

- 07/2025: Trở thành Công ty đại chúng với vốn điều lệ 350 tỷ đồng


Các thành tựu Thương hiệu gạo A An đã đạt được
Thương hiệu gạo A An ra đời phương châm LÀNH GẠO NGON CƠM, doanh nghiệp cam kết KHÔNG ĐẢO TRỘN, KHÔNG CHẤT TẠO MÙI
3 năm liên tiếp thương hiệu gạo A An được Tạp chí Kinh tế Việt Nam vinh danh trong top 10 sản phẩm tin dùng
Gạo A An được trao tặng danh hiệu Thương hiệu Quốc gia theo quyết định của Bộ trưởng Bộ công thương
Ra mắt sản phẩm A An ST25 - loại gạo đạt giải ngon nhất Thế giới
Hơn 100.000 tấn gạo đã được đại diện các địa phương gửi đến tận tay những người lao động đang gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch
Gạo A An tiên phong chinh phục thị trường Nhật Bản
Có mặt tại 63 tỉnh thành, với gần 70.000 điểm bán trên toàn quốc

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành



Công ty cổ phần Lương thực A An được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Công ty hoạt động kinh doanh đa ngành, phát triển trên nền tảng ngành cơ khí chế tạo, xây dựng. Đến thời điểm hiện tại, công ty có 02 công ty con, 3 nhà máy gạo - Chi tiết các công ty con được trình bày ở mục IV.5 Bản cáo bạch này.

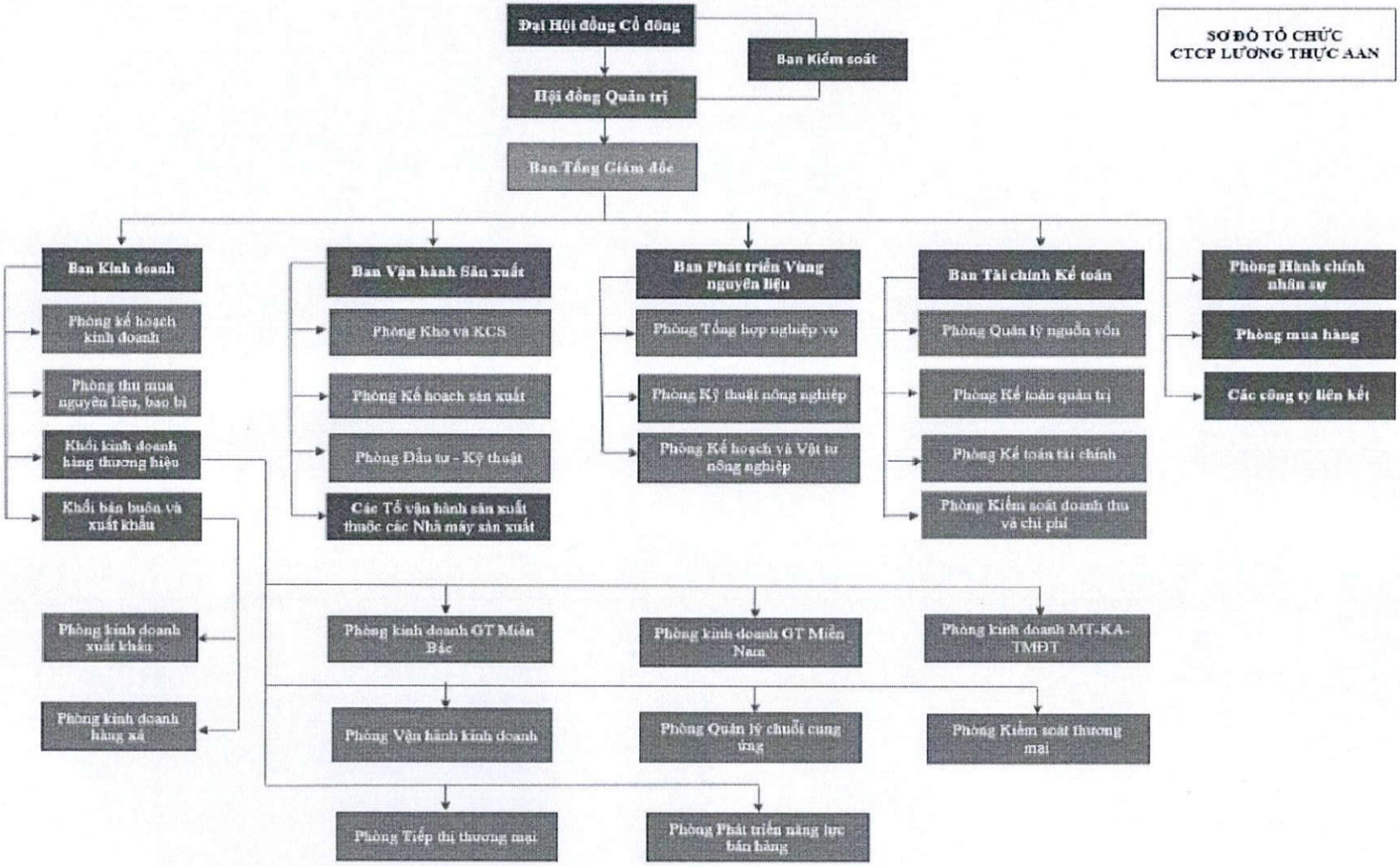
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Để chuẩn bị cho công tác quản trị công ty trước khi trở thành công ty đại chúng và mục tiêu niêm yết cổ phiếu thành công, Công ty đã từng bước xây dựng lộ trình quản trị trên tinh thần tuân thủ nguyên tắc và nội dung quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng theo quy định tại Điều 40, 41 Luật Chứng khoán năm 2019 và sẽ thực hiện đầy đủ theo các quy định, hướng dẫn tại Chương VIII: Quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng - Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã triển khai được một số hoạt động quản trị như sau:

- Thông qua áp dụng điều lệ công ty theo mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 15.04/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2025;
- Kiện toàn bộ máy về Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đáp ứng đúng điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 24.03/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2025;
- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025;

- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025;
- Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025;
- Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty tại Nghị quyết HĐQT số 15.8/2025/NQ-HĐQT ngày 15/08/2025;
- Ủy quyền cho người phụ trách Công bố thông tin nhằm tuân thủ quy định về công bố thông tin, đảm bảo kịp thời, công khai minh bạch thông tin trên thị trường chứng khoán theo các quy định của pháp luật có liên quan.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CTCP LƯƠNG THỰC AAN



4.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động.

4.2 Hội đồng quản trị

Số thành viên HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động.

4.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;

- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

4.4 Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm giúp đỡ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Ban hành những chính sách, quy trình, quy định phù hợp riêng cho từng mảng hoạt động đảm bảo tối ưu về vận hành và giảm thiểu rủi ro và chi phí hoạt động.
- Luôn luôn quan sát, theo dõi sát sao sự vận hành của hệ thống đảm bảo mọi hoạt động của công ty, của từng phòng ban luôn đi đúng hướng theo định hướng và chiến lược đã được HĐQT đề ra và luôn có những hướng dẫn, chỉ đạo và quyết định xử lý kịp thời nếu có dấu hiệu lệch hướng.
- Ban hành chính sách thưởng – phạt phân minh nhằm tạo động lực kích thích tinh thần làm việc của toàn bộ CBCNV công ty cũng như có những răn đe chính đáng nhằm tránh rủi ro về mất nhân sự và tài sản.

4.5 Ban Kinh doanh

❖ **Chức năng**

- Ban kinh doanh vận hành theo mô hình quản lý tập trung, điều phối hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm mua hàng nguyên liệu, bán hàng xá, bán cung ứng xuất khẩu và xuất khẩu trực tiếp (bao gồm uỷ thác xuất khẩu nếu có).
- Ban kinh doanh là bộ phận tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong hoạt động phân tích thị trường lúa gạo, lập kế hoạch mua bán hàng hoá.
- Ban kinh doanh đảm bảo vận hành kiểm tra, kiểm soát các hoạt động liên quan bán hàng cung ứng nội địa, bán hàng xuất khẩu và thu mua hàng nguyên liệu.

❖ **Nhiệm vụ**

- Phân tích về thị trường, nhu cầu tiêu thụ, khả năng mua hàng, tồn kho hàng hoá từ đó đưa

ra đề xuất mua hàng, bán hàng.

- Điều phối hoạt động mua hàng nguyên liệu lúa, gạo nhằm đảm bảo kế hoạch kinh doanh theo chủ trương của Ban lãnh đạo Công ty.
- Điều phối hoạt động bán hàng cung ứng nội địa và xuất khẩu theo đúng chủ trương Ban lãnh đạo Công ty.

❖ **Quyền hạn.**

- Được quyền điều phối hoạt động mua bán lúa, gạo theo chủ trương đã được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt.
- Lập kế hoạch mua hàng, bán hàng nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh Công ty theo đúng chủ trương của Ban lãnh đạo.
- Được quyền phối hợp với Ban Vận hành Sản xuất trong các hoạt động mua bán hàng, sản xuất trả đơn hàng.
- Được quyền yêu cầu Ban tài chính phối hợp cung cấp thông tin về thanh toán, theo dõi công nợ bán hàng nhằm đảm bảo cho công tác mua hàng và bán hàng được thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo đúng chủ trương Ban lãnh đạo đề ra.
- Đánh giá hiệu quả công việc, đề xuất khen thưởng, kỹ luật nhân sự thuộc phạm vi vận hành của Ban kinh doanh.

4.6 Ban vận hành sản xuất

a) Chức năng:

- Công tác Logistics: Sắp xếp, chọn lựa phương thức và phương tiện vận chuyển phù hợp, kịp thời đáp ứng nhu cầu nhập - xuất hàng hóa; điều phối phương tiện vận chuyển từ khâu mua hàng, bán hàng và chuyển hàng hoá nội bộ phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Phối hợp quản lý công tác giao nhận, đảm bảo giao nhận hàng đầy đủ, đúng loại, không để xảy ra tình trạng thất thoát và kịp tiến độ giao hàng theo đúng kế hoạch.
- Lập kế hoạch sản xuất, luân chuyển hàng nội bộ, theo dõi đóng hàng túi, hàng xá và hàng đã xuất lên phương tiện vận chuyển… triển khai tổ chức thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, tăng năng suất. Thiết lập, duy trì và cải tiến quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá hiệu suất sử dụng kho chứa, năng suất hoạt động của các dây chuyền sản xuất, đề xuất giải pháp cải thiện làm tăng năng suất.

b) Nhiệm vụ.

**** Nhiệm vụ Logistics.***

- Tiếp nhận thông tin kế hoạch vận chuyển lúa/gạo/cám, vật tư… của các bộ phận liên quan.
- Lập kế hoạch vận chuyển theo yêu cầu và chủ động điều động phương tiện nhận lúa/gạo/cám/vật tư… luân chuyển kho nội bộ, nhận hàng mua cung ứng, vận chuyển hàng xuất khẩu và phương tiện nhận hàng tàu nội địa đúng tiến độ.
- Theo dõi nhập liệu thông tin các phương tiện vận chuyển, đảm bảo đầy đủ thông tin phương

tiện, giao nhận, theo dõi hao hụt, đăng tài,… Tổng hợp phân tích số liệu, lập báo cáo theo dõi vận chuyển theo tuần, tháng. Báo cáo đăng tài hàng ngày.

- Thường xuyên rà soát cung đường, giá vận chuyển, các chính sách dôi nhật để có sự điều chỉnh thay đổi phù hợp trong vụ cao điểm và ngoài vụ thấp điểm.
- Đề xuất trình duyệt giá vận chuyển đối với các cung đường mới phát sinh. Trình phê duyệt cho các lô hàng vận chuyển gấp, các lô hàng phát sinh đặc biệt.
- Hoàn thiện hồ sơ chứng từ hợp đồng, phụ lục, tờ trình,…. liên quan đến hoạt động vận chuyển hàng hóa của Công ty.
- Mở rộng tìm kiếm các đơn vị vận tải phục vụ cho hoạt động vận chuyển. Thực địa khảo sát thường xuyên các tuyến vận chuyển đường thủy.

**** Nhiệm vụ Kho bao bì Tổng.***

- Phối hợp theo dõi về nhập – xuất tại kho, bao bì tồn kho; thiết lập sơ đồ kho, vị trí, loại bao, số lượng để dễ nhận dạng cây hàng.
- Thường xuyên kiểm tra kho Bao bì đảm bảo đúng số lượng, chất lượng, đúng quy định; thực hiện các đề xuất bán thanh lý bao bì phế không thể tái sử dụng.

c) Quyền hạn.

- Đánh giá kết quả tổng hợp thông tin báo giá vận chuyển, đàm phán, thương thảo hợp đồng, đề xuất Ban giám đốc phê duyệt chọn đơn vị thực hiện. Kết hợp tổ chức đánh giá khách hàng uy tính hàng năm.
- Lập kế hoạch và chuẩn bị cho công tác vận chuyển, chọn lựa phương tiện vận chuyển phù hợp.
- Theo dõi và giám sát chặt chẽ quá trình giao nhận hàng, đảm bảo chất lượng, số lượng, chuẩn loại và đúng tiến độ.
- Thực hiện sản xuất theo kế hoạch, luân chuyển hàng nội bộ, theo dõi đóng hàng túi, hàng xá và hàng đã xuất lên phương tiện vận chuyển…
- Theo dõi, kiểm tra chất lượng nguồn hàng hoá đầu vào, công đoạn sản xuất, xuất hàng, kiểm tra từng phương thức sản xuất tại nhà máy/kho phù hợp kế hoạch sản xuất.
- Xây dựng số lượng và khối lượng công việc, thời gian phải hoàn thành công việc, thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi công việc và thứ tự thực hiện các công việc theo kế hoạch sản xuất đã được phê duyệt.
- Được yêu cầu, đề nghị các phòng/bộ phận cung cấp các tài liệu có liên quan để thực hiện các công việc cần thiết.
- Đánh giá hiệu quả công việc từng nhân sự, đề xuất, khen thưởng, kỷ luật đối với nhân sự thuộc lĩnh đang quản lý..

4.7 Ban phát triển Vùng nguyên liệu

a) Phòng Tổng hợp Nghiệp vụ

- Phối hợp tổ chức các sự kiện hội, họp; kế hoạch làm việc với Sở, Ban ngành, các địa phương trong vùng nguyên liệu. Tham mưu, thực hiện các chính sách, lịch công tác, kế hoạch dự nguồn tài chính (nếu có) …
- Nghiên cứu, tham mưu cho BLĐ các vấn đề liên quan đến luật pháp và hệ thống quy định, chính sách, quy trình thủ tục hành chính liên quan đến Ban Phát triển vùng nguyên lệu.
- Phối hợp thiết lập và tổ chức thực hiện các Tiêu chuẩn An Toàn Vệ Sinh Thực phẩm liên quan đến gạo thương hiệu, gạo an toàn thực phẩm, gạo hữu cơ… đang lưu thông và định hướng của Công ty.
- Theo dõi & vận hành Hệ thống Quản lý chất lượng theo yêu cầu của các Tiêu chuẩn hiện có trong vùng nguyên liệu.
- Điều phối, triển khai hoạt động đánh giá bên ngoài/nội bộ như: Đánh giá nhà cung cấp; tiếp và làm việc với các đoàn đánh giá/khách hàng; triển khai đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng thuộc Ban.
- Cập nhật hồ sơ các tiêu chuẩn chất lượng đang áp dụng: chương trình thẩm tra, theo dõi thiết bị đo lường, hiệu chuẩn/kiểm định thiết bị đo lường định kỳ.
- Kiểm soát hồ sơ và đánh giá nhà cung cấp nguyên/nhiên vật liệu có liên quan.
- Kiểm soát quy trình Kiểm soát côn Trùng, động vật gây hại; đánh giá và quản lý nhà thầu thực hiện.
- Phối hợp hướng dẫn nông dân cách ghi chép nhật ký theo quy trình đánh giá chất lượng.
- Quản lý, đánh giá nhân sự của Ban, đề xuất thuyên chuyển, đánh giá KPIs, khen thưởng.
- Phối hợp thực hiện các thủ tục thanh toán, quyết toán. Quản lý, lưu trữ hồ sơ, sổ sách, chứng từ liêu liên quan đến Ban.

b) Phòng Kỹ thuật nông nghiệp

- Nghiên cứu, phân tích đánh giá vùng nguyên liệu, các loại giống, thổ nhưỡng và các nguy hiểm tiềm tàng xung quanh. Theo dõi tiến độ từ khi xử lý đất trồng, sự phát triển, sinh trưởng của cây lúa, hướng dẫn nông dân cách canh tác phù hợp với chất lượng Công ty đã định hướng.
- Thường xuyên xuống đồng cùng nông dân chăm sóc lúa và kiểm tra chất lượng, theo dõi, quan sát quá trình sinh trưởng cây lúa. Tổ chức họp nông dân nồng cốt trong việc xây dựng qui trình kỹ thuật
- Định lượng và thời gian bón phân, phun thuốc hợp lý nhất, đánh giá chất lượng sinh trưởng lúa để đảm bảo chất lượng và năng suất sau thu hoạch.
- Nghiên cứu các loại thuốc phòng, chữa bệnh cho lúa. Phối hợp hướng dẫn nông dân ghi chép sổ sách (nếu có). Đánh giá chất lượng, hiệu quả vật tư nông nghiệp sau khi sử dụng. Tham mưu BLĐ các chủng loại vật tư chất lượng trên thị trường.
- Cập nhật các kỹ thuật mới trong canh tác lúa, định hướng, hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân các kiến thức chăm sóc cây lúa, áp dụng công nghệ phù hợp… để nông dân có hiệu

quả tốt nhất.

- Kiểm tra sự tuân thủ sử dụng thuốc, vật tư tại các nông hộ (thông qua sổ nhật ký có đầy đủ thông tin về loại vật tư: giống, phân bón, thuốc); đánh giá chung mức độ sâu bệnh hại.
- Phối hợp Phòng phòng Kế hoạch và Vật tư trong việc lập kế hoạch sử dụng vật tư theo từng giai đoạn sinh trưởng, mùa vụ; cắt, ngưng sử dụng phân bón, ngưng phun thuốc; cắt ngưng nước… báo cáo, trình BLĐ phê duyệt chốt giá khi thu hoạch lúa.
- Cung cấp các thông tin cần lưu ý về chất lượng lúa khác biệt giữa các hộ nông dân cho Tổ thu mua (nếu có).
- Quan hệ tốt với Chính quyền địa phương, nông hộ trong các công tác có liên quan đến dự án.

c) Phòng kế hoạch và vật tư nông nghiệp

Vật tư nông nghiệp

- Lập kế hoạch phù hợp về công tác quản lý và sử dụng vật tư nông nghiệp vào canh tác lúa tại các vùng nguyên liệu đã liên kết, bao tiêu. Vật tư bao gồm: lúa giống; phân bón vô cơ, hữu cơ và phân bón khác; thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất, chế phẩm sinh học; chất xử lý, cải tạo môi trường trong sản xuất lúa, …
- Phối hợp phân tích, đánh giá chất lượng, giá cả vật tư. Tham mưu, đề xuất giải pháp nhằm sử dụng nguồn vật tư tiết kiệm và hiệu quả, tránh lãng phí.
- Phối hợp Phòng Kỹ thuật nông nghiệp trong việc lập kế hoạch vật tư trình BLĐ phê duyệt cụ thể theo từng mùa vụ, từng vùng nguyên liệu; xác định số lượng vật tư cần dùng, hoặc đề xuất mua mới hay cần dự trữ sử dụng, đảm bảo chất lượng vật tư khi sử dụng.
- Phân phối lượng vật tư cần dung kịp thời khi có nhu cầu, đảm bảo số lượng và thời điểm sử dụng, đúng thời gian dự kiến. Quản lý tốt khối lượng vật tư, đề xuất các giải pháp lưu trữ vật tư phù hợp.

Kế hoạch – Bao tiêu

- Nghiên cứu, phân tích đánh giá, lập kế hoạch bao tiêu từng vùng nguyên liệu, chủng loại giống. Theo dõi, tham mưu cho BLĐ trong suốt quá trình từ khi xử lý đất trồng, xuống giống đến khi thu hoạch; công tác vận chuyển lúa về nhà máy sấy.
- Lập danh sách HTX, hộ nông dân tham gia liên kết.
- Tham mưu các hình thức hợp đồng bao tiêu với các Hợp tác xã (HTX), hộ nông dân về diện tích bao tiêu, phương thức sản xuất…
- Phối hợp Phòng kỹ thuật nông nghiệp và địa phương, vùng nguyên liệu, hộ nông dân để lấy thông tin "Lịch gieo sạ" để lên kế hoạch canh tác, xuống giống, thu hoạch, tham mưu chốt giá sau thu hoạch; kế hoạch nhận hàng, đảm bảo phương tiện, thời gian cũng như chất lượng lúa về nhà máy sấy, xay xát..

4.8 Ban Tài chính - Kế toán

- Xây dựng và trình Ban Lãnh đạo ban hành và thường xuyên cập nhật các quy định, quy

trình trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán cũng như quy định, quy trình khác đảm bảo phục vụ cho công việc hạch toán, thống kê đúng quy định hiện hành của pháp luật, phù hợp với quy định Công ty và sát thực tiễn hoạt động sản xuất - kinh doanh.

- Xây dựng và trình Ban lãnh đạo phê duyệt: Sơ đồ cơ cấu tổ chức, hệ thống chức danh Ban Tài chính - Kế toán; Định biên nhân sự và mô tả công việc Ban Tài chính - Kế toán; quy định, quy trình đánh giá nhân sự Ban Tài chính - Kế toán
- Hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời giá vốn hàng hóa; Quản lý/kiểm soát chi phí phát sinh của Công ty; Lập kế hoạch chi phí và đánh giá tình hình thực hiện, đưa ra giải pháp tối ưu để tiết giảm chi phí, giá thành sản xuất.
- Theo dõi, hạch toán hàng tồn kho, vật tư, công cụ dụng cụ hiệu quả. Định kỳ tổ chức kiểm kê tài sản, hàng tồn kho.
- Phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty để xây dựng và quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tiêu hao vật tư, tính toán giá thành sản phẩm định kỳ (giá thành kế hoạch, giá thành thực tế). Định kỳ phân tích đánh giá kết quả thực hiện giá thành sản phẩm.
- Xây dựng phương án tài chính, kế hoạch dòng tiền và quản lý/kiểm soát tình hình thực hiện, thường xuyên đánh giá nguyên nhân biến động và báo cáo đề xuất/tham mưu kịp thời đến Ban lãnh đạo Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn tối ưu và đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã được Ban lãnh đạo phê duyệt.
- Phân tích, tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về hiệu quả đầu tư mua sắm tài sản, máy móc thiết bị, xây dựng, mảng kinh doanh mới,... trước khi quyết định đầu tư; theo dõi, giám sát trong giai đoạn đầu tư; đánh giá hiệu quả đầu tư để có ý kiến/đề xuất kịp thời.
- Hoàn thành nghĩa vụ thuế, lập báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật, làm việc với đoàn thanh tra thuế và kiểm toán.
- Kiểm tra, đối chiếu về các dữ liệu kế toán liên quan đối với báo cáo quyết toán xuất nhập khẩu; Hoàn thiện sổ sách, chứng từ đầy đủ, chính xác, kịp thời
- Phân tích, đánh giá rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính - kế toán và tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro.
- Đối chiếu công nợ định kỳ, đôn đốc các bộ phận liên quan trong việc thu hồi nợ.
- Thực hiện chế độ Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất đến Ban lãnh đạo Công ty về: Báo cáo tài chính; Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo quản trị và các báo cáo, thống kê khác theo yêu cầu.
- Chủ động đề xuất Ban lãnh đạo Công ty giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn, nguồn vốn hoạt động, lượng tồn kho phù hợp/an toàn, và các đề xuất khác giúp tối ưu hiệu quả/lợi ích trong hoạt động Công ty.
- Chủ trì triển khai phần mềm quản trị dữ liệu kế toán/ERP của Công ty.
- Tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật nghiệp vụ chuyên môn cho nhân sự Ban Tài

chính - Kế toán.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Lãnh đạo Công ty.

4.9 Phòng Hành chính nhân sự

❖ **Chức năng hành chính**

- Tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban Lãnh đạo Công ty
- Nghiên cứu, soạn thảo và trình duyệt các quy định áp dụng trong Công ty, xây dựng cơ cấu tổ chức của Công ty - các bộ phận và tổ chức thực hiện.
- Phục vụ các công tác hành chính để BLĐ thuận tiện trong chỉ đạo –điều hành, phục vụ hành chính để các bộ phận khác có điều kiện hoạt động tốt.
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty.
- Quản lý hồ sơ phương tiện, tiếp nhận và điều hành phương tiện phục vụ công tác của các bộ phận.
- Quản lý hồ sơ phương tiện: sổ kiểm định, giấy đăng ký xe, bảo hiểm vật chất, dân sự, nhật ký hành trình, bảo dưỡng, sửa chữa.
- Xây dựng quy trình tiếp nhận và điều hành phương tiện để sử dụng phương tiện của Công ty đúng mục đích và hiệu quả.
- Thực hiện công tác bảo vệ và đưa ra quy chế về công tác vệ sinh nhà máy, phân xưởng, văn phòng.

❖ **Chức năng Nhân sự**

- Thực hiện công tác tuyển dụng nhận sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, chiến lược của Công ty.
- Tổ chức và phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo.
- Tổ chức việc quản lý nhân sự toàn Công ty.
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ cho người lao động.
- IT: Quản lý, tổ chức thực hiện công tác hệ thống công nghệ thông tin của Công ty phần cứng.
- Thực hiện các báo cáo nội bộ theo Quy định của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.

4.10 Phòng mua hàng

- Kiểm tra, giám sát và quản lý chung việc mua hàng hóa dịch vụ, vật tư, vận chuyển… của phòng mua hàng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;
- Kiểm tra, giám sát và quản lý chung việc các công trình cải tạo sửa chữa, đầu tư xây dựng mới hoặc mua sắm trang thiết bị mới cho nhà máy;
- Trực tiếp xử lý công việc mua hàng;

- Đánh giá kết quả tổng hợp của nhân viên, kiểm tra thông tin báo giá, đàm phán, thương thảo hợp đồng. Trình phê duyệt chọn đơn vị thực hiện;
- Kiểm tra thông tin báo giá. Kiểm tra trình mail phê duyệt mua hàng hóa dịch vụ. Hỗ trợ đàm phán, thương thảo. Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình mua - giao hàng- bảo hành của hàng hóa, dịch vụ;
- Báo cáo, giải trình với cấp trên khi có yêu cầu;
- Tiếp nhận và giải quyết các phản hồi về thái độ làm việc, tác phong công việc và các vấn đề có liên quan đến nhân sự thuộc phòng ban;
- Một số công việc khác theo yêu cầu của cấp trên.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức phát hành

5.1. Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Siba Holdings

- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội
- Vốn điều lệ: 2.139 tỷ đồng
- Ngày thành lập: 14/10/2021
- Số giấy CNĐKDN: Giấy CNĐKDN số 0109778609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/10/2021, thay đổi lần 3 ngày 27/11/2024
- Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư
- Tỷ lệ sở hữu, biểu quyết của công ty tại AAN:

Năm	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Tỷ lệ sở hữu	52,14 %	52,14 %	52,14 %
Tỷ lệ biểu quyết	52,14 %	52,14 %	52,14 %

5.2. Công ty con

Công ty có các công ty con sau:

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Đăng

- Địa chỉ: Số 494 Ấp Tân Quới, Xã Thạnh Đông, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng
- Ngày thành lập: 28/11/2017
- Số giấy CNĐKDN: 1801581566 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp phát Đăng ký lần đầu ngày 28/11/2017. Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25/11/2024.
- Hoạt động kinh doanh chính: Xay xát và sản xuất bột thô, bán buôn, bán lẻ lương thực, thực phẩm.
- Tỷ lệ sở hữu, biểu quyết của công ty tại AAN: 0%

- Tỷ lệ sở hữu, biểu quyết của AAN:

Năm	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Tỷ lệ sở hữu	99%	99%	99%
Tỷ lệ biểu quyết	99%	99%	99%

(Nguồn: AAN)

- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	6T/2025
1	Doanh thu thuần	209.417.155.220	232.123.743.470	109.832.380.860
2	Lợi nhuận gộp	12.825.616.999	2.739.076.699	1.207.930.121
3	Lợi nhuận trước thuế	1.407.948.030	985.739.898	207.841.398
4	Lợi nhuận sau thế	1.126.358.424	788.591.918	166.273.118
5	Lợi nhuận sau thế chưa phân phối	1.795.428.155	2.584.020.073	2.750.293.191

(Nguồn: AAN)

Công ty TNHH Dầu gạo A An – Oryza

- Địa chỉ: Ấp Giồng Cát, xã Vĩnh Gia, tỉnh An Giang.
- Vốn điều lệ: 10 tỷ đồng
- Ngày thành lập: 19/07/2024
- Số giấy CNĐKDN: 1602184250 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp phát Đăng ký lần đầu ngày 19/07/2024
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật
- Tỷ lệ sở hữu, biểu quyết của công ty tại AAN: 0%
- Tỷ lệ sở hữu, biểu quyết của AAN:

Năm	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Tỷ lệ sở hữu	0	100%	100%
Tỷ lệ biểu quyết	0	100%	100%

(Nguồn: AAN)

- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	6T/2025

1	Doanh thu thuần	0	0	0
2	Lợi nhuận gộp	0	0	0
3	Lợi nhuận trước thuế	0	283.013	98.406.500
4	Lợi nhuận sau thế	0	226.410	78.725.200
5	Lợi nhuận sau thế chưa phân phối	0	226.410	78.951.610

(Nguồn: AAN)

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Lương thực A An được thành lập ngày 27/01/2021 bởi 3 cổ đông sáng lập với mức vốn điều lệ thực góp là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng), tương ứng với 10.000.000 cổ phần. Sau hơn 04 năm hoạt động, Công ty đã thực hiện 01 lần tăng vốn để nâng mức vốn điều lệ hiện tại của AAN lên 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng), tương ứng 35.000.000 cổ phiếu đang lưu hành:

Bảng 2. Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của AAN

Stt	Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau tăng (Tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
1	27/01/2021 - 28/10/2021 (*)	100	100	Góp vốn thành lập	Sở KH & ĐT TP. Hà Nội
2	11/08/2023	250	350	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Sở KH & ĐT TP. Hà Nội

(Nguồn: Công ty cổ phần Lương thực A An)

(*): Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp lần đầu ngày 27/01/2021: Vốn điều lệ đăng ký thành lập của Công ty là 250 tỷ đồng, tuy nhiên thực tế các cổ đông chỉ góp được 100 tỷ đồng và Công ty đã điều chỉnh thay đổi vốn điều lệ thành lập từ 250 tỷ đồng xuống 100 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 01 ngày 28/10/2021

Chi tiết các đợt tăng vốn điều lệ:

6.1 Chi tiết góp vốn thành lập (100 tỷ):

- ***Phương án phát hành***:

+ Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Lương thực A An.
+ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
+ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

+ Khối lượng cổ phiếu góp vốn: 25.000.000 cổ phiếu.

+ Giá trị cổ phiếu theo mệnh giá: 250.000.000.000 đồng.

+ Hình thức góp vốn: Bằng tiền và tài sản, chi tiết như sau:

Cổ đông	Số cổ phần đăng ký góp vốn thành lập	Giá trị (VNĐ)	Hình thức góp vốn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	18.750.000	187.500.000.000	Góp bằng tiền mặt 6.500.000.000VND, góp bằng tài sản 181.000.000.000 VND
Ông Trần Hữu Vinh	3.125.000	31.250.000.000	Góp bằng tiền mặt 31.250.000.000VND
Ông Võ Quang Hải	3.125.000	31.250.000.000	Góp bằng tiền mặt 31.250.000.000VND
Tổng	**25.000.000**	**250.000.000.000**	

- ***Cơ sở pháp lý***:

+ Biên bản thỏa thuận góp vốn thành lập công ty ngày 07/01/2021với điều lệ đăng ký: 250 tỷ đồng;

+ Nghị quyết 2701/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/01/2021 thống nhất việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Lương Thực A An với vốn điều lệ đăng ký: 250 tỷ đồng;

+ Giấy CNĐKDN lần đầu, số 0109510866 ngày 27/01/2021 được cấp bởi Cơ quan đăng ký kinh doanh: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy CNĐKDN là 250.000.000.000 đồng.

+ Quyết định ĐHĐCĐ số 03/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 15/09/2021 về việc điều chỉnh thay đổi vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng xuống 100 tỷ đồng (do các cổ đông không góp đủ vốn đã đăng ký);

+ Giấy CNĐKDN thay đổi lần 01, số 0109510866 ngày 28/10/2021 được cấp bởi Cơ quan đăng ký kinh doanh: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy CNĐKDN là 100.000.000.000 đồng.

+ Điều lệ Công ty ngày 15 tháng 09 năm 2021, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 100.000.000.000 đồng;

+ Danh sách cổ đông của Công ty được lập tại ngày 15 tháng 09 năm 2021, trong đó có 03 cổ đông sáng lập;

+ Các văn bản pháp lý khác: Biên bản vi phạm hành chính số 161/BB-XPVPHC ngày 11/10/2021 và Quyết định xử phạt hành chính số 161/QĐ-XPVPHC ngày 11/10/2021 trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội về việc vi phạm quy

định về thời hạn đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (không điều chỉnh giảm vốn điều lệ do không góp đủ vốn).

- ***Kết quả phát hành***:

+ Khối lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 10.000.000 cổ phiếu.

+ Giá trị cổ phiếu thực tế phát hành: 100.000.000.000 đồng.

+ Ngày bắt đầu góp vốn: 06/04/2021;

+ Ngày hoàn thành góp vốn: 30/06/2021;

+ Chi tiết góp vốn thực tế của các cổ đông sáng lập:

STT	Cổ đông góp vốn	Góp bằng tiền (đồng)	Góp bằng tài sản
1	CTCP Tập đoàn Tân Long	6.500.000.000	Góp vốn bằng hàng hóa (gạo các loại, bao bì, ...) có giá trị ghi nhận 68.500.000.000 đồng
2	Ông Trần Hữu Vinh	12.500.000.000	-
3	Ông Võ Quang Hải	12.500.000.000	-
	Tổng	**31.500.000.000**	**68.500.000.000**

- ***Đơn vị chấp thuận:*** Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội

- Cơ ***cấu cổ đông sau góp vốn thành lập***: 03 cổ đông, cụ thể:

STT	Tên cổ đông	CCCD/DKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	CTCP Tập đoàn Tân Long	0100978593	75.000.000.000	75%
2	Võ Quang Hải	040093016664	12.500.000.000	12,5%
3	Trần Hữu Vinh	083093000058	12.500.000.000	12,5%
Tổng			**100.000.000.000**	**100%**

- ***Sử dụng vốn góp thành lập***:

+ Vốn góp bằng tiền (31,5 tỷ đồng): Thanh toán cho nhà cung cấp bao gồm: Thanh toán tiền nhập khẩu thịt lợn, bò 6.500.000.000 đồng; thanh toán tiền mua gạo: 25.000.000.000 đồng;

+ Vốn góp bằng tài sản (hàng hóa - 68.500.000.000 đồng): Bổ sung nguồn hàng hóa cho hoạt động kinh doanh của Công ty và đã được bán hết với giá cao hơn giá nhận góp vốn. Công nợ phải thu liên quan đến việc bán hàng trên đã được thu hồi hết.

6.2 Chi tiết các đợt tăng vốn điều lệ: Tăng vốn từ 100 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng

- ***Phương án phát hành***:

+ Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Lương thực A An.

+ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

+ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.

+ Khối lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 25.000.000 cổ phiếu.

+ Giá trị cổ phiếu phát hành tính theo giá phát hành: 250.000.000.000 đồng.

+ Hình thức góp vốn: Bằng tiền và tài sản.

+ Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu. Chi tiết như sau:

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu trước phát hành	Số cổ phần được quyền mua (*)	Số cổ phần đăng ký mua (*)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	7.500.000	18.750.000	8.000.000
Công ty Cổ phần Siba Holdings	1.250.000	3.125.000	17.000.000
Ông Võ Quang Hải	1.250.000	3.125.000	-
Tổng	**10.000.000**	**25.000.000**	**25.000.000**

(*) Trong đó:

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long không đăng ký mua 10.750.000 cổ phần theo tỷ lệ sở hữu hiện tại và chỉ định cổ phần chào bán cho Công ty Cổ phần Siba Holdings. Quyền mua 8.000.000 cổ phần được Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long thực hiện bằng việc góp vốn bằng tài sản giá trị dự kiến là 80.000.000.000 VND.

+ Cổ đông Võ Quang Hải không đăng ký mua 3.125.000 cổ phần theo tỷ lệ sở hữu hiện tại và chỉ định cổ phần chào bán cho Công ty Cổ phần Siba Holdings.

+ Công ty Cổ phần Siba Holdings đăng ký mua thêm 13.875.000 cổ phần do các cổ đông khác không đăng ký mua. Tổng quyền mua 17.000.000 cổ phần được Công ty Cổ phần Siba Holdings thực hiện bằng việc góp vốn bằng tiền 170.000.000.000 VND.

- ***Cơ sở pháp lý***:

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 15.11/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/11/2022 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 100 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng;

+ Nghị quyết HĐQT số 0212/NQ-HĐQT-AAN ngày 02/12/2022 về việc thông qua việc góp vốn của Công ty cổ phần Siba Holdings bằng tiền với giá trị 170 tỷ đồng;

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 15.03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2023 về việc thông qua danh mục và giá trị tài sản góp vốn của Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Long với giá trị 80 tỷ đồng;

+ Nghị quyết HĐQT số 18.06/NQ-HĐQT-AAN ngày 18/06/2023 về việc thông qua nhận tài sản góp vốn bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;

+ Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 13/07/2023 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

+ Giấy CNĐKDN thay đổi lần thứ 4, số 0109510866 được cấp ngày 11/08/2023 bởi Cơ quan

đăng ký kinh doanh: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 350.000.000.000 đồng;

+ Điều lệ Công ty ngày 13 tháng 07 năm 2023, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 350.000.000.000 đồng;

+ Danh sách cổ đông của Công ty được lập tại ngày 13 tháng 07 năm 2023, trong đó có 03 cổ đông góp vốn.

- ***Kết quả phát hành***:

+ Khối lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 25.000.000 cổ phiếu.

+ Giá trị cổ phiếu thực tế phát hành: 250.000.000.000 đồng.

+ Ngày bắt đầu góp vốn: 01/12/2022;

+ Ngày hoàn thành góp vốn: 12/07/2023;

+ Chi tiết góp vốn thực tế của các cổ đông:

STT	Cổ đông góp vốn	Góp bằng tiền (đồng)	Góp bằng tài sản
1	CTCP Tập đoàn Tân Long	-	Góp vốn bằng nhà máy gạo (bao gồm quyền sử dụng đất, công trình trên đất, máy móc, thiết bị, ,,,) có giá trị ghi nhận 80.000.000.000 đồng
2	CTCP Siba Holdings	170.000.000.000	-
	Tổng	**170.000.000.000**	**80.000.000.000**

- ***Đơn vị chấp thuận:*** Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội

- ***Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn***: 03 cổ đông

STT	Cổ đông	CMND/CCCD/DKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	CTCP Tập đoàn Tân Long	0100978593	15.500.000	44,29%
2	Công ty cổ phần Siba Holdings	0109778609	18.250.000	52,14%
3	Võ Quang Hải	040093016664	1.250.000	3,57%
Tổng			**35.000.000**	**100%**

- ***Sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn***:

+ Sử dụng vốn góp bằng tiền (170 tỷ đồng): Đầu tư tài chính số tiền 148,5 tỷ đồng theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 28.11/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 và thanh toán

cho nhà cung cấp (21,5 tỷ đồng).

+ Sử dụng vốn góp bằng tài sản: bổ sung tài sản, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ các tài sản góp vốn đã được bàn giao theo Biên bản bàn giao tài sản số 1906/2023/BBGNTS/AAN-TL ngày 19/06/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long và Công ty Cổ phần Lương Thực A An. Các Tài sản trên được quản lý và sử dụng tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực A An tại Đồng Tháp tại xã Định An, huyện Lò Vấp, tỉnh Đồng Tháp.

6.3 Ý kiến của đơn vị kiểm toán về việc tăng vốn điều lệ

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số: 3010.01/2021/NVT2-BCV ngày 08/05/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt về Báo cáo vốn điều lệ đã góp của Chủ sở hữu từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến ngày 05 tháng 05 năm 2025 của Công ty cổ phần Lương thực A An. Kiểm toán viên có ý kiến như sau: "*Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo vốn điều lệ đã góp của chủ sở hữu đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình góp vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Lương thực A An từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến ngày 05 tháng 05 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo vốn điều lệ đã góp của Chủ sở hữu.*"

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Từ năm 2021 cho đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản góp vốn, thoái vốn lớn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên (theo giá trị tổng tài sản của Công ty tại thời điểm góp vốn, thoái vốn).

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 3. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Công ty tại ngày 15/08/2025

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ
I.	**Cổ đông trong nước**	**455**	**35.000.000**	**100%**
1.	*Tổ chức*	1	18.250.000	52,14%
2.	*Cá nhân*	454	16.750.000	47,86%
II.	**Cổ đông nước ngoài**	**0**	**0**	**0**
1.	*Tổ chức*	*0*	*0*	*0*
2.	*Cá nhân*	*0*	*0*	*0*
III.	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	***0***	***0***
	Tổng cộng	**455**	**35.000.000**	**100%**

(Nguồn: AAN)

(Ghi chú: Toàn bộ cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành của Công ty đều là cổ phiếu phổ thông)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Căn cứ theo Ngành nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài được quy định tại Nghị định 31/2021/NĐ-CP, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%
- Tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 02/2025/NQĐHĐCĐ-AAN đã thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 0%;
- Theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/08/2025, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Lương thực A An (A An) là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông sản thực phẩm, với trọng tâm là sản xuất, chế biến và phân phối lúa gạo theo mô hình chuỗi giá trị khép kín. A An hiện là một trong những thương hiệu gạo uy tín tại Việt Nam, có năng lực cạnh tranh cao ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu.

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- **Sản xuất và kinh doanh gạo – ngành nghề cốt lõi**. Đây là lĩnh vực hoạt động chính, chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất của Công ty, bao gồm:

+ Sản xuất – chế biến gạo: Công ty vận hành các nhà máy xay xát, lau bóng và phân loại gạo hiện đại đặt tại các vùng trọng điểm lúa gạo của Đồng Bằng Sông Cửu Long. Quy trình sản xuất khép kín, đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế (ISO, HACCP, BRC).

+ Kinh doanh và phân phối gạo nội địa: Kênh bán lẻ, sỉ (cung cấp gạo túi thương hiệu Aan), Kênh bán buôn: cung cấp gạo cho các đại lý, bếp ăn công nghiệp, nhà hàng – khách sạn, trường học.

+ Cung ứng xuất khẩu gạo: Gạo thương hiệu A An đã có mặt tại các thị trường lớn như: Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Châu Phi; các thị trường khó tính như Hàn Quốc, Nhật Bản. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục mở rộng cung ứng sang các nước có yêu cầu cao như các nước thuộc khối Liên minh Châu Âu EU, Hoa Kỳ.

- **Cung cấp dịch vụ hỗ trợ:** Ngoài hoạt động kinh doanh sản phẩm, Công ty còn khai thác hiệu quả hệ thống tài sản, nhà xưởng và năng lực chế biến thông qua:

+ Dịch vụ cho thuê kho: cho thuê kho lưu trữ nông sản và kho lạnh tại các khu vực trung tâm nguyên liệu.

+ Dịch vụ gia công gạo: nhận gia công xay xát gạo, đóng gói và xử lý gạo theo yêu cầu cho các đối tác nội địa và xuất khẩu.

- **Kinh doanh sản phẩm khác** (không thường xuyên): A An cũng phát triển một số dòng sản phẩm thực phẩm khác nhằm đa dạng hóa danh mục hàng hóa và đáp ứng xu hướng tiêu dùng:

+ Thương mại thịt tươi sống và đông lạnh: bao gồm thịt heo, bò nhập khẩu từ các quốc gia có kiểm định nghiêm ngặt.

+ Thực phẩm chế biến: xúc xích, đồ hộp, thực phẩm ăn liền…

+ Dầu thực vật: bao gồm dầu gạo, dầu hạt cải – dòng sản phẩm phụ trợ từ quá trình chế biến sâu nông sản.

10.1.1 Sản xuất - chế biến lúa gạo

Chất lượng của gạo thành phẩm không chỉ phụ thuộc vào giống lúa, mà còn được quyết định bởi quy trình chế biến sau thu hoạch – một yếu tố mang tính then chốt trong toàn bộ chuỗi giá trị ngành hàng lúa gạo. Để đạt được chất lượng cao, đảm bảo hương vị tự nhiên, độ trắng và độ nguyên vẹn của hạt gạo, việc sấy khô đúng tiêu chuẩn và bảo quản an toàn ngay sau thu hoạch là điều bắt buộc. Tuy nhiên, chế biến mới chính là giai đoạn then chốt để "nâng tầm" sản phẩm từ nông sản thô thành hàng hóa thương phẩm đạt chuẩn quốc tế.

Nhằm làm chủ toàn bộ chuỗi giá trị và kiểm soát chất lượng đầu ra, Công ty Cổ phần Lương thực A An đã đầu tư xây dựng một quy trình công nghệ chế biến gạo khép kín, hiện đại hóa hoàn toàn, được vận hành theo tiêu chuẩn ISO 22000 và HACCP. Hệ thống thiết bị của công ty được nhập khẩu, đảm bảo hiệu suất cao và khả năng xử lý tinh vi từng công đoạn nhỏ nhất.

Quy trình chế biến gạo trắng từ lúa nguyên liệu được tổ chức qua sáu (06) giai đoạn chính như sau:

- Giai đoạn 1: Tiếp nhận nguyên liệu đầu vào Lúa được tiếp nhận trực tiếp từ các vùng nguyên liệu liên kết (HTX), từ nông dân và các nhà cung cấp, được kiểm tra sơ bộ về độ ẩm, tỷ lệ thuần, tỷ lệ xanh non, lệ hạt lép – tạp chất, và các chỉ số kỹ thuật cơ bản nhằm sàng lọc nguồn nguyên liệu đạt chuẩn trước khi đưa vào sản xuất.
- Giai đoạn 2: Sấy: Lúa tươi được đưa vào hệ thống sấy tầng sôi – tuần hoàn kín để giảm độ ẩm về mức tiêu chuẩn (13%–14%). Giai đoạn này giúp bảo toàn chất lượng hạt, hạn chế nứt gãy và ngăn ngừa nguy cơ phát sinh vi sinh vật trong quá trình lưu trữ.
- Giai đoạn 3: Bóc vỏ. Lúa khô được chuyển đến máy bóc vỏ trấu. Tại đây, vỏ trấu được loại bỏ khỏi hạt lúa, tạo ra sản phẩm trung gian là gạo lức. Các phụ phẩm khác bao gồm: cám to, vỏ trấu. Vỏ trấu sau tách được thu gom tái sử dụng làm chất đốt sinh khối.
- Giai đoạn 4: Xát trắng – Lau bóng. Gạo lức tiếp tục được đưa qua các máy xát trắng, chà bóng nhằm loại bỏ lớp cám mỏng bên ngoài, giúp gạo thành phẩm đạt độ trắng và độ bóng tối ưu theo yêu cầu từng thị trường. Giai đoạn này ảnh hưởng trực tiếp đến yếu tố cảm quan và giá trị thương mại của gạo.
- Giai đoạn 5: Sortex – Phân loại tự động. Gạo trắng sau xát được xử lý bởi hệ thống máy tách màu thông minh. Thiết bị sử dụng công nghệ quang học và AI để phát hiện và loại bỏ các hạt gạo lỗi, hạt sẫm màu, hạt bị hư hỏng hoặc dị vật. Đây là công đoạn then chốt trong việc bảo đảm độ đồng đều và thẩm mỹ của sản phẩm.
- Giai đoạn 6: Định lượng – Đóng gói. Gạo đạt chuẩn sẽ được cân định lượng chính xác bằng

máy tự động, đóng gói trong bao bì 2kg, 5kg, 10kg, 25kg, 50kg hoặc bao Jumbo 1 tấn (tùy theo nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu). Mỗi bao sản phẩm đều được dán mã truy xuất nguồn gốc và thông tin kiểm định chất lượng.

Quá trình chuyển hóa hạt lúa thô thành gạo trắng chất lượng cao không chỉ là hoạt động sản xuất thông thường – mà còn là một nghệ thuật của công nghệ chế biến hiện đại. Với sự đầu tư bài bản, quy trình tiêu chuẩn hóa và năng lực vận hành chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Lương thực A An cam kết mang đến cho thị trường những sản phẩm gạo đạt chuẩn cao nhất về chất lượng, độ an toàn, khả năng truy xuất – góp phần nâng cao giá trị gạo Việt Nam trên thị trường toàn cầu.

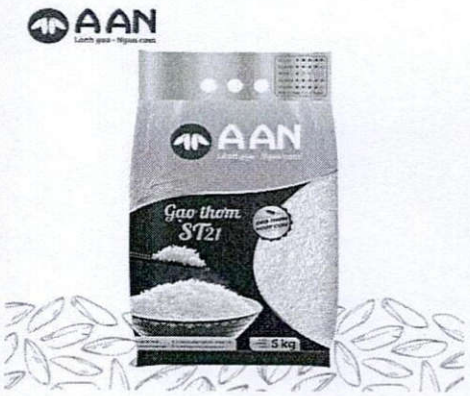
10.1.2 Kinh doanh (phân phối) gạo nội địa

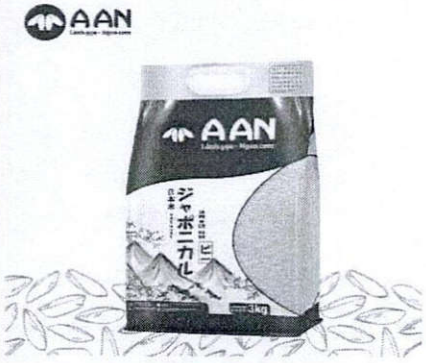
Với mục tiêu xây dựng thương hiệu gạo Việt cao cấp và bền vững, Công ty Cổ phần Lương thực A An đã tập trung nghiên cứu, phát triển và phân phối các dòng sản phẩm gạo túi mang thương hiệu A An – đại diện cho sự kết hợp giữa chất lượng nguyên liệu, quy trình canh tác tự nhiên và công nghệ chế biến hiện đại.

Công ty Cổ phần Lương thực A An triển khai hoạt động phân phối sản phẩm gạo theo nhiều hình thức, phù hợp với từng nhóm đối tượng khách hàng và kênh bán hàng khác nhau. Sản phẩm được phân phối dưới hai dạng bao bì chính, gồm:

- **Gạo túi thương hiệu (Hàng đóng gói nhỏ):** Bao gói tiêu chuẩn với quy cách: 1kg, 2kg, 3kg, 5kg và 10kg, phục vụ chủ yếu cho phân khúc tiêu dùng cá nhân và hộ gia đình. Dòng sản phẩm này được đóng gói mang thương hiệu A An, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thiết kế bao bì hiện đại, bắt mắt.

- Đặc điểm hạt gạo: Thon dài, trắng trong, hương thơm lá dứa. Độ dài trung bình: 7,4 mm. - Chất lượng cơm: Mềm, dẻo, không khô khi nguội. - Canh tác: Hoàn toàn không sử dụng hóa chất – phân bón – thuốc BVTV – chất bảo quản – chất tạo mùi – giống biến đổi gen. - Cam kết: 100% gạo hữu cơ, canh tác theo tiêu chuẩn quốc tế. - Nguồn giống: ST24 đặc sản Sóc Trăng – gạo ngon hàng đầu thế giới.	 **Gạo Hữu Cơ ST24**
- Đặc điểm hạt gạo: Thon dài, trắng trong, thơm lá dứa tự nhiên. Độ dài trung bình: 7,5 mm. - Chất lượng cơm: Dẻo nhiều, trắng	**Gạo Lúa Tôm ST25**

bóng, giữ nguyên độ mềm khi nguội. - Nguồn gốc: Giống ST25 không biến đổi gen – do kỹ sư Hồ Quang Cua phát triển. Canh tác mô hình luân canh lúa – tôm, cận hữu cơ, giàu dinh dưỡng, an toàn cho mọi đối tượng. - Danh hiệu: Gạo ngon nhất thế giới 2019	
- Đặc điểm: Hạt thon dài, trắng đều, hương thơm lá dứa đặc trưng. Độ dài trung bình hạt: 7,5 mm. - Đặc tính cơm: Hạt cơm trắng dài, bóng, dẻo nhiều và có vị ngọt tự nhiên. Cơm vẫn mềm dẻo khi để nguội. - Nguồn gốc và xuất xứ: Gạo ST25 được mệnh danh là TOP 1 gạo ngon nhất thế giới 2019, do kỹ sư HỒ QUANG CUA nghiên cứu và phát triển từ giống lúa thơm đặc sản của tỉnh Sóc Trăng. Gạo ST25 mang đến chất lượng hảo hạng, giá trị dinh dưỡng cao.	**Gạo thơm ST25** 
- Đặc điểm hạt gạo: Thon dài, trắng trong, không bạc bụng. Độ dài trung bình: 6,6 mm. - Chất lượng cơm: Vị ngọt hậu, thơm tự nhiên, dẻo, kết dính đều. - Nguồn gốc: Giống lúa thơm đặc sản được lai tạo tại Sóc Trăng, có chất lượng vượt trội so với các dòng gạo thơm khác, phù hợp xuất khẩu.	**Gạo Đặc Sản Sóc Trăng ST21** 
- Đặc điểm hạt gạo: Tròn, trắng đều, chiều dài trung bình: 5,1 mm. - Chất lượng cơm: Dẻo nhiều, mềm mịn, vị ngọt đậm hậu vị. - Nguồn gốc: Giống lúa có nguồn gốc	**Gạo Giống Nhật Japonica**

Nhật Bản, phù hợp thị hiếu tại các thị trường cao cấp như Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông và Trung Quốc.	
- Đặc điểm hạt gạo: Hạt to, dài, trắng trong, đẹp mắt. - Chất lượng cơm: Mềm, thơm nhẹ, giữ độ dẻo khi nguội. - Nguồn gốc: Giống Đài Thơm 8 do Công ty Giống cây trồng Miền Nam nghiên cứu, có khả năng thích nghi rộng, chất lượng ổn định, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu	**Gạo Đài Thơm 8** 

- **Gạo xá (Hàng bao lớn):** Bao gói thương mại với quy cách: 20kg, 25kg và 50kg, phục vụ cho nhóm khách hàng là doanh nghiệp sản xuất, chế biến như: bánh gạo, bia, bún, bánh, phở …; các bếp ăn công nghiệp và cung ứng xuất khẩu cho các thị trường trên thế giới.

Các hình thức phân phối gạo nội địa bao gồm:

- **Bán lẻ**: Là hình thức bán hàng trực tiếp đến người tiêu dùng cuối thông qua các kênh phân phối hiện đại như:

+ Hotline: Khách hàng mua qua hotline 19006869

+ SAMPLING: Là hoạt động phát sản phẩm miễn phí tại các khu điểm chợ, chung cư nhằm giới thiệu, trưng bày và bán trực tiếp sản phẩm

+ Siêu thị (Modern Trade), Cửa hàng tiện lợi

+ Website thương mại điện tử và nền tảng bán hàng online

+ Sản phẩm phân phối: Gạo túi thương hiệu A An

+ Giá bán: Theo bảng giá bán lẻ niêm yết do Công ty ban hành định kỳ.

- **Bán sỉ:** Là hình thức bán hàng số lượng lớn cho các đại lý, nhà phân phối cấp I hoặc khách hàng thương mại, thông qua hệ thống kênh phân phối của Công ty như:

+ Đại lý: Là các thương nhân, tổ chức có cửa hàng để bán buôn, bán lẻ sản phẩm gạo của A An (không bao gồm các siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng tiện ích, cưa hàng 24/24 giờ)

+ HORECA: Là các nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng quy mô lớn có ký HĐ về việc sử dụng gạo của A An làm nguyên liệu nấu ăn trong quá trình kinh doanh.

+ Quán cơm bình dân: Kinh doanh quán cơm quy mô nhỏ có sử dụng gạo của A An làm nguyên liệu nấu ăn phục vụ khách hàng

+ Bếp ăn công nghiệp: Bếp ăn tập thể của các công ty, xí nghiệp, căn tin trường học, bệnh viện, ký túc có ký HĐ về việc sử dụng gạo của A An làm nguyên liệu nấu ăn trong quá trình kinh doanh

+ Cơ sở sản xuất: Là các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh cá thế có sản xuất các sản phẩm dùng gạo làm nguyên liệu

+ Sản phẩm phân phối: Gạo thương hiệu và gạo xá

+ Giá bán: Theo khung giá bán sỉ do Công ty quy định hoặc phê duyệt theo từng giai đoạn.

- **Bán buôn:**Là hình thức bán hàng với quy mô lớn cho khách hàng doanh nghiệp, tổ chức hoặc thương nhân, thường được giao hàng trực tiếp từ Container hoặc kho trung chuyển của Công ty.

+ Sản phẩm phân phối: Hàng gạo xá

+ Giá bán: Căn cứ theo giá phê duyệt riêng cho từng thương vụ hoặc theo thỏa thuận giá trong hợp đồng, phù hợp với chính sách bán buôn của Công ty từng thời kỳ.

10.1.3 Cung ứng xuất khẩu gạo

Công ty Cổ phần Lương thực A An là một trong những đơn vị cung ứng gạo hàng đầu tại Việt Nam, với năng lực sản xuất ổn định, hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ và danh mục sản phẩm đa dạng, phục vụ cho hoạt động xuất khẩu thông qua các đối tác trong và ngoài nước.

Gạo mang thương hiệu A An hiện diện tại nhiều thị trường toàn cầu thông qua các nhà xuất khẩu, bao gồm cả những thị trường truyền thống lẫn các thị trường yêu cầu tiêu chuẩn cao như:

- Châu Á: Trung Quốc, Philippines, Malaysia
- Châu Phi: Ghana, Mozambique
- Châu Âu: Đức, Hà Lan
- Các thị trường cao cấp: Mỹ, EU, Nhật Bản

Danh mục gạo A An cung ứng cho xuất khẩu được thiết kế linh hoạt, đáp ứng thị hiếu và yêu cầu chất lượng riêng của từng thị trường:

- Gạo trắng truyền thống (White Rice)
- Gạo thơm cao cấp (ST24, ST25, ST21, Jasmine, Japonica...)
- Gạo lứt dinh dưỡng (Brown Rice)
- Gạo hữu cơ đạt chuẩn quốc tế (Organic Rice)
- Gạo đóng gói thương hiệu riêng (OEM / Private Label Packaging)

Tất cả sản phẩm đều trải qua quy trình kiểm định nghiêm ngặt, đáp ứng đầy đủ các tiêu

chuẩn về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và chứng nhận quốc tế, đặc biệt phù hợp với các thị trường khó tính như EU và Bắc Mỹ.

A An hiện sở hữu hệ thống nhà máy chế biến hiện đại đặt tại các vùng nguyên liệu chiến lược, cùng năng lực vận hành logistics và kho bãi đồng bộ, bảo đảm hiệu quả toàn diện từ khâu tiếp nhận nguyên liệu, sản xuất, đóng gói đến giao hàng. Công ty có khả năng:

- Giao hàng container trực tiếp từ cảng biển, ICD hoặc kho trung tâm
- Cung cấp dịch vụ gia công, đóng gói OEM theo yêu cầu của đối tác xuất khẩu
- Tùy chỉnh sản phẩm, bao bì, mẫu mã theo đặc điểm từng thị trường
- Đảm bảo tiến độ giao hàng, chất lượng ổn định và hỗ trợ thủ tục hải quan trọn gói

Với định hướng trở thành đơn vị cung ứng gạo xuất khẩu hàng đầu, A An không ngừng đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển hệ thống cung ứng và mở rộng hợp tác quốc tế, góp phần gia tăng giá trị và vị thế của gạo Việt Nam trên thị trường toàn cầu.

10.1.4 Cung cấp dịch vụ

Bên cạnh hoạt động kinh doanh sản phẩm gạo, Công ty Cổ phần Lương thực A An còn tận dụng hiệu quả hệ thống tài sản cố định, nhà xưởng, kho bãi và dây chuyền chế biến hiện đại để triển khai các dịch vụ hỗ trợ, góp phần gia tăng doanh thu và tối ưu công suất vận hành.

Dịch vụ cho thuê kho. Dịch vụ cho thuê kho được cung cấp linh hoạt về diện tích và thời gian thuê, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực nông sản và thực phẩm. A An hiện sở hữu hệ thống kho bãi đạt tiêu chuẩn tại các vùng nguyên liệu trọng điểm, bao gồm:

- Kho lưu trữ nông sản: Diện tích lớn, điều kiện bảo quản khô ráo, kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm ổn định, đảm bảo chất lượng nguyên liệu trong suốt thời gian lưu trữ.
- Kho lạnh: Phù hợp lưu trữ các loại nông sản có yêu cầu bảo quản đặc biệt hoặc sản phẩm thực phẩm chế biến sâu.

Dịch vụ gia công, chế biến gạo. Dịch vụ được thực hiện theo quy trình kiểm soát nghiêm ngặt, tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Với hệ thống dây chuyền chế biến hiện đại và đồng bộ, A An cung cấp dịch vụ:

- Gia công xay xát – đánh bóng – phân loại – đóng gói gạo theo yêu cầu của đối tác.
- Xử lý nguyên liệu theo tiêu chuẩn kỹ thuật để phục vụ xuất khẩu hoặc phân phối nội địa.
- Đóng gói OEM dưới thương hiệu riêng của khách hàng, phục vụ nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

10.1.5 Sản phẩm khác

Bên cạnh lĩnh vực cốt lõi là chế biến và kinh doanh lúa gạo, Công ty Cổ phần Lương thực A An còn linh hoạt triển khai hoạt động thương mại đối với một số dòng sản phẩm khác nhằm khai thác hiệu quả hệ sinh thái phân phối, tận dụng cơ hội thị trường và đa dạng hóa nguồn thu.

Các sản phẩm kinh doanh không thường xuyên bao gồm:

- Thực phẩm tươi sống: Thịt lợn, thịt bò nhập khẩu
- Thực phẩm chế biến: Xúc xích, thực phẩm đông lạnh
- Hàng tiêu dùng nhanh (FMCG): Dầu gạo, dầu hạt cải, nước khoáng, v.v.

Hoạt động kinh doanh các sản phẩm này mang tính linh hoạt, thời vụ và không mang tính chất liên tục, được triển khai dựa trên:

- Nhu cầu và đơn hàng từ đối tác
- Đánh giá tiềm năng thị trường tiêu thụ tại từng thời điểm
- Sự phù hợp với danh mục ngành nghề kinh doanh đã đăng ký của Công ty

Việc tham gia vào các hoạt động thương mại bổ sung giúp Công ty tận dụng lợi thế sẵn có về kênh phân phối, năng lực hậu cần và mối quan hệ đối tác, đồng thời tạo ra cơ hội tăng trưởng doanh thu trong ngắn hạn mà không làm ảnh hưởng đến chiến lược tập trung dài hạn trong ngành lúa gạo

10.1.6 Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của A An là lúa/gạo, mà lúa/gạo gắn liền với các mùa vụ trong năm; vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh của A An có ảnh hưởng bởi tính thời vụ. Trước đây, Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) chỉ sản xuất 2 vụ lúa chính là đông xuân và hè thu. Từ năm 2000, hệ thống đê bao bắt đầu được xây dựng và diện tích lúa thu đông (vụ 3) được mở rộng, giúp tăng sản lượng lúa, tăng sản lượng gạo xuất khẩu.

Với đặc điểm về thủy văn cũng như cơ cấu mùa vụ các vùng có khác nhau nên ở ĐBSCL thời vụ gieo sạ lúa hè thu diễn ra khá dài, từ cuối tháng 2 đến đầu tháng 6 dương lịch, kéo dài từ vùng Bắc của đồng bằng cho đến tận đất mũi Cà Mau. Thời gian gieo sạ như vậy làm cho cả vùng ĐBSCL lúc nào trên đồng ruộng cũng có lúa, giảm bớt tính ảnh hưởng thời vụ cho các doanh nghiệp thu mua chế biến và xuất khẩu.

Ngoài ra, AAn định hướng ĐBSCL là nơi cung cấp nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua đó, AAn tập trung nguồn lực đầu tư sở hữu 03 nhà máy tại ĐBSCL với tổng công suất hoạt động như sau:

- Công suất nhập lúa tươi: 750 tấn/ngày
- Công suất sấy: 450 tấn/ngày
- Công suất trữ lúa và gạo: 52.000 tấn

Nhờ kĩ thuật canh tác được cải tiến và sở hữu diện tích kho chứa lớn kèm theo công suất sơ chế (sấy) lúa nhanh đã giúp AAn luôn chủ động được nguồn nguyên liệu đề phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được thường xuyên liên tục và không bị ảnh hưởng bởi tính chất mùa vụ.

10.1.7 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

a) Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực hoạt động

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu thuần – Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng 2025	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	1.322.297	100%	2.204.806	100%	1.510.210	100%
Doanh thu thuần	**1.322.297**	**100%**	**2.204.806**	**100%**	**1.510.210**	**100%**

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét 2025 của AAN

Bảng 5. Cơ cấu doanh thu thuần – Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng 2025	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	1.520.251	99,25%	2.435.082	99,92%	1.616.394	99,77%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.463	0,75%	1.848	0,08%	3.648	0,23%
Doanh thu thuần	**1.531.714**	**100%**	**2.436.930**	**100%**	**1.620.042**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét 2025 của AAN

Báo cáo riêng (Công ty mẹ): Trong giai đoạn 2023 – 2024, doanh thu thuần của Công ty mẹ đến từ hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm và phụ phẩm, chiếm 100% tổng doanh thu. Từ mức 1.322.297 triệu đồng năm 2023, doanh thu đã tăng mạnh lên 2.204.806 triệu đồng năm 2024, tương ứng mức tăng trưởng 66,7%. Sự tăng trưởng ấn tượng này phản ánh hiệu quả trong chiến lược tập trung vào ngành hàng chủ lực, cũng như năng lực của Công ty trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu ngày càng tăng.

Báo cáo hợp nhất: Ở cấp độ hợp nhất, cơ cấu doanh thu có sự chuyển dịch rõ nét:

- **Năm 2023:** doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm chiếm 99,25%, trong khi doanh thu dịch vụ chiếm 0,75%.
- **Năm 2024:** doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm tăng tỷ trọng lên 99,92%, trong khi doanh thu dịch vụ giảm còn 0,08%.
- Tổng doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 đạt 2.436.930 triệu đồng, tăng 59,2% so với năm 2023.

Sự chuyển dịch trong cơ cấu doanh thu

- Cơ cấu doanh thu của AAN ngày càng tập trung mạnh mẽ hơn vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là bán hàng hóa, thành phẩm và phụ phẩm lúa gạo.
- Doanh thu dịch vụ giảm tỷ trọng trong tổng cơ cấu, cho thấy Công ty ưu tiên tối đa nguồn lực để khai thác thị trường gạo – mảng có lợi thế vượt trội về quy mô và tốc độ tăng trưởng.
- Xu hướng này phản ánh sự tái định vị chiến lược, tập trung nguồn lực vào ngành hàng đem lại giá trị lớn nhất, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho các kế hoạch mở rộng và phát triển sản phẩm mới trong tương lai.

Cơ cấu doanh thu của AAN đang dịch chuyển theo hướng ngày càng củng cố vị thế trong lĩnh vực kinh doanh lúa gạo, giúp Công ty đạt mức tăng trưởng vượt trội. Dù doanh thu dịch vụ hiện chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, nhưng vẫn cho thấy dư địa phát triển sang các mảng bổ trợ như logistics, dịch vụ thương mại và chế biến sâu. Trong bối cảnh ngành gạo Việt Nam đang có nhiều cơ hội từ nhu cầu xuất khẩu tăng cao, AAN hoàn toàn có tiềm năng duy trì đà tăng trưởng doanh thu, tối ưu hóa cơ cấu và hướng tới sự phát triển ổn định, bền vững trong dài hạn.

b) Lợi nhuận gộp qua các năm

Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp – Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	117.038	100%	118.489	100%	78.539	100%
Lợi nhuận gộp	**117.038**	**100%**	**118.489**	**100%**	**78.539**	**100%**

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét 2025 của AAN

Bảng 7. Cơ cấu lợi nhuận gộp – Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	120.318	94,04%	120.675	99,55%	78.033	97,86%
Cung cấp dịch vụ	7.624	5,96%	546	0,45%	1.710	2,14%
Lợi nhuận gộp	**127.942**	**100,00%**	**121.221**	**100,00%**	**79.743**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét 2025 của AAN

Trong giai đoạn 2023–2024, lợi nhuận gộp của Công ty mẹ đến 100% từ hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm và phụ phẩm. Cơ cấu nguồn tạo lợi nhuận gộp không phân tán, phản ánh

chiến lược tập trung cao độ vào ngành hàng chủ lực, nhờ đó quy mô doanh thu được mở rộng và chuỗi vận hành được tối ưu theo chiều sâu của mảng lúa gạo. Cụ thể:

- Năm 2023, doanh thu thuần đạt 1.322,3 tỷ đồng, lợi nhuận gộp ở mức 117,0 tỷ đồng, tương ứng với biên lợi nhuận gộp 8,85%. Đây là một tỷ suất khá tích cực trong bối cảnh thị trường lúa gạo chịu nhiều biến động về cung – cầu.
- Năm 2024, doanh thu thuần tăng mạnh lên 2.204,8 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng 66,7% so với năm 2023. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp chỉ tăng nhẹ lên 118,5 tỷ đồng, dẫn đến biên lợi nhuận gộp giảm còn 5,37%. Sự suy giảm này phản ánh việc Công ty ưu tiên chiến lược tăng trưởng sản lượng và mở rộng thị phần, chấp nhận giảm biên lợi nhuận ngắn hạn để xây dựng nền tảng doanh thu bền vững cho dài hạn.

Về quy mô, doanh thu thuần tăng mạnh +66,7% nhờ mở rộng thị trường, tăng sản lượng tiêu thụ và tận dụng tốt nhu cầu xuất khẩu. Về chất lượng, lợi nhuận gộp tuyệt đối tăng nhẹ +1,2%, cho thấy Công ty duy trì được năng lực tạo lợi nhuận ở mức ổn định trong bối cảnh chi phí đầu vào biến động. Biên lợi nhuận gộp giảm 3,48 điểm % (từ 8,85% xuống 5,37%), chủ yếu do:

(i) chính sách giá mang tính cạnh tranh để nhanh chóng mở rộng quy mô/chiếm lĩnh thị phần;

(ii) cơ cấu sản phẩm và thị trường thiên về các phân khúc có biên thấp hơn trong ngắn hạn;

(iii) áp lực chi phí nguyên liệu và logistics ở một số thời điểm.

Báo cáo hợp nhất: lợi nhuận gộp của AAN được ghi nhận từ hai nguồn chính: bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm và cung cấp dịch vụ. Tỷ trọng lợi nhuận gộp cho thấy xu hướng tập trung hóa mạnh mẽ vào mảng cốt lõi.

- Năm 2023: doanh thu thuần đạt 1.531,7 tỷ đồng, lợi nhuận gộp ở mức 127,9 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận gộp 8,36%. Trong đó, hoạt động bán hàng chiếm tới 94,0% lợi nhuận gộp, còn dịch vụ đóng góp 6,0%. Điều này cho thấy mảng dịch vụ vẫn có vai trò bổ trợ, giúp đa dạng hóa cơ cấu sinh lời.
- Năm 2024: doanh thu thuần hợp nhất đạt 2.436,9 tỷ đồng, tăng 59,2% so với năm 2023. Lợi nhuận gộp đạt 121,2 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức năm trước, khiến biên lợi nhuận gộp chỉ còn 4,97%. Đáng chú ý, lợi nhuận gộp hầu như tập trung vào hoạt động bán hàng (99,6%), trong khi mảng dịch vụ giảm mạnh, chỉ chiếm 0,5%.

Về quy mô, doanh thu thuần hợp nhất tăng +59,2%, tương đồng xu hướng ở Công ty mẹ, phản ánh sức bật từ chuỗi cung ứng – tiêu thụ toàn hệ sinh thái. Về chất lượng, tổng lợi nhuận gộp giảm nhẹ -5,3% (127,9 → 121,2), nguyên nhân chính đến từ mảng dịch vụ suy giảm mạnh (-92,8% về giá trị; tỷ trọng LNG từ 5,96% xuống 0,45%). Trong khi đó, lợi nhuận gộp mảng bán hàng gần như giữ ổn định (120,3 → 120,7), khẳng định nền tảng sinh lời cốt lõi của AAN vẫn vững.

Sự chuyển dịch trong cơ cấu lợi nhuận gộp

- Cơ cấu lợi nhuận gộp đang dịch chuyển ngày càng tập trung vào hoạt động cốt lõi là kinh doanh hàng hóa, thành phẩm và phụ phẩm lúa gạo.
- Năm 2023, mảng dịch vụ đóng góp gần 6% lợi nhuận gộp, nhưng đến năm 2024 chỉ còn chưa tới 0,5%.
- Điều này cho thấy AAN đang củng cố hiệu quả sinh lời từ lĩnh vực chính, đồng thời tái cấu trúc, thu hẹp những mảng có tỷ suất lợi nhuận thấp.

Cơ cấu lợi nhuận gộp của AAN phản ánh rõ định hướng tập trung vào ngành nghề chủ lực, giúp Công ty duy trì được nguồn lợi nhuận ổn định bất chấp biến động thị trường. Sự giảm tỷ trọng lợi nhuận từ dịch vụ cho thấy AAN đang chủ động điều chỉnh hoạt động kinh doanh, dành nguồn lực cho lĩnh vực có giá trị vượt trội hơn. Trong bối cảnh nhu cầu gạo xuất khẩu Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng tăng, AAN có nhiều cơ hội cải thiện biên lợi nhuận gộp trong những năm tới nhờ mở rộng quy mô, đầu tư chế biến sâu và nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm

10.2 Tài sản

Bảng 8. Tài sản cố định theo báo cáo công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**96.754**	**91.524**	**103.287**	**89.108**	**113.888**	**94.547**
1	Nhà cửa vật kiến trúc	48.818	47.330	49.042	44.613	49.042	43.121
2	Máy móc và thiết bị	41.888	39.251	49.053	41.100	59.654	48.507
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	5.830	4.744	4.974	3.231	4.974	2.770
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	218	199	218	165	218	148
II	**Tài sản cố định vô hình**	**63.029**	**61.174**	**62.243**	**55.303**	**62.243**	**52.761**
1	Quyền sử dụng đất	38.194	37.718	38.194	36.635	38.194	36.092
2	Chương trình phần mềm	24.835	23.455	24.050	18.669	24.050	16.669
Tổng		**159.783**	**152.698**	**165.531**	**144.412**	**176.131**	**147.308**

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét 2025 của AAN

Bảng 9. Tài sản cố định theo báo cáo Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**265.869**	**203.505**	**276.756**	**192.237**	**290.816**	**194.275**
1	Nhà cửa vật kiến trúc	117.057	100.333	117.327	93.789	117.436	90.466
2	Máy móc và thiết bị	133.156	92.527	144.629	90.241	158.579	96.582
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	15.286	10.331	14.440	7.959	14.430	7.011
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	371	313	371	248	371	216
II	**Tài sản cố định vô hình**	**70.924**	**69.069**	**70.139**	**63.199**	**70.139**	**61.928**
1	Quyền sử dụng đất	46.089	45.614	46.089	44.530	46.089	43.988
2	Chương trình phần mềm	24.835	23.455	24.050	18.669	24.050	16.669
Tổng		**336.793**	**272.574**	**346.894**	**255.436**	**360.955**	**256.203**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét 2025 của AAN

(*) Chi tiết tài sản cố định hữu hình:

- Nhà cửa vật kiến trúc: Nhà máy chính, nhà kho, phòng KSC, bồn chứa
- Máy móc và thiết bị: Hệ thống băng tải, hệ thống thùng chứa, hệ thống tách vỏ, hệ thống hệ thống tách màu, hệ thống cân,…
- Phương tiện vận tải truyền dẫn: xe nâng, xe ben, xe tải, hệ thống điện
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: Hệ thống phòng cháy chưa cháy, thiết bị phòng quản lý, …

10.3 Thị trường hoạt động

Hiện tại toàn bộ doanh thu của Công ty Cổ phần Lương thực A An đều đến từ thị trường

trong nước (bán lẻ, buôn sỉ, bán buôn gạo và cung ứng gạo xuất khẩu). Dự kiến trong năm 2025, CTCP Lương thực A An sẽ trực tiếp xuất khẩu ra thị trường quốc tế sau khi được Bộ Công thương cấp Giấy phép xuất khẩu.

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

a) Dòng tiền đầu tư:

Bảng 10. Dòng tiền đầu tư công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng 2025
Tiềm chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(14.713)	(57.820)	(3.566)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	718	586	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(24.000)	(154.000)	(36.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	24.000	60.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(10.000)	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	28	644	1.208
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(37.967)	(196.590)	21.642

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét 2025 của AAN

Bảng 11. Dòng tiền đầu tư Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng 2025
Tiềm chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(15.131)	(62.174)	(3.678)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	718	586	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn	(24.000)	(163.000)	(36.499)

vị khác			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	24.000	60.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	31	651	1.209
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(38.382)	(199.938)	21.032

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét 2025 của AAN

b) Tình hình đầu tư

Trong giai đoạn 2023 – 2024, AAN tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư, thể hiện qua dòng tiền đầu tư có giá trị âm ở cả công ty mẹ và hợp nhất. Cụ thể:

- **Công ty mẹ:**
  + Năm 2023, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư âm 37,967 tỷ đồng, chủ yếu do chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác (24 tỷ đồng) và chi đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định (14,7 tỷ đồng).
  + Năm 2024, dòng tiền đầu tư âm tăng mạnh lên 196,590 tỷ đồng, tập trung vào mở rộng cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác (154 tỷ đồng) và tăng cường đầu tư tài sản cố định (57,8 tỷ đồng), đồng thời góp vốn vào đơn vị khác 10 tỷ đồng.
- **Hợp nhất:**
  + Năm 2023, dòng tiền đầu tư âm 38,382 tỷ đồng, với cấu trúc tương tự báo cáo riêng.
  + Năm 2024, dòng tiền đầu tư âm 199,938 tỷ đồng, phản ánh chiến lược mở rộng đầu tư dài hạn, bao gồm mua sắm tài sản, xây dựng cơ sở hạ tầng và mở rộng cho vay, mua công cụ nợ.

Diễn biến này cho thấy AAN đang trong giai đoạn tái đầu tư và mở rộng quy mô hoạt động, thay vì duy trì trạng thái bảo toàn vốn. Đây là bước đi tất yếu trong chiến lược phát triển doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh công ty chuẩn bị niêm yết, cần gia tăng năng lực cạnh tranh và quy mô sản xuất – kinh doanh.

c) Hiệu quả đầu tư

- **Đầu tư vào tài sản cố định và dài hạn:** Việc gia tăng chi phí mua sắm và xây dựng tài sản cố định từ 2023 sang 2024 thể hiện định hướng mở rộng công suất chế biến, hoàn thiện chuỗi giá trị từ lúa gạo đến phụ phẩm (như dự án nhà máy dầu gạo Oryza). Đây là khoản đầu tư có tính chiến lược, kỳ vọng sẽ đóng góp đáng kể vào hiệu quả hoạt động trong những năm tới thông qua:
  + Tăng khả năng chủ động nguồn nguyên liệu.
  + Nâng cao biên lợi nhuận nhờ sản phẩm chế biến sâu.
  + Gia tăng giá trị gia tăng từ phụ phẩm vốn trước đây chưa được khai thác tối ưu.
- **Đầu tư tài chính và góp vốn vào đơn vị khác:** Năm 2024, công ty mẹ đã chi 10 tỷ đồng góp vốn vào đơn vị khác, đồng thời mở rộng các khoản cho vay, mua công cụ nợ (154 – 163 tỷ

đồng hợp nhất). Đây là dấu hiệu cho thấy AAN đa dạng hóa danh mục đầu tư, không chỉ tập trung vào hoạt động cốt lõi mà còn tận dụng cơ hội tài chính để tăng hiệu quả sử dụng vốn nhàn rỗi.

- **Thu nhập từ đầu tư:** Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia tăng mạnh từ mức chỉ 0,03 tỷ đồng (2023) lên gần 0,65 tỷ đồng (2024), phản ánh bước đầu hiệu quả từ các hoạt động đầu tư tài chính.

Như vậy, dù dòng tiền đầu tư âm lớn, nhưng bản chất là AAN đang chủ động tích lũy tài sản và mở rộng hoạt động. Khoản chi này có tính chất dài hạn, dự kiến sẽ mang lại dòng tiền dương ổn định từ năm 2025 trở đi, khi các dự án đầu tư bắt đầu đi vào khai thác.

d) Hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Trong giai đoạn 2023 – 6 tháng đầu năm 2025, Công ty Cổ phần Lương thực A An đạt được kết quả tích cực trong các mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi:

❖ **Hoạt động sản xuất**

AAN hiện sở hữu và vận hành hệ thống nhà máy chế biến gạo hiện đại tại các vùng trọng điểm sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long với tổng công suất xay xát và chế biến hàng trăm nghìn tấn lúa mỗi năm. Các nhà máy được trang bị dây chuyền lau bóng, sấy, phân loại và đóng gói tự động, đáp ứng cả nhu cầu thị trường nội địa và tiêu chuẩn xuất khẩu.

Sản phẩm chính: gạo trắng thường, gạo thơm, gạo nếp, gạo dinh dưỡng và các loại gạo đặc sản. Công ty chú trọng nâng cao chất lượng hạt gạo, đồng đều về kích thước, độ trắng và độ thơm, nhằm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu và nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước.

Hệ thống kiểm soát chất lượng: AAN áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế như HACCP, ISO, đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc rõ ràng, góp phần xây dựng thương hiệu gạo Việt Nam uy tín.

Phụ phẩm: Các sản phẩm phụ từ quá trình xay xát như cám, tấm, trấu hiện đang được tiêu thụ cho các đối tác trong ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi và năng lượng. Đây là nguồn doanh thu bổ sung, giúp gia tăng hiệu quả sử dụng nguyên liệu, mặc dù tỷ trọng còn khiêm tốn

❖ **Hoạt động kinh doanh gạo thương phẩm:** AAN duy trì vị thế là một trong những doanh nghiệp gạo thương hiệu uy tín tại Việt Nam với các sản phẩm gạo đóng gói bán lẻ phân phối qua hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, kênh Horeca và các đối tác chiến lược như Bách Hóa Xanh, Thế Giới Di Động. Doanh thu mảng gạo nội địa chiếm tỷ trọng chủ đạo trong tổng doanh thu, đóng góp ổn định vào tăng trưởng

❖ **Dịch vụ kho vận và logistics:** Hệ thống logistics của Công ty không chỉ phục vụ nhu cầu nội bộ mà còn cung cấp dịch vụ lưu kho, vận chuyển cho đối tác. Việc chủ động kho vận giúp giảm chi phí logistics, tăng tốc độ quay vòng vốn và nâng cao tính linh hoạt trong hoạt động kinh doanh.

10.5 Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong giai đoạn 2023 – 6 tháng đầu năm 2025

Bảng 12. Các hợp đồng lớn của Công ty

Stt	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
I	**Hợp đồng đầu ra**							
1	55/HDMB/VH-AAN/2023	Công ty TNHH Việt Hưng	Gạo trắng thơm	10/2023	2023	57,6 tỷ	Không	Không
2	108/2023/HĐNT/AAN-BHX	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BÁCH HÓA XANH	Gạo trắng Japonica 5% tấm	01/2023	2023	46,3 tỷ	Không	Không
3	68BG-2023/HĐ/AAN-PACIFIC	Công Ty Cổ Phần Pacific Group	Gạo trắng Đài thơm 8 đã sortex	08/2023	2023	43 tỷ	Không	Không
4	001-2023/AANĐT-HP	Công ty Cổ phần Gạo Hạnh Phúc	Gạo trắng 5451	03/2023	2023	87,5 tỷ	Không	Không
5	85/HDMB-TMC/23 ngày 23/03/2023	Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu Thuận Minh	Gạo trắng Đài thơm 8 đã sortex	05/2023	2023	33,5 tỷ	Không	Không

Stt	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
6	60BG-2023/HĐ/AAN-ORICO	Công ty TNHH Lương thực Phương Đông	Gạo trắng Đài thơm 8 đã sortex	11/2023	2023	16,2 tỷ	Không	Không
7	02-2024/HĐBG/AANĐT-CD	Công ty TNHH Lương thực Cờ Đỏ	Gạo trắng thơm	02/2024	2024	69 tỷ	Không	Không
8	02.12-2024/HĐBG/AANĐT-TH	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Thạnh Hưng	Gạo trắng Japonica 5% tấm	12/2024	2024	61,2 tỷ	Không	Không
9	36BG-2024/HĐ/AANĐT-MEK	Công ty Cổ phần Lương thực MEKONG	Gạo trắng Japonica đã sortex	3/2024	2024	44,4 tỷ	Không	Không
10	04.12-2024/HĐBG/AANĐT-TH	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Thạnh Hưng	Gạo trắng 504 5% tấm	12/2024	2024	25 tỷ	Không	Không
11	1804-2025/HĐBG/ADT-GHP	Công ty Cổ phần Gạo Hạnh Phúc	Gạo trắng Japo chưa sortex	04/2025	2025	46,4 tỷ	Không	Không
12	09/HDMB/VH-	Công ty TNHH Việt	Gạo Đài thơm 8 5%	01/2025	2025	24,6 tỷ	Không	Không

Stt	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
	AAN/2025	Hưng	tấm, TPXK					
13	07BG-2025/HĐ/AANĐT-TTA	Công ty TNHH Tân Thạnh An	Gạo trắng Đài thơm 8 đã sortex	03/2025	2025	24,5 tỷ	Không	Không
14	0104-2025/HĐ/ADT-GVD	Công ty Cổ phần Gạo Vì Dân	Gạo trắng Japonica 5% tấm	04/2025	2025	24 tỷ	Không	Không
15	1704-2025/HĐBG/ADT-CĐ	Công ty TNHH Lương thực Cờ Đỏ	Gạo trắng ĐT8 đã sortex	04/2025	2025	21,7 tỷ	Không	Không
II	**Hợp đồng đầu vào**							
1	190923/HD/KN-AADT	CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP KIẾN NÔNG	Gạo + Tấm	09/2023	2023	181 tỷ	Không	Không
2	03MG/2023/AANĐT-VNC	CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN VINACAM	Gạo + lúa	03/2023	2023	24 tỷ	Không	Không
3	08.05023/HĐBG-VNC-AA ngày 08/05/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN VINACAM	Gạo + lúa	05/2023	2023	42 tỷ	Không	Không

Stt	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
4	78MG-2023/HĐ/AAN-TH	Công ty TNHH Thu Hằng	Gạo trắng	10/2023	2023	15 tỷ	Không	Không
5	62MG-2024/HĐ/AAN-BTT	CÔNG TY TNHH BÌNH THIÊN THANH	Gạo trắng	04/2024	2024	24 tỷ	Không	Không
6	19.0424/HĐBG/VNC-AA	Công ty Cổ Phần Nông Sản Vinacam	Gạo trắng	04/2024	2024	129 tỷ	Không	Không
7	82MG-2024/HD/AAN-MN	Công Ty TNHH MTV Minh Nhân	Gạo trắng	08/2024	2024	15 tỷ	Không	Không
8	01BG.2024/HĐ/GV-AAN	Công ty TNHH Lương Thực Gạo Việt	Gạo trắng	09/2024	2024	72 tỷ	Không	Không
9	27.0225/HĐBG-VNR-AA	Công ty cổ phần Lương Thực Vinarice Việt Nam	Gạo + lúa	02/2025	2025	38 tỷ	Không	Không
10	144MG-2025/HD/AAN-PT	Công Ty TNHH Phát Tài	Gạo trắng	05/2025	2025	25 tỷ	Không	Không
11	101MG-2025/HD/AAN-	Công ty TNHH Thương	Gạo trắng	03/2025	2025	15 tỷ	Không	Không

Stt	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
	TP và PL01	mại Xuất Nhập Khẩu Tuyền Phát						
12	147MG-2025/HD/AAN-NL và PL01 25/05/2025	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC NGỌC LỢI	Gạo trắng	05/2025	2025	19 tỷ	Không	Không

(Nguồn: AAN)

- Công ty không có hợp đồng đã ký kết và chưa thực hiện.

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong năm 2023 và 2024

Bảng 13. Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn của AAN

STT	Khách hàng/Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu/ doanh số (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hện với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
I	**Nhà cung cấp**					
1	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CITEK	0,4	0,03%	2023	Dịch vụ phần mềm SAP	Không
2	Công ty Cổ Phần Nông Sản Vinacam	992	64,79%	2023	Gạo và lúa	Không
3	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MATSUDA VIỆT NAM	1,9	0,12%	2023	Nghiên cứu tính khả thi về việc thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh dầu gạo tại Việt Nam	Không
4	Công ty TNHH Lương Thực Hữu Thông	14	0,91%	2023	Gạo trắng	Không
5	Công ty TNHH Thu Hằng	18,8	1,23%	2023	Gạo trắng	Không
6	CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP KIẾN NÔNG	181	11,82%	2023	Gạo và tấm	Không
7	CÔNG TY TNHHH LƯƠNG THỰC HỮU THÔNG	3,1	0,20%	2023	Lúa	Không

STT	Khách hàng/Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu/ doanh số (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hện với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
8	Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Kiến Nông	97,5	4,00%	2024	Gạo trắng	Không
9	Công ty Cổ Phần Nông Sản Vinacam	579	23,77%	2024	Gạo trắng	Không
10	CÔNG TY CP BGS GLOBAL	4,3	0,18%	2024	Dịch vụ tư vấn xây dựng cấu trúc, hệ thống,văn hóa doanh nghiệp	Không
11	Công ty TNHH Lương Thực Gạo Việt	99,9	4,10%	2024	Gạo trắng	Không
12	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY LONG AN	1,3	0,05%	2024	Lắp đặt hệ XTLB	Không
13	HTX DV NN Long Hải	15,4	0,95%	2025	Lúa	Không
14	HTX DV Phú Nông Xanh	86,2	5,32%	2025	Lúa	Không
15	HTX NN DV và DL Tân Thạnh	40	2,47%	2025	Lúa	Không

STT	Khách hàng/Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu/ doanh số (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hện với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
16	CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC GẠO VIỆT	103	6,36%	2025	Gạo	Không
17	Công ty cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông	107	6,60%	2025	Gạo	Không
II	**Khách hàng**					
1	Công ty Cổ phần Gạo Hạnh Phúc	316	20,64%	2023	Gạo ST25, gạo 5451, gạo Japonica, tấm	Không
2	Công ty Cổ phần Lương thực Bình Minh	50	3,27%	2023	Gạo ST25, Gạo Japonica, gạo Đài thơm 8	Không
3	Công ty Cổ phần PACIFIC GROUP	69	4,51%	2023	Gạo Đài thơm 8	Không
4	Công ty TNHH Việt Hưng	57	3,72%	2023	Gạo trắng thơm	Không
5	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BÁCH HÓA XANH	46	3,00%	2023	Gạo ST25, Japonica	Không
6	Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu	33	2,16%	2023	Gạo trắng	Không

STT	Khách hàng/Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu/ doanh số (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hện với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
	Thuận Minh					
7	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Thạnh Hưng	96	3,94%	2024	Gạo 504, gạo Japonica	Không
8	Công ty Cổ phần Gạo Hạnh Phúc	569,4	23,37%	2024	Gạo thơm	Không
9	Công ty Cổ phần Gạo Vì Dân	24	0,99%	2024	Gạo trắng	Không
10	Công ty Cổ phần Lương thực Bình Minh	166,6	6,84%	2024	Gạo Japonica, ĐT8, ST25	Không
11	Công ty Cổ phần Lương thực MEKONG	136	5,58%	2024	Gạo Japonica, ĐT8,	Không
12	Công ty Cổ phần Nông nghiệp An Điền	53	2,18%	2024	Tấm, ĐT8	Không
13	Công ty TNHH Lương Thực Cờ Đỏ	120	4,93%	2024	Gạo trắng	Không
14	CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI DI ĐỘNG	58	2,38%	2024	Gạo ST25, ĐT8	Không

STT	Khách hàng/Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu/ doanh số (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hện với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
15	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BÁCH HÓA XANH	39	1,60%	2024	Gạo ST25, ĐT8	Không
16	Công ty Cổ phần Gạo Hạnh Phúc	151	9,32%	2025	Gạo Japonica	Không
17	Công ty Cổ phần Gạo Vì Dân	31,5	1,94%	2025	Gạo ST21, Japonica	Không
18	Công ty Cổ phần PACIFIC GROUP	22	1,36%	2025	Gạo ĐT8	Không
19	Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp An Điền	164	10,12%	2025	Gạo ĐT8, tấm	Không
20	CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC AN THUẬN HÒA	159	9,81%	2025	Gạo ST25, ĐT8	Không
21	Công ty TNHH Lương Thực Cờ Đỏ	108	6,67%	2025	Gạo ST25, ĐT8, Japonica	Không
22	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BÁCH HÓA XANH	43	2,65%	2025	Gạo ST25, ĐT8, Japonica	Không

(Nguồn: AAN)

10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

a) Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Lúa gạo là ngành sản xuất truyền thống và quan trọng của Việt Nam, tạo ra sinh kế cho hàng chục triệu nông dân trên cả nước. Những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu lớn trong sản xuất lúa gạo, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và hiện vẫn giữ vững vị trí là một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới với kim ngạch xuất khẩu không ngừng tăng cao. Đồng hành cùng ngành lúa gạo Việt Nam, đã có rất nhiều công ty hoạt động lâu lắm và có quy mô lớn nhỏ khác nhau; trong số cũng không ít doanh nghiệp là công ty đại chúng có cổ phiếu được niêm yết/đăng ký giao dịch trên các sàn giao dịch: CTCP Tập đoàn PAN–1998 (sàn HSX – mã: PAN); CTCP Lương thực Bình Thuận – 1987 (sàn Upcom – mã BLT); Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà – 1993 (sàn Upcom – mã VHF).

Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, ngành lúa gạo Việt Nam cũng phải cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp có nên nông nghiệp xuất khẩu lúa gạo tiên tiến như: Đài Loan, Ấn Độ, Thái Lan, … ngày càng đa dạng và có chất lượng cao.

A An là một công ty hoạt động trong ngành lúa gạo mới được thành lập trong bối cảnh thị trường đầy khó khăn và cạnh tranh; đòi hỏi công ty phải có các chính sách đi tắt đón đầu phù hợp. Việc nhanh chóng sở hữu các nhà máy gạo có sẵn trên thị trường giúp việc A An làm chủ được công nghệ sản xuất rút ngắn được rất nhiều thời gian thay vì đầu tư xây nhà mới. Với thế mạnh áp dụng công nghệ tiên tiến cũng như chính sách bán hàng uy tín, mà các sản phẩm gạo của A An tạo ra rất đa dạng và đảm bảo chất lượng phục vụ tiêu dùng đến khách hàng. Nhờ đó, A An đã có tệp khách hàng riêng, dần chiếm được một phần lớn thị phần kinh doanh mảng lúa gạo và hướng tới mục tiêu trở thành nhà sản xuất, cung ứng, xuất khẩu gạo top đầu Việt Nam, cụ thể:

Bảng 14. So sánh quy mô với các đơn vị cùng ngành

	AAN	PAN	BLT	VHF
Doanh thu mảng lúa gạo năm 2024 (tỷ đồng)	2.436	2.449	1.320	579
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	350	2.163	40	215
Số nhà máy sở hữu	3	2	5	3
Thị trường chính	Cả nước	Cả nước và quốc tế	Các tỉnh miền Trung, Tây nguyên, DBSCL, Xuất	Miền Tây Nam Bộ và Đồng bằng Sông cửu Long

			khẩu	
Sản phẩm thương hiệu	Thương hiệu gạo **"AAn – Lành gạo ngon cơm"** bao gồm: ST21, ST24, ST25, Japonica, Đài thơm 8, …	Thương hiệu gạo **"Gạo Ban Mai"**: Ban mai Trân châu hương, Ban mai Cung Đình, Ban mai hảo hạng,… **"Gạo Vinaseed"** : ST21, ST24, ST25	**Gạo nếp**: Được tuyển chọn từ các vùng nguyên liệu chất lượng cao, phù hợp cho chế biến món ăn truyền thống và xuất khẩu. **Gạo thơm**: Bao gồm các loại gạo có hương thơm đặc trưng, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng trong và ngoài nước.	Gạo túi: Tám ấp bẹ, gạo Bắc Hương, gạo Tám xoan, gạo đàm sen, …

Ngoài ra, tại thị trường quốc tế gạo A An cũng đã dần khẳng định vị thế của mình khi là thương hiệu gạo đầu tiên của Việt Nam vượt qua hơn 600 tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe của Chính phủ Nhật Bản cùng với yêu cầu rất cao của người tiêu dùng Nhật Bản để chính thức được xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản.

b) Triển vọng phát triển của ngành

Ngành lúa gạo Việt Nam đang bước vào giai đoạn tái cơ cấu mạnh mẽ, chuyển dịch từ mô hình sản xuất truyền thống sang phát triển theo chiều sâu, hiện đại và bền vững. Những đổi thay tích cực trong cơ cấu giống, phương pháp canh tác, tiêu dùng nội địa và mở rộng thị trường xuất khẩu đang mở ra những cơ hội lớn cho các doanh nghiệp có chiến lược dài hạn và năng lực tổ chức chuỗi giá trị hiệu quả như Công ty Cổ phần Lương thực A An.

❖ **Nâng tầm chất lượng sản xuất và chuỗi giá trị lúa gạo**

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, giá trị của giống lúa chất lượng cao, thân thiện với môi trường ngày càng được đề cao. Nhà nước và các doanh nghiệp đang cùng định hướng phát triển vùng nguyên liệu tập trung, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất và hậu cần nông nghiệp. Việc triển khai mô hình canh tác lúa theo tiêu chuẩn quốc tế (như SRP - Sustainable Rice Platform) được khuyến khích rộng rãi nhằm tăng năng suất, nâng chất lượng và giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

Diện tích trồng lúa tuy có xu hướng ổn định hoặc thu hẹp nhẹ, nhưng sản lượng và giá trị gia tăng trên mỗi hecta tiếp tục tăng trưởng nhờ cơ giới hóa, ứng dụng giống lúa cao sản và mở rộng mô hình liên kết bền vững giữa nông dân – hợp tác xã – doanh nghiệp. Đây là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp như A An phát huy thế mạnh kiểm soát chuỗi từ "đồng ruộng đến bàn

ăn".

❖ **Tiêu dùng nội địa nâng cấp: từ "ăn no" sang "ăn ngon – ăn sạch"**

Thị trường tiêu dùng trong nước, với gần 100 triệu dân, đang chứng kiến sự chuyển biến rõ nét trong hành vi tiêu dùng. Người dân ngày càng chú trọng đến các sản phẩm gạo có thương hiệu, nguồn gốc rõ ràng, an toàn cho sức khỏe và mang lại trải nghiệm ẩm thực tốt hơn.

Các phân khúc gạo tươi, gạo mềm dẻo tự nhiên, gạo hữu cơ, gạo giàu dinh dưỡng đang tăng trưởng mạnh, đặc biệt tại các đô thị lớn và qua các kênh bán hàng hiện đại như siêu thị, cửa hàng tiện lợi và thương mại điện tử. Đây chính là cơ hội lớn cho các thương hiệu gạo có chiến lược phát triển bền vững, đầu tư dài hạn vào thương hiệu và chất lượng sản phẩm.

❖ **Xuất khẩu gạo Việt Nam: Vươn lên giá trị cao và thị trường rộng mở**

Năm 2024 ghi nhận mức xuất khẩu gạo kỷ lục của Việt Nam với trên 8,1 triệu tấn, đạt gần 4,8 tỷ USD – khẳng định vị thế ngày càng vững chắc trên thị trường gạo thế giới. Đáng chú ý, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu đang dịch chuyển mạnh sang các dòng sản phẩm giá trị cao như gạo thơm, gạo đặc sản và gạo chất lượng cao phục vụ các thị trường khó tính như EU, Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Đông.

Nhờ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, UKVFTA), gạo Việt Nam có lợi thế cạnh tranh rõ rệt về thuế quan, tiêu chuẩn và tiếp cận thị trường. Đây là tiền đề vững chắc để doanh nghiệp có năng lực sản xuất, chế biến sâu và xây dựng thương hiệu quốc tế như A An gia tăng thị phần xuất khẩu và nâng cao giá trị đóng góp.

❖ **Hệ sinh thái chính sách hỗ trợ toàn diện cho ngành gạo**

Chiến lược quốc gia về phát triển ngành lúa gạo bền vững đến năm 2030 xác định rõ định hướng: nâng cao giá trị thay vì sản lượng đơn thuần; đẩy mạnh truy xuất nguồn gốc, giảm phát thải và xây dựng thương hiệu gạo Việt trên trường quốc tế. Nhà nước đang đồng bộ hóa các chính sách hỗ trợ về tín dụng, logistics, đầu tư vùng nguyên liệu và nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ chế biến, bảo quản và vận chuyển.

Cùng với đó, các định hướng phát triển nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh và đổi mới sáng tạo đang mở ra không gian phát triển mới cho những doanh nghiệp tiên phong, có khả năng tích hợp công nghệ, vận hành chuỗi khép kín và cam kết phát triển bền vững.

Với nền tảng phát triển mạnh mẽ của ngành gạo và sự chuyển dịch tích cực cả về thị trường lẫn chính sách, Việt Nam đang tiến tới một chu kỳ tăng trưởng bền vững về giá trị và thương hiệu gạo quốc gia. Đây chính là thời điểm vàng để những doanh nghiệp có tầm nhìn chiến lược như Công ty Cổ phần Lương thực A An tiếp tục đầu tư, mở rộng thị phần và khẳng định vị thế hàng đầu trong ngành.

c) Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

❖ **Phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành lúa gạo Việt Nam**

Chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Lương thực A An tập trung vào việc trở thành một trong những nhà sản xuất, cung ứng và xuất khẩu gạo hàng đầu Việt Nam, đồng thời phát triển thương hiệu gạo A An thành biểu tượng cho gạo chất lượng, an toàn và có xuất xứ rõ ràng trên thị trường nội địa. Định hướng này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu lớn của ngành lúa gạo Việt Nam giai đoạn 2025–2030: chuyển dịch từ tư duy sản lượng sang giá trị gia tăng, từ xuất khẩu thô sang xuất khẩu tinh, và từ mô hình canh tác truyền thống sang sản xuất bền vững theo chuỗi.

Với năng lực kiểm soát toàn bộ chuỗi giá trị "từ đồng ruộng đến bàn ăn" – bao gồm sản xuất, chế biến, đóng gói, phân phối nội địa và xuất khẩu – A An đang tích cực hiện thực hóa định hướng nâng cao hiệu quả, chất lượng và giá trị của ngành lúa gạo mà Đề án Tái cơ cấu ngành (Quyết định 555/QĐ-BNN-TT) đã đề ra.

❖ **Hài hòa với các chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của Nhà nước**

Các định hướng phát triển của A An không chỉ đồng thuận với chiến lược ngành mà còn thể hiện sự hài hòa sâu sắc với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp được Chính phủ ban hành trong thời gian qua. Đặc biệt, công ty đang tận dụng hiệu quả các ưu đãi về đất đai, tín dụng, bảo hiểm, khuyến nông và liên kết sản xuất-tiêu thụ theo các nghị định quan trọng như:

- Nghị định 57/2018/NĐ-CP về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Nghị định 98/2018/NĐ-CP về phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản;
- Nghị định 107/2018/NĐ-CP về kinh doanh xuất khẩu gạo;
- Quyết định 703/QĐ-TTg phê duyệt chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng giai đoạn 2021–2030…

Đồng thời, A An tích cực ứng dụng các quy trình canh tác hiện đại như "1 phải, 5 giảm", SRI, IPM, tưới khô xen kẽ, cũng như đầu tư vào chuyển đổi số và công nghệ sau thu hoạch nhằm tối ưu hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời giảm phát thải và bảo vệ môi trường – điều này phù hợp với các mục tiêu phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn và bền vững của quốc gia.

❖ **Hòa nhập xu thế tiêu dùng và thương mại gạo toàn cầu**

Xu thế tiêu dùng gạo trên toàn cầu đang thay đổi mạnh mẽ, chuyển từ gạo trắng truyền thống sang các dòng gạo thơm, gạo đặc sản, gạo hữu cơ và sản phẩm chế biến từ gạo. Đồng thời, thị trường xuất khẩu gạo đang mở rộng đáng kể nhờ các FTA thế hệ mới như EVFTA, CPTPP, UKVFTA, giúp Việt Nam giảm sâu thuế quan và tiếp cận các thị trường có tiêu chuẩn cao.

A An xác định rõ xuất khẩu gạo chất lượng cao và xây dựng thương hiệu gạo Việt trên thị trường quốc tế là một trong những trụ cột tăng trưởng dài hạn. Sản phẩm của A An đã và đang từng bước chinh phục các thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Trung Đông – phù hợp với định hướng xuất khẩu của ngành đến năm 2030, trong đó nhấn mạnh tỷ trọng gạo thơm, đặc sản và sản phẩm chế biến đạt trên 65% tổng kim ngạch.

Mặt khác, tại thị trường nội địa, chiến lược phủ rộng hệ thống phân phối và thay đổi thói quen tiêu dùng gạo túi thương hiệu mà A An đang theo đuổi cũng phản ánh đúng xu hướng tiêu dùng hiện đại: người tiêu dùng ngày càng ưu tiên sản phẩm có thương hiệu, có nguồn gốc rõ ràng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Với định hướng phát triển bài bản, nhất quán và dài hạn, Công ty Cổ phần Lương thực A An đang thể hiện rõ sự phù hợp cao với chiến lược ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế phát triển của thị trường gạo toàn cầu. Sự chủ động trong đầu tư vùng nguyên liệu, nâng cao chất lượng giống, chuẩn hóa quy trình sản xuất và xây dựng thương hiệu vững chắc cả trong nước lẫn quốc tế là minh chứng cho cam kết của A An trong việc đồng hành cùng ngành lúa gạo Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển bền vững, hiệu quả và có giá trị gia tăng cao.

10.8 Hoạt động Marketing

Để đảm bảo nguồn công việc ổn định nhằm tạo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, AAN luôn chú trọng thực hiện tốt các công tác quảng bá thương hiệu.

Công tác tiếp thị quảng bá thương hiệu AAN tập trung phân bổ nguồn lực cho các hoạt động sau: tiếp thị sản phẩm qua nhiều kênh và tiếp cận được nhiều khách hàng hơn. Tham gia vào nhiều thị trường kinh doanh cùng một lúc giúp có thể mở rộng kinh doanh. Kết hợp cùng marketing offline và marketing online:

- **Hệ thống Website:** Phát triển mạnh về nội dung mô tả và cập nhật mới hình ảnh thật các sản phẩm. Chạy quảng cáo google giúp website nhanh chóng lên vị trí Top google tìm kiếm, nhắm đúng khách hàng mục tiêu. Website chính thức: https://aan.vn/
- **Gian hàng chính hãng trên Shopee Mall:** https://shopee.vn/gaoaanofficial
- **Các nhà phân phối khác qua kênh thương mại điện tử:** Lazada, Sendo,…
- **Kênh mạng xã hội:**

+ Facebook: https://www.facebook.com/gaoaan/
+ Tiktok: https://www.tiktok.com/@gaoaan_official
+ Kênh Youtube: https://www.youtube.com/c/G%E1%BA%A1oAAn

- **Tổ chức sự kiện, họp báo truyền thông**

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo và thương hiệu/nhãn hiệu AAN đã đăng ký và được Cục Sở hữu Trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu độc quyền cho Công ty:

- Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu số 419595 cho mẫu nhãn hiệu A An

A An

- Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu số 391154 cho màu sắc nhãn hiệu A An

- Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu số 391155 cho mẫu nhãn hiệu A An

- Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp số 32060:



Ý nghĩa logo:

- **Chữ AAN**

+ **Font chữ đơn giản, rõ ràng**, tạo cảm giác **hiện đại, minh bạch và đáng tin cậy**.

+ Tên "A AN" gợi sự an toàn, an tâm – rất phù hợp với sản phẩm thực phẩm.

+ Dấu gạch ngang trên chữ **A** đầu tiên có thể ngầm gợi một mái nhà – biểu trưng cho sự **ấm cúng, gia đình**, nơi cơm ngon được trân trọng

- **KHẨU HIỆU: "Lành gạo – Ngon cơm".** Rất ngắn gọn nhưng truyền tải thông điệp mạnh:

+ "Lành gạo": nhấn mạnh vào tiêu chí an toàn, không hóa chất, sản phẩm sạch, hữu cơ.

+ "Ngon cơm": hướng đến trải nghiệm người dùng cuối – không chỉ sạch mà còn ngon miệng, dẻo, thơm, **phù hợp khẩu vị Việt**.

- Logo A AN thể hiện rõ định vị thương hiệu là một doanh nghiệp:

+ Sản xuất – kinh doanh gạo an toàn, sạch, có kiểm soát nguồn gốc

+ Cam kết chất lượng từ đồng ruộng đến bữa cơm

+ Hướng đến phát triển bền vững, hài hòa giữa con người, thiên nhiên và công nghệ

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Nhận thức rõ tiềm năng tăng trưởng bền vững của ngành lúa gạo Việt Nam và định hướng chiến lược của Công ty trong dài hạn, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Lương thực A An đã xây dựng chính sách nghiên cứu và phát triển (R&D) với tầm nhìn dài hạn, nhằm từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất – cung ứng – xuất khẩu gạo hàng đầu Việt Nam.

Chính sách nghiên cứu và phát triển của Công ty tập trung vào ba trụ cột chiến lược:

a. Mở rộng và chuẩn hóa vùng nguyên liệu

Công ty chủ động phát triển các vùng nguyên liệu đạt chuẩn, đặt tại các khu vực trồng lúa trọng điểm của Đồng bằng sông Cửu Long như Sóc Trăng, An Giang, Đồng Tháp, Long An... nhằm kiểm soát đầu vào và đảm bảo chất lượng nguyên liệu một cách ổn định và lâu dài.

A An triển khai mô hình hợp tác "liên kết chuỗi giá trị" cùng nông dân, hợp tác xã và chính quyền địa phương, với các nội dung trọng tâm:

- Ứng dụng kỹ thuật canh tác hiện đại: sử dụng công nghệ 4.0 trong quản lý mùa vụ, tưới tiêu, bón phân và kiểm soát sâu bệnh.

- Chuyển giao kỹ thuật và giám sát canh tác: đảm bảo tuân thủ quy trình sản xuất sạch, an toàn và truy xuất được nguồn gốc.

- Cam kết bao tiêu đầu ra: hỗ trợ tài chính, vật tư và thu mua lúa đạt chuẩn theo giá thị trường minh bạch.

Mục tiêu đến năm 2030, Công ty sẽ đạt 100% vùng nguyên liệu liên kết đạt tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu, phù hợp yêu cầu các thị trường cao cấp như EU, Nhật Bản, Mỹ.

b. Đầu tư nghiên cứu và chọn tạo giống lúa mới

A An ưu tiên hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học nông nghiệp và các chuyên

gia đầu ngành để triển khai nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng các giống lúa chất lượng cao, thích nghi với biến đổi khí hậu, có khả năng kháng sâu bệnh và phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng.

Các nội dung chính bao gồm:

- Nghiên cứu – chọn tạo giống mới: tập trung vào các giống thơm, giống hữu cơ, giống giàu dinh dưỡng có tiềm năng thương mại cao như ST25, Japonica, Đài Thơm 8, OM5451…
- Thử nghiệm mô hình canh tác đặc thù: như mô hình lúa - tôm, mô hình trồng lúa hữu cơ không hóa chất nhằm tạo ra các dòng sản phẩm gạo đặc biệt, phục vụ phân khúc cao cấp và xuất khẩu.
- Tối ưu quy trình thu hoạch và bảo quản giống: nâng cao chất lượng hạt giống, rút ngắn thời gian sinh trưởng, giúp nông dân tăng năng suất và lợi nhuận.

Đây là nền tảng khoa học quan trọng giúp Công ty tạo ra sự khác biệt về chất lượng và định vị thương hiệu A An trên thị trường nội địa và quốc tế.

c. Phát triển sản phẩm mới, nâng cao giá trị gia tăng

Không chỉ dừng lại ở việc sản xuất gạo tiêu dùng truyền thống, Công ty định hướng phát triển thêm các sản phẩm mới nhằm mở rộng thị trường, phục vụ đa dạng nhu cầu và nâng cao tỷ suất lợi nhuận:

- Sản phẩm gạo cao cấp: gạo hữu cơ, gạo đặc sản vùng miền, gạo ăn liền, gạo bổ sung vi chất dinh dưỡng.
- Gạo thương hiệu riêng (OEM): cung cấp gạo đóng gói theo nhãn hiệu riêng cho các đối tác trong và ngoài nước.
- Sản phẩm từ phụ phẩm lúa gạo: đầu tư nghiên cứu khai thác giá trị từ cám gạo, trấu, tấm để sản xuất dầu gạo, thức ăn chăn nuôi, phân hữu cơ và năng lượng sinh khối (biomass).

Các sản phẩm mới được phát triển dựa trên định hướng "gạo sạch – gạo an toàn – gạo truy xuất được nguồn gốc", hướng đến các thị trường cao cấp và người tiêu dùng hiện đại, đề cao sức khỏe và bền vững.

d. Tầm nhìn đến năm 2030

Công ty đặt mục tiêu đến năm 2030 sẽ:

- Hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm gạo an toàn, bền vững
- Sở hữu ít nhất 2 giống lúa chất lượng cao do Công ty trực tiếp đầu tư nghiên cứu hoặc liên kết phát triển
- Phát triển tối thiểu 5 sản phẩm mới mỗi năm, với định vị khác biệt rõ nét trên thị trường

Đạt tỷ lệ doanh thu từ sản phẩm mới và cải tiến chiếm tối thiểu 20% tổng doanh thu hàng năm.

e. Tác động của chính sách nghiên cứu phát triển đến tình hình sản xuất kinh doanh

Chính sách nghiên cứu và phát triển (R&D) của Công ty Cổ phần Lương thực A An được thiết kế dựa trên ba trụ cột chiến lược: (i) Mở rộng và chuẩn hóa vùng nguyên liệu; (ii) Nghiên cứu – chọn tạo giống lúa mới; (iii) Phát triển sản phẩm mới, gia tăng giá trị từ phụ phẩm. Các định hướng này có ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, khả năng cạnh tranh và triển vọng tăng trưởng bền vững của Công ty.

❖ **Mở rộng và chuẩn hóa vùng nguyên liệu**

Tác động tích cực: Việc xây dựng các vùng nguyên liệu liên kết theo mô hình "chuỗi giá trị" giúp Công ty chủ động hơn về nguồn cung, giảm thiểu phụ thuộc vào thương lái, hạn chế biến động giá lúa nguyên liệu – vốn là rủi ro thường trực trong ngành gạo. Bên cạnh đó, việc áp dụng công nghệ canh tác và cam kết bao tiêu còn giúp ổn định chi phí đầu vào, nâng cao chất lượng hạt gạo, từ đó cải thiện biên lợi nhuận gộp. Trọng dài hạn, khi đạt mục tiêu 100% vùng nguyên liệu đạt chuẩn xuất khẩu, AAN sẽ gia tăng năng lực cạnh tranh tại các thị trường khó tính (EU, Nhật, Mỹ), tạo ra lợi thế khác biệt so với nhiều doanh nghiệp xuất khẩu gạo khác chỉ tập trung vào thị trường truyền thống.

Thách thức: Mô hình này đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu đáng kể (tài chính, nhân sự, công nghệ giám sát canh tác) và cần thời gian dài để xây dựng niềm tin, gắn kết chặt chẽ với nông dân.

❖ **Đầu tư nghiên cứu và chọn tạo giống lúa mới**

Tác động tích cực: Việc hợp tác nghiên cứu giống lúa đặc thù như ST25, Japonica hay các giống hữu cơ, dinh dưỡng cao sẽ giúp Công ty sở hữu danh mục sản phẩm khác biệt, đáp ứng xu hướng tiêu dùng gạo cao cấp, gạo sạch. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao giá trị thương hiệu A An, đồng thời mở rộng biên lợi nhuận nhờ sản phẩm chất lượng vượt trội.Trong dài hạn, khi chủ động được giống lúa đặc thù, AAN sẽ tạo ra chuỗi giá trị khép kín từ giống – canh tác – chế biến – phân phối, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm rủi ro cạnh tranh về giá.

Thách thức: Nghiên cứu giống mới là lĩnh vực có rủi ro cao, đòi hỏi chi phí lớn và thời gian dài mới có thể thương mại hóa, do đó hiệu quả tài chính chỉ ghi nhận trong trung – dài hạn.

❖ **Phát triển sản phẩm mới và gia tăng giá trị từ phụ phẩm**

Tác động tích cực: Bên cạnh gạo truyền thống, việc mở rộng sang gạo hữu cơ, gạo đặc sản, gạo ăn liền hoặc gạo bổ sung vi chất sẽ giúp Công ty đa dạng hóa cơ cấu doanh thu, tiếp cận các phân khúc tiêu dùng cao cấp và thị trường quốc tế khắt khe.

Đặc biệt, định hướng khai thác phụ phẩm (cám, tấm, trấu) để sản xuất dầu gạo, thức ăn chăn nuôi, phân hữu cơ và năng lượng sinh khối có thể tạo ra dòng doanh thu mới có biên lợi nhuận cao hơn, giúp AAN giảm phụ thuộc vào thị trường gạo vốn có tính cạnh tranh gay gắt.

Trong dài hạn, nếu triển khai thành công, tỷ trọng doanh thu từ sản phẩm mới có thể đạt tối thiểu 20% tổng doanh thu vào năm 2030, góp phần nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) và cải thiện khả năng sinh lời bền vững.

Thách thức: Đòi hỏi vốn đầu tư lớn, khả năng phát triển thị trường và chiến lược thương hiệu rõ ràng. Nếu không có chính sách marketing mạnh mẽ, sản phẩm mới có thể khó chiếm thị

phần trước các đối thủ đã đi trước.

❖ **Tầm nhìn đến năm 2030 và ảnh hưởng tổng thể**

Hiệu quả kỳ vọng: Nếu đạt được mục tiêu đến năm 2030 (2 giống lúa riêng, 5 sản phẩm mới/năm, 20% doanh thu từ sản phẩm cải tiến), AAN sẽ trở thành một trong số ít doanh nghiệp gạo Việt Nam sở hữu hệ sinh thái sản phẩm toàn diện, từ gạo cao cấp đến sản phẩm phụ phẩm giá trị gia tăng, tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược niêm yết và huy động vốn dài hạn.

Rủi ro: Chiến lược R&D đòi hỏi sự đầu tư bền bỉ, trong khi dòng tiền hiện tại của AAN vẫn chủ yếu phụ thuộc vào kinh doanh gạo thương phẩm với biên lợi nhuận còn mỏng. Do đó, để hiện thực hóa mục tiêu, Công ty cần tăng cường vốn chủ sở hữu thông qua chào bán cổ phiếu, hợp tác chiến lược với nhà đầu tư tài chính và công nghệ.

Kết luận: Chính sách R&D của AAN có ảnh hưởng tích cực, mang tính chiến lược và là yếu tố then chốt giúp Công ty chuyển đổi từ mô hình "doanh nghiệp thương mại gạo" sang "doanh nghiệp nông nghiệp tích hợp – đa giá trị". Tuy nhiên, hiệu quả kinh doanh ngắn hạn chưa thể hiện rõ rệt mà chủ yếu sẽ tạo động lực tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn

10.11 Chiến lược kinh doanh

10.11.1 Hệ tư tưởng A An

a. Tầm nhìn

Trở thành tập đoàn sản xuất và xuất khẩu gạo định hướng phát triển bền vững dẫn đầu Việt Nam.

b. Sứ mệnh

Góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn trong sản xuất lúa gạo bền vững, cung cấp sản phẩm gạo xanh, sạch, an toàn cho người tiêu dùng và nâng cao thu nhập cho người nông dân.

c. Triết lý kinh doanh

Thành công bằng sự **tử tế** và **phụng sự** xã hội.

- **Tử tế**: Chân thành + Đạo đức + Yêu thương + Nhân ái
+ Tử tế có nghĩa là cẩn thận, kỹ lưỡng trong từng việc nhỏ nhất.
+ Sống tử tế là sống chân thành, trung thực, biết sống cho người khác vì cái chung.
+ Người tử tế còn thể hiện ở tấm lòng nhân ái, yêu thương, luôn biết ơn mọi thứ xung quanh.
- **Phụng sự**: Tự nguyện + Hết lòng + Thấu cảm + Vì người khác
+ Phụng sự là phục vụ tự nguyện, hết lòng không bắt đầu từ lợi ích riêng của mình.
+ Phụng sự là hành động vì người khác, thấu hiểu và đồng cảm với tổ chức cá nhân khác.

d. Giá trị cốt lõi

Tâm: Cống hiến hết mình, từ tâm trong sáng. Người A AN luôn tận tâm, chân thành, làm việc hết lòng từ tâm trong sáng của mình. Người A AN liêm chính, trung thực trong suy nghĩ và

hành động, đề cao chữ tín và đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu. Người A AN luôn cố gắng hết sức, làm việc có trách nhiệm và vận dụng tối đa khả năng của bản thân để đem lại hiệu quả tốt nhất. Mỗi người của Công ty Cổ phần Lương thực A AN luôn ý thức xây dựng thương hiệu cá nhân bằng sự chính trực, chân thành, tận tâm và uy tín để là tấm gương sáng cho các thế hệ mai sau.

Trí: Ứng dụng tri thức, nâng tầm giá trị. Người A AN có khát vọng, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm. Chúng tôi đề cao sự tìm tòi, học hỏi, sáng tạo, chúng ta không ngừng ứng dụng khoa học công nghệ để gia tăng giá trị của từng sản phẩm, đáp ứng hơn cả sự mong đợi của khách hàng. Tôi tin vào sự may mắn, nhưng may mắn chỉ đến được sau những nỗ lực làm việc không ngừng nghỉ, không bỏ cuộc, không khất phục trước mọi thử thách thì may mắn mới mỉm cười với mỗi chúng ta.

Tốc: Đón đầu cơ hội, thực thi thần tốc. Khi xác định được mục tiêu và chiến lược rõ ràng, chúng tôi hành động quyết liệt, thần tốc, quyết đoán trên tinh thần sáng tạo, phát huy sức mạnh tập thể.

10.11.2 Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh

Là một doanh nghiệp trẻ nhưng năng động, Công ty Cổ phần Lương thực A An (AAn) đã nhanh chóng khẳng định vị thế trong ngành lúa gạo Việt Nam nhờ vào chiến lược phát triển bài bản, gắn liền với sứ mệnh xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo khép kín, bền vững "từ cánh đồng đến bàn ăn".

Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của AAn được định hình theo hướng toàn diện, tập trung vào ba trụ cột: liên kết nông nghiệp bền vững – đầu tư công nghệ chế biến hiện đại – phát triển thị trường nội địa và quốc tế, cụ thể như sau:

a. Phát triển vùng nguyên liệu và hợp tác nông nghiệp bền vững

AAn xác định nông dân là đối tác chiến lược, giữ vai trò trung tâm trong chuỗi cung ứng. Công ty chủ động thiết lập mối liên kết chặt chẽ với nông dân, hợp tác xã từ khâu chọn giống, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ canh tác đến bao tiêu đầu ra. Việc này không chỉ giúp kiểm soát chất lượng nguyên liệu ngay từ đầu mà còn góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho người trồng lúa, thúc đẩy chuyển đổi sản xuất nông nghiệp theo hướng giá trị cao và bền vững.

Các giải pháp cụ thể:

- Phát triển vùng nguyên liệu tập trung tại các khu vực trọng điểm như Đồng bằng sông Cửu Long, áp dụng mô hình liên kết 3 bên (nông dân – doanh nghiệp – địa phương).
- Triển khai các quy trình sản xuất tiên tiến như "1 phải 5 giảm", VietGAP, canh tác thông minh thích ứng biến đổi khí hậu.
- Ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc, theo dõi nhật ký đồng ruộng và quản lý sản lượng.

b. Đầu tư công nghệ chế biến – nâng cao giá trị gia tăng

Với định hướng trở thành doanh nghiệp sản xuất và chế biến gạo hàng đầu Việt Nam, AAn chú trọng đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống nhà máy hiện đại đạt chuẩn quốc tế. Quy trình chế biến, sấy, xay xát, tách màu, đóng gói được kiểm soát nghiêm ngặt, đảm bảo giữ trọn vẹn chất lượng hạt gạo từ sau thu hoạch đến tay người tiêu dùng.

Các biện pháp triển khai:

- Tăng cường ứng dụng tự động hóa, công nghệ cao trong sản xuất.
- Đạt và duy trì các chứng nhận quản lý chất lượng: ISO 22000, HACCP, BRC, Halal...
- Nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm gạo cao cấp, gạo đặc sản, gạo dinh dưỡng phục vụ đa dạng phân khúc người tiêu dùng.

c. Phát triển thị trường nội địa và mở rộng xuất khẩu

AAn hướng tới mục tiêu phát triển song song hai thị trường trọng yếu: thị trường trong nước với nhu cầu ngày càng cao về gạo thương hiệu và thị trường quốc tế với tiềm năng xuất khẩu gạo giá trị cao.

Tại thị trường nội địa, AAn xây dựng hệ thống phân phối phủ rộng toàn quốc, từ kênh truyền thống (GT) đến hiện đại (MT), thương mại điện tử và bán hàng trực tiếp (D2C). Doanh nghiệp đẩy mạnh xây dựng thương hiệu "Gạo A An – gạo sạch, an toàn, rõ nguồn gốc", từng bước thay đổi thói quen tiêu dùng gạo bao bì thương hiệu tại Việt Nam.

Tại thị trường quốc tế, AAn tập trung phát triển xuất khẩu gạo thơm, gạo đặc sản và gạo hữu cơ đến các thị trường cao cấp như EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Đông, thông qua việc tận dụng ưu đãi từ các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA. Công ty đặt mục tiêu đưa gạo Việt có thương hiệu sánh ngang với các thương hiệu lớn trên thị trường toàn cầu.

d. Định vị thương hiệu và phát triển sản phẩm

❖ **Định vị Thương hiệu**

Gạo A An được định vị là biểu tượng của gạo sạch – ngon – có trách nhiệm. Công ty không ngừng đổi mới sáng tạo, đa dạng hóa sản phẩm gạo theo xu hướng tiêu dùng hiện đại, đáp ứng nhu cầu về dinh dưỡng, sức khỏe và an toàn thực phẩm.

Một số định hướng sản phẩm chiến lược:

- Gạo thơm đặc sản nội địa (ST25, Japonica, Jasmine...).
- Gạo hữu cơ, gạo cho người ăn kiêng, gạo cho trẻ em.
- Gạo chế biến giá trị gia tăng (bún gạo, bánh gạo, gạo ăn liền...).

❖ **Phát triển thêm sản phẩm mới - Dầu gạo**

Dầu Gạo A An là sản phẩm mới thuộc hệ sinh thái nông nghiệp sạch và bền vững của thương hiệu A An. Được chiết xuất từ lớp cám gạo nguyên chất trong quá trình xay xát gạo nội địa, sản phẩm là sự kết hợp giữa công nghệ tinh luyện hiện đại và nguồn nguyên liệu sạch, truy xuất được nguồn gốc.

Dầu Gạo A An giàu Gamma-Oryzanol, Vitamin E, và phytosterol, giúp hỗ trợ giảm cholesterol xấu, chống oxy hóa, và bảo vệ tim mạch. Với điểm bốc khói cao, sản phẩm đặc biệt phù hợp cho chế biến món chiên, xào, nấu ăn hàng ngày và cả dùng trong lĩnh vực làm đẹp.

Lợi thế cạnh tranh của sản phẩm Dầu gạo:

- Chuỗi giá trị khép kín: Tận dụng nguồn cám gạo từ các nhà máy xay xát thuộc hệ thống A An, đảm bảo chất lượng ổn định và chi phí cạnh tranh.
- Tự chủ nguyên liệu và sản xuất: Giảm thiểu rủi ro phụ thuộc nhà cung cấp, tăng biên lợi nhuận.
- Sản phẩm hướng đến sức khỏe: Phù hợp với xu hướng tiêu dùng thực phẩm lành mạnh và tự nhiên.
- Khai thác thị **trường ngách**: Dầu gạo hiện vẫn là phân khúc ít cạnh tranh so với dầu hướng dương, dầu đậu nành tại Việt Nam.

Định hướng sản phẩm

- Phân khúc phổ thông và cao cấp: Chai 250ml – 1L.
- Dòng sản phẩm chuyên biệt: Dầu gạo cho trẻ em, dầu gạo ép lạnh, dầu gạo dưỡng da.

Thị trường mục tiêu:

- Người tiêu dùng thành thị quan tâm đến sức khỏe.
- Kênh Horeca (nhà hàng, khách sạn, suất ăn công nghiệp cao cấp).

e. Phát triển năng lực nội tại – hiện đại hóa quản trị

Để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh và bền vững, AAn không ngừng hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp và minh bạch. Công ty chú trọng phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số trong vận hành, quản lý và chăm sóc khách hàng.

Giải pháp thực hiện:

- Áp dụng hệ thống ERP, CRM và các công cụ quản trị hiện đại.
- Đào tạo nội bộ và tuyển dụng nhân sự chiến lược cho các khối kinh doanh, kỹ thuật và vận hành.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn kết, linh hoạt và thích ứng với thay đổi.

f. Định hướng dài hạn đến năm 2030

AAn xác định chiến lược phát triển dài hạn theo hướng trở thành hệ sinh thái lúa gạo tích hợp – bao gồm: sản xuất giống, canh tác, chế biến, phân phối và xuất khẩu. Đồng thời, công ty cam kết đóng góp tích cực vào mục tiêu quốc gia về:

- Giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp.
- Gia tăng tỷ lệ gạo thương hiệu trong tổng kim ngạch xuất khẩu.
- Nâng cao thu nhập cho người nông dân thông qua mô hình sản xuất gắn kết.

Với chiến lược phát triển rõ ràng, năng lực sản xuất vững mạnh và tinh thần tiên phong trong đổi mới, AAn tự tin tiếp tục là nhân tố chủ lực đóng góp vào sự chuyển mình của ngành lúa gạo Việt Nam trong giai đoạn mới – hiện đại, chất lượng cao, bền vững và hội nhập toàn cầu.

10.12 Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Không có.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1 Cơ cấu lao động

Bảng 15. Cơ cấu lao động Công ty mẹ 2023-2024

STT	Trình độ	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	**Theo trình độ lao động**	**214**	**100%**	**220**	**100%**	**224**	**100%**
1	Đại học và trên đại học	108	50%	100	45%	100	45%
2	Cao đẳng	38	18%	28	13%	28	13%
3	Trung cấp	35	16%	51	23%	53	24%
4	Lao động phổ thông	33	15%	41	19%	43	19%
II	**Theo tính chất công việc**	**214**	**100%**	**220**	**100%**	**224**	**100%**
1	Lao động thường xuyên	214	100%	220	100%	224	100%
2	Lao động thời vụ	-	-	-	-	-	-

(Nguồn: AAN)

AAN rất xem trọng yếu tố con người trong doanh nghiệp, các cán bộ nhân viên chính là tài sản quý giá nhất, là nền tảng then chốt tạo nên sự phát triển bền vững của công ty. chúng tôi cam kết nhân viên có mức thu nhập cao và ổn định, nhiều cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp. Tạo ra môi trường làm việc đoàn kết, thoải mái, thỏa sức sáng tạo mang lại hiệu quả cao. Người lao động cũng được hưởng các chính sách phúc lợi tốt nhất, chăm lo nâng cao trình độ nghiệp vụ, được phát triển quyền lợi cả về văn hóa và chính trị.

11.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Mục tiêu và tiêu chí tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Nắm được điều đó, AAN thường chủ động liên kết với các trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc, có uy tín hàng đầu trong việc đào tạo nguồn nhân lực về kỹ thuật … Ban hành chính nhận sự và các chuyên gia cao cấp của AAN sẽ cùng nhà trường triển khai đào tạo, xây dựng chương trình phù hợp với định hướng phát triển, và cam kết đầu ra việc làm cho các trường Đại học. Vì vậy, AAN luôn có đội ngũ nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp, luân phiên làm việc tại các trang trại.

11.3 Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8h/ngày; 5-6 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, CBNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBNV được nghỉ lễ và Tết 11 ngày theo quy định của Bộ Luật Lao động. Lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam còn được nghỉ thêm 01 ngày Tết cổ truyền dân tộc và 01 ngày Quốc khánh của nước họ. Đối với CBNV đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBNV.

11.4 Chính sách tiền lương thưởng, trợ cấp:

Áp dụng theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CBNV trong Công ty đúng và đầy đủ theo Quy chế lương, trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả, năng lực và hiệu quả công việc của cán bộ CNV-LĐ, Công ty xem xét và áp dụng các chế độ thưởng vào cuối năm thưởng đối với các cá nhân hoặc phòng ban, đơn vị có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

11.5 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động:

Hiện tại Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Trong năm 2023, 2024 hoạt động kinh doanh của Công ty khá hiệu quả và đều có lãi, tuy nhiên Công ty tạm thời chưa chia cổ tức cho các cổ đông để dành nguồn vốn lưu động bổ sung vốn cho hoạt kinh doanh của AAN.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Ngày 13/07/ 2023 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lương thực A An đã ban hành Quyết định Hội đồng quản trị số 01/2023/QĐ-HĐQT ngày 13/07/2023 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

- Tổng số vốn góp thêm: 250.000.000.000 đồng, trong đó:
  - + Góp vốn bằng tiền là 170.000.000.000 VND
  - + Góp bằng tài sản là 80.000.000.000 VND
- Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán được dùng để:
  - + Thanh toán tiền mua phần vốn góp CT TNHH Yến Đăng: 148.500.000.000 đồng
  - + Thanh toán tiền hàng: 21.500.000.000 đồng
- Sử dụng vốn góp bằng tài sản:
  - + Ngày 12 tháng 7 năm 2023, Công ty A AN đã được đứng tên trên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BK595534 tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 55 thuộc xã Định An, huyện Lò Vấp, tỉnh Đồng Tháp với diện tích 31.868 m2.
  - + Toàn bộ các tài sản góp vốn đã được bàn giao theo Biên bản bàn giao tài sản số 1906/2023/BBGNTS/AAN-TL ngày 19/06/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long và Công ty Cổ phần Lương Thực A An. Các Tài sản trên được quản lý và sử dụng tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực A An tại Đồng Tháp tại xã Định An, huyện Lò Vấp, tỉnh Đồng Tháp.
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn số 1507.1/2023/NTV2-BCV ngày

15/08/2023 do đơn vị Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán, trong đó ý kiến của đơn vị kiểm toán về báo cáo tình hình sử dụng vốn như sau: *Báo cáo tình hình sử dụng vốn trong đợt tăng vốn điều lệ đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý thông tin về việc sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng, tương ứng số lượng cổ phần đã phát hành là 25.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Lương thực A An trong giai đoạn từ ngày 15 tháng 11 năm 2022 đến ngày 13 tháng 07 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trong đợt tăng vốn điều lệ.*

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết (thông tin về trái phiếu chuyển đổi và các thông tin liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu...)

Không có

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết (nếu có)

Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ chức phát hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm gần nhất

Bảng 16. Hoạt động kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2023 – 6 tháng 2025

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/ giảm	6 tháng 2025
1	Tổng giá trị tài sản	976.772	1.239.487	21,20%	1.097.947
2	Vốn chủ sở hữu	401.584	428.753	6,34%	443.201
3	Doanh thu thuần	1.322.297	2.204.807	40,03%	1.510.210

4	Lợi nhuận gộp	117.038	118.490	1,23%	78.540
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.852	35.691	(3,25%)	17.718
6	Lợi nhuận khác	(115)	(576)	80,03%	793
7	Lợi nhuận trước thuế	36.737	35.115	(4,62%)	18.511
8	Lợi nhuận sau thuế	29.351	27.169	(8,03%)	14.448
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
10	Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2024 và BCTC riêng soát xét năm 2025 của AAN)

Bảng 17. Hoạt động kinh doanh Hợp nhất giai đoạn 2023 - 6 tháng 2025

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/ giảm	6 tháng 2025
1	Tổng giá trị tài sản	1.109.449	1.285.562	15,87%	1.142.371
2	Vốn chủ sở hữu	411.051	439.030	6,81%	453.733
3	Doanh thu thuần	1.531.714	2.436.930	59,10%	1.620.043
4	Lợi nhuận gộp	127.942	121.222	-5,25%	79.744
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.067	36.698	1,75%	18.035
6	Lợi nhuận khác	157	(576)	-466,88%	794
7	Lợi nhuận trước thuế	36.224	36.122	-0,28%	18.828
8	Lợi nhuận sau thuế	30.175	27.979	-7,28%	14.703
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
10	Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2024 và BCTC hợp nhất soát xét năm 2025 của AAN)

a) **Quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu**: Trong giai đoạn 2023 – 6 tháng 2025, tổng giá trị tài sản của Công ty Cổ phần Lương thực A An (AAN) ghi nhận xu hướng tăng trưởng liên tục, phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động và năng lực tích lũy vốn:

- Công ty mẹ: từ 976,8 tỷ đồng năm 2023 lên 1.239,5 tỷ đồng năm 2024 (+21,2%) và đạt 1.097,9 tỷ đồng tại 6 tháng 2025.
- Hợp nhất: từ 1.109,4 tỷ đồng năm 2023 lên 1.285,6 tỷ đồng năm 2024 (+15,9%) và ghi nhận 1.142,4 tỷ đồng tại 6 tháng 2025.

Mặc dù tổng tài sản 6 tháng 2025 có xu hướng chững lại so với cuối năm 2024, song điều này mang tính thời vụ, chủ yếu do vòng quay vốn lưu động và nhu cầu dự trữ hàng tồn kho chưa tăng mạnh trong nửa đầu năm.

Vốn chủ sở hữu cũng duy trì đà tăng trưởng ổn định:

- Công ty mẹ: từ 401,6 tỷ đồng (2023) lên 428,8 tỷ đồng (2024, +6,3%) và đạt 443,2 tỷ đồng (6T/2025).
- Hợp nhất: từ 411,1 tỷ đồng (2023) lên 439,0 tỷ đồng (2024, +6,8%) và đạt 453,7 tỷ đồng (6T/2025).

Điều này cho thấy năng lực tài chính vững chắc, khả năng tích lũy lợi nhuận đều đặn, đồng thời tạo nền tảng cho các chiến lược phát triển dài hạn.

b) **Doanh thu thuần**: Doanh thu thuần của AAN tiếp tục tăng trưởng mạnh, thể hiện hiệu quả của chiến lược mở rộng thị trường và phát triển sản phẩm:

- Công ty mẹ: từ 1.322,3 tỷ đồng năm 2023 lên 2.204,8 tỷ đồng năm 2024 (+40,0%). Trong 6 tháng 2025, doanh thu đạt 1.510,2 tỷ đồng, hoàn thành 68,5% kế hoạch cả năm 2024, phản ánh triển vọng tăng trưởng cao cho cả năm.
- Hợp nhất: từ 1.531,7 tỷ đồng năm 2023 lên 2.436,9 tỷ đồng năm 2024 (+59,1%). 6 tháng 2025 ghi nhận 1.620,0 tỷ đồng, đạt 66,5% mức cả năm 2024, cho thấy xu hướng tăng trưởng duy trì tích cực.

Động lực tăng trưởng doanh thu đến từ việc tăng cường xuất khẩu, đa dạng hóa sản phẩm (gạo chất lượng cao, phụ phẩm, gạo chế biến, dầu gạo) cùng với việc mở rộng hệ thống phân phối nội địa.

c) **Lợi nhuận gộp:** Biên lợi nhuận gộp phản ánh rõ tác động từ biến động chi phí đầu vào và cạnh tranh thị trường

- Công ty mẹ: lợi nhuận gộp tăng nhẹ từ 117,0 tỷ đồng (2023) lên 118,5 tỷ đồng (2024, +1,2%). Tuy nhiên, 6T/2025 đạt 78,5 tỷ đồng, tương đương 66,3% kết quả năm 2024, cho thấy xu hướng cải thiện tích cực.
- Hợp nhất: lợi nhuận gộp giảm từ 127,9 tỷ đồng (2023) xuống 121,2 tỷ đồng (2024, -5,3%). 6T/2025 đạt 79,7 tỷ đồng, hoàn thành 65,8% kết quả 2024, phản ánh sự phục hồi so với giai đoạn trước.

Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu năm 2024 đạt 5,4% (Công ty mẹ) và 5,0% (Hợp nhất). Mặc dù biên lợi nhuận chưa cao, song với định hướng phát triển chế biến sâu và sản phẩm giá trị gia tăng, triển vọng cải thiện biên lợi nhuận trong những năm tới là rõ rệt.

d) Lợi nhuận sau thuế

- Công ty mẹ: lợi nhuận sau thuế đạt 27,2 tỷ đồng năm 2024 (-8,0% so với 2023). 6T/2025 đạt 14,4 tỷ đồng, bằng 53,1% mức năm 2024, cho thấy tín hiệu phục hồi tích cực.
- Hợp nhất: lợi nhuận sau thuế đạt 28,0 tỷ đồng năm 2024 (-7,3% so với 2023). 6T/2025 đạt 14,7 tỷ đồng, hoàn thành 52,6% mức năm 2024.

Nguyên nhân chính khiến lợi nhuận suy giảm trong năm 2024 đến từ chi phí tài chính gia tăng trong giai đoạn Công ty mở rộng quy mô hoạt động, cùng với biên lợi nhuận gộp chịu áp lực từ giá nguyên liệu. Tuy nhiên, việc duy trì được mức lợi nhuận ổn định và khả năng hoàn thành trên 50% kế hoạch năm chỉ trong 6 tháng đầu 2025 cho thấy triển vọng cải thiện rõ rệt trong nửa cuối năm.

e) Đánh giá chung và triển vọng

- AAN đang mở rộng quy mô nhanh chóng, thể hiện qua tốc độ tăng trưởng mạnh của doanh thu và tổng tài sản.
- Biên lợi nhuận còn khiêm tốn do đặc thù ngành lúa gạo, nhưng Công ty đã và đang triển khai các giải pháp nâng cao giá trị gia tăng như: phát triển sản phẩm gạo chất lượng cao, gạo hữu cơ, dầu gạo và phụ phẩm chế biến sâu.
- Trong ngắn hạn, biên lợi nhuận có thể còn chịu ảnh hưởng từ biến động chi phí đầu vào, nhưng về trung – dài hạn, việc tối ưu chuỗi cung ứng, nâng cao hiệu quả quản trị tài chính và mở rộng kênh xuất khẩu sẽ giúp AAN cải thiện lợi nhuận bền vững.

f) Các chỉ tiêu khác

- Không có.

g) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập

- Không có.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

a) Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Hoạt động kinh doanh của Công ty cung chịu tác động từ những yếu tố thuận lợi và khó khăn khác nhau, cụ thể như:

+ Thuận lợi

- Mạng lưới phân phối rộng khắp: Đến cuối năm 2024, AAn đã thiết lập hàng nghìn điểm bán trên toàn quốc, phủ rộng các hệ thống bán lẻ, chuỗi cửa hàng thực phẩm, chợ truyền thống, sàn thương mại điện tử cùng hệ thống giao hàng nhanh tại Hà Nội và TP.HCM, nâng cao khả năng tiếp cận người tiêu dùng.
- Thương hiệu uy tín và độ nhận diện cao: Với nền tảng thương hiệu từ năm 2019, AAn đã

xây dựng được hình ảnh chuyên nghiệp, đáng tin cậy, được người tiêu dùng và nhiều tổ chức uy tín trong nước, quốc tế công nhận.

- Đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm: Sở hữu đầy đủ giấy tờ pháp lý và tiêu chuẩn chất lượng, Công ty dễ dàng tiếp cận và phục vụ các kênh tiêu thụ đặc thù như bếp ăn công nghiệp, nhà hàng, trường học.
- Vị thế ổn định trên thị trường xuất khẩu: AAn đã có tên tuổi và uy tín nhất định trên thị trường quốc tế, đặc biệt trong các phân khúc gạo chất lượng cao.
- Hệ thống sản xuất đồng bộ: Các nhà máy chế biến, sấy, tồn trữ của AAn phân bổ tại những vùng nguyên liệu chiến lược như Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang, An Giang… tạo lợi thế về logistics và thu mua nguyên liệu.
- Nhân lực chất lượng cao: Đội ngũ quản lý và nhân viên có chuyên môn tốt, được đào tạo định kỳ cả về lý thuyết và thực tiễn, hỗ trợ quá trình mở rộng quy mô và tối ưu vận hành.
- Ứng dụng công nghệ quản trị hiện đại: Hệ thống quản trị ERP được áp dụng xuyên suốt, giúp giám sát và kiểm soát hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh, đồng thời hỗ trợ mở rộng linh hoạt và bền vững.

Khó khăn

- Từ thực tiễn triển khai phát triển vùng nguyên liệu, A An nhận thấy hợp tác với nông dân hiện nay còn tồn tại nhiều rào cản. Mặc dù đã ký kết hợp đồng liên kết sản xuất – bao tiêu với các hộ dân, tuy nhiên cam kết thực hiện chưa cao; một số trường hợp nông dân tự ý bán lúa cho thương lái khi giá thị trường biến động. Bên cạnh đó, trình độ canh tác không đồng đều, chưa tuân thủ nghiêm ngặt các hướng dẫn kỹ thuật khiến phát sinh nhiều chi phí trong việc kiểm soát chất lượng. Vai trò của hợp tác xã – đơn vị trung gian – còn yếu, chưa hỗ trợ hiệu quả trong việc điều phối sản xuất và giám sát thực hiện hợp đồng. Những yếu tố này đang ảnh hưởng trực tiếp đến tính ổn định và hiệu quả của vùng nguyên liệu mà A An đầu tư.
- A An đang chịu sự cạnh tranh gay gắt về giá từ các doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt là các đơn vị không đầu tư vào vùng nguyên liệu mà thu mua trôi nổi trên thị trường với chi phí thấp. Trong khi đó, A An theo đuổi mô hình sản xuất khép kín, đầu tư vào vùng nguyên liệu và kiểm soát chất lượng toàn diện, dẫn đến giá thành và giá bán thường cao hơn thị trường từ 2.000 - 3.000 đồng/kg. Điều này khiến công ty gặp bất lợi tại các phân khúc nhạy cảm về giá, dù sản phẩm có chất lượng và mức độ an toàn vượt trội.
- Hạn chế trong năng lực xử lý sau thu hoạch: Một số cơ sở chế biến chưa đáp ứng được yêu cầu xử lý lúa tươi trong vòng 12 giờ sau thu hoạch, làm tăng tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch và ảnh hưởng đến chất lượng đầu vào.
- Khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn giá rẻ: Chi phí huy động vốn cao làm giảm năng lực cạnh tranh về giá và hạn chế khả năng đầu tư mở rộng, đặc biệt trong bối cảnh thị trường tài chính chưa ổn định.

b) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

❖ **Biến đổi khí hậu và tác động đến sản xuất nông nghiệp**

Biến đổi khí hậu tiếp tục là yếu tố rủi ro hàng đầu đối với ngành nông nghiệp toàn cầu, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất lúa gạo – ngành có vai trò then chốt trong việc đảm bảo an ninh lương thực cho hàng tỷ người. Trong năm 2024 và đầu 2025, sự gia tăng rõ rệt của các hiện tượng thời tiết cực đoan như nhiệt độ tăng cao, hạn hán kéo dài, mùa mưa đến muộn hoặc phân bố thất thường đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất, chất lượng và chu kỳ canh tác lúa gạo tại nhiều khu vực trọng điểm của Đồng bằng sông Cửu Long.

Những biến động này không chỉ gây ra giảm năng suất và tăng rủi ro mùa vụ, mà còn tác động đến giá trị dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và tính ổn định của chuỗi cung ứng gạo. Về dài hạn, nếu không có biện pháp thích nghi và đầu tư kịp thời, biến đổi khí hậu có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh và khả năng duy trì thị phần của doanh nghiệp.

Để đối phó với rủi ro này, AAn và các đối tác nông dân đang từng bước triển khai các giải pháp thích ứng như:

- Chuyển đổi cơ cấu giống lúa chịu hạn, chịu mặn, sinh trưởng ngắn ngày;
- Tăng cường đầu tư hệ thống tưới tiêu tiết kiệm, ứng dụng công nghệ thông minh trong giám sát thời tiết và mùa vụ;
- Nâng cao năng lực sấy, bảo quản tại chỗ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và duy trì chất lượng lúa gạo ổn định trong điều kiện thời tiết bất lợi.

❖ **Bất ổn thị trường lúa gạo và tác động đến hoạt động xuất khẩu**

Từ cuối năm 2023 đến nay, thị trường lúa gạo toàn cầu liên tục biến động mạnh do ảnh hưởng từ chính sách thương mại và điều kiện thời tiết toàn cầu. Cụ thể:

- Các lệnh cấm xuất khẩu gạo từ Ấn Độ và UAE kéo dài sang năm 2024 và chưa có dấu hiệu được dỡ bỏ đã gây ra tình trạng thiếu hụt nguồn cung trên thị trường quốc tế, đẩy giá gạo tăng cao. Trong ngắn hạn, điều này mở ra cơ hội thuận lợi để gạo Việt Nam gia tăng thị phần và giá trị trong hoạt động cung ứng cho các đối tác xuất khẩu.
- Tuy nhiên, về trung và dài hạn, việc khó dự đoán thời điểm các quốc gia này nối lại xuất khẩu khiến thị trường gạo toàn cầu rơi vào trạng thái thiếu ổn định, ảnh hưởng đến khả năng lập kế hoạch sản xuất và cung ứng của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng xuất khẩu.
- Bên cạnh đó, hiện tượng El Nino kéo dài từ cuối năm 2024 sang đầu năm 2025 tiếp tục ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng lúa tại các quốc gia sản xuất lớn như Thái Lan, Myanmar, Campuchia… khiến nguồn cung toàn cầu thiếu ổn định và làm gia tăng rủi ro trong chuỗi giá trị xuất khẩu.
- Đối với các đối tác xuất khẩu, việc ký kết hợp đồng dài hạn trước khi giá tăng mạnh có thể

dẫn đến rủi ro về hiệu quả tài chính. Chỉ những hợp đồng ký trong giai đoạn giá cao gần đây mới đảm bảo được biên lợi nhuận tích cực.

Trước những bất ổn nêu trên, Công ty Cổ phần Lương thực A An – với vai trò là đơn vị cung ứng gạo cho hoạt động xuất khẩu – đang tập trung triển khai các giải pháp nhằm thích ứng linh hoạt, cụ thể:

- Tăng công suất hệ thống sấy và tồn trữ lúa, giúp chủ động về thời điểm giao hàng và tối ưu hóa giá bán trong các chu kỳ thị trường;
- Đàm phán với các đối tác xuất khẩu để xây dựng điều khoản hợp đồng linh hoạt, giảm thiểu ràng buộc cố định trong bối cảnh giá nguyên liệu đầu vào và chi phí logistics biến động liên tục;
- Tái phân bổ thị trường cung ứng theo hướng đa dạng hóa, hạn chế phụ thuộc vào một số thị trường trọng điểm nhằm tăng tính ổn định cho hoạt động sản xuất – kinh doanh.

❖ **Biến động chi phí đầu vào và áp lực lạm phát**

Năm 2024 – đầu 2025, giá các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, nhiên liệu và logistics tiếp tục duy trì ở mức cao do:

- Tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt ở khu vực Trung Đông và Biển Đỏ;
- Giá dầu thô, khí đốt và nguyên liệu hóa học biến động khó lường;
- Các quốc gia sản xuất phân bón lớn như Trung Quốc và Nga hạn chế xuất khẩu để ưu tiên nhu cầu nội địa.

Chi phí đầu vào tăng gây sức ép lên biên lợi nhuận của doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh giá bán gạo khó tăng tương ứng do cạnh tranh cao trong thị trường nội địa và yêu cầu khắt khe từ thị trường xuất khẩu.

❖ **Biến động tỷ giá và rủi ro tài chính quốc tế**

Hoạt động cung ứng gạo cho xuất khẩu chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu doanh thu của AAn. Do đó, biến động tỷ giá hối đoái có thể tác động trực tiếp đến giá trị doanh thu thực nhận từ các đối tác xuất khẩu cũng như ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh về giá của sản phẩm trên thị trường quốc tế.

Bước sang năm 2025, xu hướng tăng lãi suất tại các nền kinh tế lớn và đà phục hồi không đồng đều sau đại dịch tiếp tục tạo áp lực lên tỷ giá USD/VND và các đồng tiền trong khu vực, khiến diễn biến tỷ giá trở nên khó lường. Điều này đặt ra rủi ro cho việc đàm phán giá bán cũng như điều chỉnh kế hoạch cung ứng phù hợp với nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu.

Bên cạnh đó, chi phí huy động vốn trong nước vẫn ở mức cao, gây khó khăn cho việc triển khai các kế hoạch đầu tư mở rộng hạ tầng chế biến – bảo quản và duy trì dòng vốn lưu động phục vụ hoạt động thu mua – sản xuất. Đây là những yếu tố mà AAn đang theo dõi chặt chẽ để kịp thời điều chỉnh chiến lược tài chính và hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo ổn định nguồn cung và năng lực phục vụ thị trường xuất khẩu..

❖ **Thay đổi chính sách và quy định pháp luật**

Ngành lúa gạo là ngành có điều tiết cao và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chính sách của Nhà nước về:

- Quy hoạch vùng nguyên liệu, hạn ngạch xuất khẩu, điều chỉnh thuế suất;
- Chuẩn hóa tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận chất lượng đối với gạo xuất khẩu;
- Quy định về bảo vệ môi trường, phát thải carbon trong chuỗi giá trị nông nghiệp – xu hướng đang được đẩy mạnh từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) và thị trường EU, Nhật, Mỹ.
- Bất kỳ thay đổi nào trong hành lang pháp lý cũng có thể tác động đến mô hình sản xuất – kinh doanh hiện tại của Công ty và đòi hỏi chi phí chuyển đổi tương ứng.

❖ **Rủi ro cạnh tranh trong nước và quốc tế**

Thị trường gạo đang ngày càng cạnh tranh gay gắt với sự tham gia của:

- Các doanh nghiệp tư nhân trong nước đầu tư mạnh vào thương hiệu, công nghệ chế biến, logistics;
- Doanh nghiệp FDI và các tập đoàn nước ngoài thâm nhập thị trường Việt Nam thông qua hoạt động M&A hoặc liên doanh, liên kết;

Sự phát triển nhanh chóng của kênh thương mại điện tử và tiêu dùng trực tiếp, khiến các doanh nghiệp phải thay đổi mô hình phân phối, đầu tư vào thương hiệu và truyền thông

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

a) Vốn điều lệ

Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là: 350.000.000.000 đồng

b) Vốn kinh doanh

Vốn kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng 18. Vốn kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	149.942	740.152	590.764
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
3	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	401.584	428.753	443.201
	▪ *Vốn góp của chủ sở hữu*	*350.000*	*350.000*	*350.000*
	▪ *Thặng dư vốn cổ phần*	-	-	-
	▪ *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*51.584*	*78.753*	*93.201*
	▪ *Cổ phiếu quỹ*	-	-	-
	▪ *Quỹ đầu tư phát triển*	-	-	-
	▪ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*	-	-	-
	Tổng cộng	**551.526**	**1.168.905**	**1.033.965**

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét năm 2025 của AAN)

Bảng 19. Vốn kinh doanh của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	202.473	740.152	590.763
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.000	-	-
3	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	411.051	439.030	453.733
	▪ *Vốn góp của chủ sở hữu*	*350.000*	*350.000*	*350.000*
	▪ *Thặng dư vốn cổ phần*	-	-	-
	▪ *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*59.471*	*87.442*	*102.144*
	▪ *Cổ phiếu quỹ*	-	-	-

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
	▪ *Quỹ đầu tư phát triển*	-	-	-
	▪ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*	-	-	-
	Tổng cộng	**615.524**	**1.179.182**	**1.044.496**

(Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC HN soát xét năm 2025 của AAN)

Công ty mẹ: rong giai đoạn 2023 – 2024, quy mô vốn kinh doanh của Công ty mẹ tăng mạnh từ 551,5 tỷ đồng lên 1.168,9 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 111,9%. Cơ cấu vốn cho thấy:

- Vốn vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng từ 149,9 tỷ đồng (2023) lên 740,2 tỷ đồng (2024), phản ánh xu hướng đẩy mạnh sử dụng vốn vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động thu mua, chế biến và kinh doanh lương thực.
- Vốn chủ sở hữu duy trì mức tăng ổn định từ 401,6 tỷ đồng lên 428,8 tỷ đồng (tăng 6,8%), chủ yếu nhờ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng từ 51,6 tỷ đồng lên 78,8 tỷ đồng, trong khi vốn góp của cổ đông vẫn giữ nguyên ở mức 350 tỷ đồng.

Như vậy, cơ cấu vốn của Công ty mẹ chuyển dịch theo hướng gia tăng đáng kể tỷ trọng vốn vay ngắn hạn, từ mức chiếm 27,2% năm 2023 lên tới 63,3% tổng vốn kinh doanh năm 2024.

Hợp nhất: Ở cấp độ hợp nhất, vốn kinh doanh tăng từ 615,5 tỷ đồng (2023) lên 1.179,2 tỷ đồng (2024), tương ứng tăng 91,6%. Trong đó:

- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng gấp 3,7 lần, từ 202,5 tỷ đồng lên 740,2 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu tăng từ 411,1 tỷ đồng lên 439,0 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 6,8%.

Điểm đáng chú ý là tại BCTC hợp nhất, khoản nợ vay dài hạn 2 tỷ đồng năm 2023 đã được tất toán hoàn toàn vào cuối năm 2024, cho thấy Công ty chủ động tái cơ cấu nợ theo hướng tập trung vào vốn vay ngắn hạn.

Cơ cấu nguồn vốn của AAN đang chuyển dịch từ trạng thái dựa nhiều vào vốn chủ sở hữu sang dựa nhiều vào vốn vay ngắn hạn. Đây là dấu hiệu thể hiện chiến lược mở rộng quy mô kinh doanh nhưng đồng thời cũng làm tăng áp lực về chi phí lãi vay và rủi ro tài chính trong ngắn hạn

Bảng 20. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Tiền và tương đương tiền	22.425	63.731	33.487

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.000	154.000	130.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	241.001	265.759	278.283
4	Hàng tồn kho	374.691	432.527	323.343
5	Tài sản ngắn hạn khác	5.683	9.996	15.398
6	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	21
7	Tài sản cố định	152.697	144.412	147.308
8	Tài sản dở dang dài hạn		1.225	1.143
9	Đầu tư tài chính dài hạn	148.500	158.500	158.500
10	Tài sản dài hạn khác	7.774	9.337	10.463
	Tổng cộng	**976.771**	**1.239.487**	**1.097.946**

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét năm 2025 của AAN)

Bảng 21. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Tiền và tương đương tiền	28.242	66.675	34.922
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.000	163.000	139.499
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	311.821	296.323	302.423
4	Hàng tồn kho	456.636	478.353	377.303
5	Tài sản ngắn hạn khác	8.116	13.399	19.162
6	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	21

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
7	Tài sản cố định	272.574	255.437	254.932
8	Tài sản dở dang dài hạn	-	1.225	1.143
9	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
10	Tài sản dài hạn khác	8.060	11.149	12.965
	Tổng cộng	**1.109.449**	**1.285.561**	**1.142.371**

(Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC HN soát xét năm 2025 của AAN)

Công ty mẹ: Tổng tài sản tăng từ 976,8 tỷ đồng (2023) lên 1.239,5 tỷ đồng (2024), mức tăng 26,9%. Các khoản mục sử dụng vốn có sự thay đổi nổi bật:

- Tiền và tương đương tiền tăng mạnh từ 22,4 tỷ đồng lên 63,7 tỷ đồng (+184%), cho thấy sự cải thiện tính thanh khoản.
- Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng từ 24 tỷ đồng lên 154 tỷ đồng, gấp hơn 6 lần, phản ánh chiến lược sử dụng linh hoạt dòng vốn tạm thời nhàn rỗi.
- Hàng tồn kho tăng từ 374,7 tỷ đồng lên 432,5 tỷ đồng (+15,4%), tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất (khoảng 35% tổng tài sản), phù hợp đặc thù ngành lương thực.
- Tài sản cố định giảm từ 152,7 tỷ đồng xuống 144,4 tỷ đồng, cho thấy sự khấu hao theo niên hạn nhanh hơn so với bổ sung mới.
- Đầu tư tài chính dài hạn duy trì mức tăng từ 148,5 tỷ đồng lên 158,5 tỷ đồng, phản ánh chiến lược nắm giữ ổn định vào các công ty con/liên kết.

Hợp nhất: Tổng tài sản tăng từ 1.109,4 tỷ đồng lên 1.285,6 tỷ đồng (+15,9%), cơ cấu sử dụng vốn thể hiện:

- Tiền và tương đương tiền tăng từ 28,2 tỷ đồng lên 66,7 tỷ đồng (+136%).
- Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng từ 24 tỷ đồng lên 163 tỷ đồng, cho thấy Công ty hợp nhất cũng đồng nhất với Công ty mẹ trong chính sách đầu tư vốn ngắn hạn.
- Hàng tồn kho tăng từ 456,6 tỷ đồng lên 478,4 tỷ đồng (+4,8%), tiếp tục là khoản mục trọng yếu chiếm khoảng 37% tổng tài sản hợp nhất.
- Tài sản cố định giảm từ 272,6 tỷ đồng xuống 255,4 tỷ đồng, do ảnh hưởng của khấu hao.

Đánh giá chung

- Quy mô vốn: Cả Công ty mẹ và hợp nhất đều ghi nhận mức tăng trưởng trên 90% về tổng vốn kinh doanh trong giai đoạn 2023 – 2024, chủ yếu nhờ đòn bẩy tài chính từ nợ ngắn hạn.

- Cơ cấu vốn: Xu hướng phụ thuộc nhiều hơn vào nợ vay ngắn hạn có thể tạo áp lực thanh toán trong ngắn hạn, song phù hợp với đặc thù ngành lương thực có chu kỳ quay vòng vốn nhanh.
- Sử dụng vốn: Tài sản chủ yếu tập trung vào hàng tồn kho, các khoản phải thu và đầu tư tài chính ngắn hạn, phản ánh định hướng ưu tiên vốn lưu động, đồng thời duy trì đầu tư dài hạn ổn định vào các đơn vị thành viên.
- Thanh khoản: Việc gia tăng tiền và tương đương tiền cùng đầu tư tài chính ngắn hạn cho thấy Công ty duy trì chính sách quản lý vốn thận trọng, đảm bảo tính thanh khoản trong bối cảnh mở rộng quy mô kinh doanh.

2.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

a) Tài sản cố định hữu hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị. phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị. phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ khỏi nguyên giá TSCĐ hữu hình.
- Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.
- Phương pháp khấu hao: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.
- Thời gian trích khấu hao được ước tính như sau:

Bảng 22. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 28 năm
Máy móc. thiết bị	04 - 14 năm
Phương tiện vận tải. truyền dẫn	04 – 11 năm
Thiết bị. dụng cụ quản lý	05 – 08 năm

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 được kiểm toán của AAN)

b) Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

- Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí

liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất. kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

- Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý. nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi. lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.
- Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:
  + Quyền sử dụng đất: Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sang để sử dụng.
  + Chương trình phần mềm: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

c) Những thay đổi trong chính sách khấu hao

- Không có

d) Tuân thủ theo chế độ quy định

Công ty luôn tuân thủ chế độ khấu hao tài sản cố định theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC và các thông tư sửa đổi thông tư 45/2013/TT-BTC (thông tư 147/2016/TT-BTC, Thông tư 28/2017/TT-BTC, Thông tư 30/2025/TT-BTC), cụ thể:

- Áp dụng các nguyên tắc cơ bản khi tuân thủ chế độ khấu hao
- Lựa chọn phương pháp khấu hao: đường thẳng, số dư giảm dần, hoặc theo sản phẩm
- Thông báo cho cơ quan thuế về phương pháp đã chọn: thông báo phương pháp trích khấu hao đã chọn cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý trước khi bắt đầu áp dụng
- Thực hiện nhất quán: Phương pháp khấu hao đã chọn cho mỗi tài sản cố định phải được thực hiện nhất quán trong suốt quá trình sử dụng tài sản. Chỉ được phép thay đổi phương pháp trích khấu hao 01 lần cho mỗi tài sản và phải giải trình rõ lý do cho cơ quan thuế.

2.1.3 Mức lương bình quân

Bảng 23. Mức lương bình quân của người lao động công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
Mức lương bình quân	Đồng/người/tháng	12.100.000	12.500.000

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, thu nhập bình quân của người lao động trong ngành nông nghiệp năm 2023 dao động từ 6,5 đến 7 triệu đồng/tháng, tăng 5–10% so với năm 2022.

Theo Tổng cục Thống kê, thu nhập bình quân tháng của người lao động trên toàn quốc năm 2024 đạt 7,7 triệu đồng, tăng 8,6% so với năm 2023.

Như vậy, so với thu nhập bình quân của người lao động trên cùng ngành mức lương bình quân của người lao động trong Công ty được đánh giá là tốt so với thu nhập bình quân khu vực Nông nghiệp và bình quân cả nước..

2.1.4 Tình hình công nợ

Tình hình công nợ của Công ty như sau:

Bảng 24. Tổng hợp tình hình công nợ – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	**Phải thu**	**241.001**	**265.759**	**278.304**
1	Các khoản phải thu ngắn hạn	241.001	265.759	278.283
2	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	21
II	**Phải trả**	**575.189**	**810.734**	**654.746**
1	Nợ ngắn hạn	575.188	810.734	654.746
2	Nợ dài hạn	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét năm 2025 của AAN)

Bảng 25. Tổng hợp tình hình công nợ – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	**Nợ phải thu**	**311.821**	**296.323**	**302.443**
1	Các khoản phải thu ngắn hạn	311.821	296.323	302.422
2	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	21
II	**Nợ phải trả**	**698.398**	**846.532**	**688.638**
1	Nợ ngắn hạn	696.398	846.532	688.638
2	Nợ dài hạn	2.000	-	-

(Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC HN soát xét năm 2025 của AAN)

a) Các khoản phải thu

Bảng 26. Các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**241.001**	**265.759**	**278.283**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	205.579	234.213	237.386
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	34.987	9.294	16.690
3	Phải thu ngắn hạn khác	245	22.062	24.206
4	Tài sản thiếu chờ xử lý	190	190	-
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**-**	**-**	**21**
1	Phải thu dài hạn khác			21
	Tổng cộng	**241.000**	**265.759**	**278.304**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét năm 2025 của AAN)

Bảng 27. Các khoản phải thu Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**311.821**	**296.323**	**302.422**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	276.268	264.659	261.181
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	35.118	9.356	16.751
3	Phải thu ngắn hạn khác (*)	245	22.118	24.491
4	Tài sản thiếu chờ xử lý	190	190	-
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**-**	**-**	**21**
1	Phải thu dài hạn khác			21
	Tổng cộng	**311.821**	**296.323**	**302.443**

(Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC HN soát xét năm 2025 của AAN)

Trong giai đoạn 2023 – 6 tháng đầu năm 2025, tổng giá trị các khoản phải thu hợp nhất của Công ty Cổ phần Lương thực A An có xu hướng biến động giảm. Cụ thể:

- Năm 2023 đạt 311,82 tỷ đồng;
- Năm 2024 giảm xuống còn 296,32 tỷ đồng (tương ứng giảm 5,0% so với năm trước);
- Đến ngày 30/06/2025 đạt 302,44 tỷ đồng, tăng nhẹ 2,1% so với cuối năm 2024.

Diễn biến này cho thấy Công ty duy trì công tác quản trị công nợ ổn định, hạn chế tình trạng phát sinh các khoản phải thu tăng trưởng đột biến so với doanh thu.

– Phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ phải thu, lần lượt là 276,27 tỷ đồng (2023), 264,66 tỷ đồng (2024) và 261,18 tỷ đồng (6T/2025). Đây là các khoản công nợ phát sinh chủ yếu từ hoạt động bán gạo thương mại cho các khách hàng lớn và uy tín như: Công ty CP Gentraco, Công ty CP Lương thực An Thuận Hòa, Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh, Công ty CP Thế Giới Di Động, Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam.

– Trả trước cho người bán ngắn hạn biến động từ 35,12 tỷ đồng (2023) giảm còn 9,36 tỷ đồng (2024), sau đó tăng lên 16,75 tỷ đồng (6T/2025), phản ánh nhu cầu tạm ứng cho nhà cung cấp nguyên liệu trong nước phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh.

– Phải thu ngắn hạn khác tăng mạnh từ 245 triệu đồng (2023) lên 22,12 tỷ đồng (2024) và đạt 24,49 tỷ đồng (6T/2025). Trong đó, đáng chú ý là khoản đặt cọc 20 tỷ đồng để thuê mặt bằng và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP CBOT Việt Nam.

– Tài sản thiếu chờ xử lý (190 triệu đồng) đã được xử lý hết vào năm 2025.

– Ngoài ra, Công ty ghi nhận phải thu dài hạn khác 21 triệu đồng tại 30/06/2025, không đáng kể trong cơ cấu tài sản.

Chất lượng công nợ: Theo báo cáo tài chính kiểm toán 2023, 2024 và soát xét bán niên 2025, các khoản công nợ phải thu đều nằm trong hạn thanh toán, không phát sinh tình trạng nợ quá hạn đáng kể. Trong năm 2024 – 2025, Công ty đã xử lý xóa nợ khó đòi trị giá 230 triệu đồng, đảm bảo phản ánh đúng thực trạng tài chính và giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn.

Đánh giá và rủi ro: Nhìn chung, tình hình công nợ phải thu của A An được quản trị chặt chẽ và có tính thanh khoản cao.

– Tích cực: Công ty duy trì khách hàng thương mại lớn, uy tín, đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn; tỷ lệ nợ phải thu/ doanh thu ở mức hợp lý, không gây áp lực lên dòng tiền.

– Rủi ro tiềm ẩn: Các khoản phải thu ngắn hạn khác có xu hướng tăng nhanh, chủ yếu liên quan đến đặt cọc dài hạn, tiềm ẩn rủi ro chuyển đổi thành tiền chậm hơn so với phải thu thương mại.

Tác động đến tình hình tài chính: Công tác quản lý công nợ phải thu hiệu quả giúp Công ty cải thiện dòng tiền kinh doanh, giảm áp lực vay ngắn hạn và củng cố tính ổn định tài chính. Đây là yếu tố tích cực hỗ trợ kế hoạch mở rộng kinh doanh, niêm yết cổ phiếu trong thời gian tới..

b) Các khoản phải trả

Số dư các khoản phải trả của Công ty như sau:

Bảng 28. Các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	**Nợ ngắn hạn**	**575.189**	**810.734**	**654.746**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	396.528	39.899	52.851
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.910	20.627	2.313
3	Thuế và các khoản khác phải nộp NN	5.034	2.484	3.365
4	Phải trả người lao động	3.105	2.730	2.433
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	651	4.697	2.460
6	Phải trả ngắn hạn khác	20	145	559
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	149.942	740.152	590.764
II	**Nợ dài hạn**	**0**	**0**	**0**
1	Phải trả người bán dài hạn	0	0	0
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0	0
	Tổng Nợ phải trả	**575.189**	**810.734**	**654.746**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét năm 2025 của AAN)

Bảng 29. Các khoản phải trả Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	**Nợ ngắn hạn**	**696.398**	**846.532**	**688.638**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	464.389	75.193	84.903
2	Người mua trả tiền trước hạn	20.055	20.711	3.477
3	Thuế và các khoản khác phải nộp NN	5.205	2.498	3.441
4	Phải trả người lao động	3.262	2.958	2.692
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	962	4.841	2.743
6	Phải trả ngắn hạn khác	54	180	618
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	202.473	740.152	590.764
II	**Nợ dài hạn**	**2.000**	**0**	**0**
1	Phải trả người bán dài hạn	0	0	0

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.000	0	0
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0	0
	Tổng Nợ phải trả	**698.398**	**848.532**	**688.638**

(Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC HN soát xét 2025 của AAN)

Theo Báo cáo tài chính riêng

– Tổng nợ phải trả: Tại ngày 31/12/2023, tổng nợ phải trả đạt 575,2 tỷ đồng; đến cuối năm 2024 tăng lên 810,7 tỷ đồng (tăng 41% so với đầu kỳ). Sang 30/06/2025, tổng nợ phải trả giảm còn 654,7 tỷ đồng, cho thấy Công ty đã từng bước giảm áp lực tài chính trong 6 tháng đầu năm 2025.

– Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: Đây là yếu tố chi phối cơ cấu nợ, tăng đột biến từ 149,9 tỷ đồng (2023) lên 740,2 tỷ đồng (2024), sau đó giảm về 590,8 tỷ đồng (30/06/2025). Diễn biến này phản ánh chiến lược vay vốn ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất – kinh doanh, đồng thời Công ty đã chủ động cơ cấu và thanh toán bớt nợ vay trong nửa đầu năm 2025.

– Phải trả người bán ngắn hạn: Giảm mạnh từ 396,5 tỷ đồng (2023) xuống còn 39,9 tỷ đồng (2024) và nhích nhẹ lên 52,9 tỷ đồng (30/06/2025). Xu hướng này cho thấy Công ty đã tập trung giải quyết nghĩa vụ với nhà cung cấp, giảm phụ thuộc vào tín dụng thương mại.

– Các khoản phải trả khác (người lao động, thuế, chi phí phải trả): duy trì quy mô nhỏ, ít biến động, phản ánh tính ổn định trong nghĩa vụ thường xuyên.

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất

– Tổng nợ phải trả: Tăng từ 696,4 tỷ đồng (31/12/2023) lên 848,5 tỷ đồng (31/12/2024). Đến ngày 30/06/2025, tổng nợ phải trả giảm còn 688,6 tỷ đồng, tương đồng với xu hướng của công ty mẹ.

– Cơ cấu nợ: Chủ yếu vẫn là nợ ngắn hạn, trong đó vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm phần lớn (từ 202,5 tỷ đồng năm 2023 lên 740,2 tỷ đồng năm 2024, và còn 590,8 tỷ đồng tại 30/06/2025).

– Nợ dài hạn: Phát sinh 2,0 tỷ đồng tại cuối năm 2023, sau đó không còn ghi nhận ở năm 2024 và 6 tháng đầu 2025. Mặc dù giá trị không đáng kể, song điều này cho thấy Công ty đã từng có động thái tiếp cận nguồn vốn trung dài hạn.

Đánh giá chung

– Gia tăng vay ngắn hạn: Giai đoạn 2023 – 2024 ghi nhận sự bùng nổ vay ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động, qua đó hỗ trợ tăng trưởng quy mô doanh thu.

– Điều chỉnh giảm nợ trong 6 tháng 2025: Cả công ty mẹ và hợp nhất đều cho thấy xu hướng

giảm nợ trong nửa đầu năm 2025, thể hiện sự chủ động kiểm soát đòn bẩy tài chính, giảm áp lực thanh toán ngắn hạn.

– Rủi ro tiềm ẩn: Tỷ trọng nợ ngắn hạn vẫn ở mức cao, đồng nghĩa với áp lực quản trị dòng tiền. Do vậy, Công ty cần tiếp tục đa dạng hóa kênh huy động, ưu tiên vốn trung và dài hạn nhằm cải thiện cân đối tài chính.

– Định hướng: Trong thời gian tới, A An hướng tới cơ cấu lại danh mục nợ, giảm dần phụ thuộc vào vốn vay ngắn hạn, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay, từ đó củng cố khả năng thanh toán và tăng tính bền vững trong tài chính.

c) Tình hình thanh toán các khoản nợ

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023, báo cáo tài chính năm 2024, báo cáo tài chính soát xét 2025 và cho đến thời điểm hiện tại, Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ.

d) Việc vi phạm các điều khoản khác

Công ty không vi phạm bất kỳ các điều khoản trong các hợp đồng đã ký kết với khách hàng đối tác nào trong quá trình hoạt động.

2.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành.

- Đối với thuế giá trị gia tăng, Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình như sau:

Mặt hàng	Thuế suất thuế GTGT
Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chưa qua chế biến hoặc sơ chế bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại	Không chịu thuế
Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chưa qua chế biến hoặc sơ chế bán cho hộ, cá nhân kinh doanh và các cá nhân, tổ chức khác và dịch vụ gia công xay xát lúa	5%
Hàng hóa, dịch vụ khác	8%,10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty Cổ phần Lương thực A An có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Số dư các khoản thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước như sau:

Bảng 30. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Công ty mẹ năm 2024

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		Phát sinh trong năm 2024		31/12/2024	
	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.943	0	7.946	(11.207)	1.681	0
Thuế thu nhập cá nhân	91	0	287	(330)	49	0
Thuế, phí và các khoản phải nộp khác	0	0	970	(215)	755	0
Tổng	**5.034**	**0**	**9.203**	**(11.753)**	**2.484**	**0**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 của AAN)

Bảng 31. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Công ty 6 tháng 2025

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		Phát sinh trong 6 tháng 2025		30/06/2025	
	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.681	0	4.063	(2.389)	3.356	0
Thuế thu nhập cá nhân	49	0	307	(347)	9	0
Thuế, phí và các khoản phải nộp khác	755	0	150	(905)	0	0
Tổng	**2.484**	**0**	**4.521**	**(3.641)**	**3.365**	**0**

(Nguồn: BCTC riêng soát xét năm 2025 của AAN)

Bảng 32. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất năm 2024

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		Phát sinh trong năm 2024		31/12/2024	
	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.112	0	8.143	(11.562)	1.693	0
Thuế thu nhập cá nhân	93	0	292	(335)	50	0
Thuế, phí và các khoản phải nộp khác		0	973	(218)	755	0
Tổng	**5.205**	**0**	**9.408**	**(12.115)**	**2.498**	**0**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 của AAN)

Bảng 33. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất 6 tháng 2025

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		Phát sinh trong 6 tháng 2025		30/06/2025	
	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.693	0	4.125	(2.389)	3.429	0
Thuế thu nhập cá nhân	50	0	313	(352)	11	0
Thuế, phí và các khoản phải nộp khác	755	0	155	(910)	0	0
Tổng	**2.498**	**0**	**4.594**	**(3.651)**	**3.441**	**0**

(Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét năm 2025 của AAN)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật.

2.1.6 Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và quy định pháp luật. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Số dư các quỹ được trích lập giai đoạn 2023 - 6 tháng 2025 như sau:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
2	Quỹ bình ổn giá	-	-	-
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-
4	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
5	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-

2.1.7 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành

kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

Ảnh hưởng bởi tình hình địa chính trị thế giới: Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine vẫn chưa có hồi kết tính đến năm 2025, trong khi căng thẳng mới tại Trung Đông (Israel – Hamas, Iran) khiến giá dầu và năng lượng leo thang trở lại trong quý I/2024. Điều này làm tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào, vận chuyển và năng lượng, tạo áp lực lên biên lợi nhuận gộp và dòng tiền hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, xung đột địa chính trị khiến chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục đứt gãy cục bộ và làm gia tăng rủi ro cho các kế hoạch nhập khẩu nguyên vật liệu.

Ảnh hưởng bởi lãi suất và chính sách tiền tệ: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng trong năm 2024 nhằm hỗ trợ phục hồi tăng trưởng. Lãi suất huy động phổ biến kỳ hạn 6–12 tháng dao động từ 4,5 – 6,0%/năm. Điều này giúp giảm chi phí tài chính, đặc biệt với các doanh nghiệp có đòn bẩy cao. Tuy nhiên, rủi ro vẫn tồn tại nếu đồng USD mạnh lên hoặc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) giữ lãi suất cao lâu hơn kỳ vọng, có thể gây áp lực tỷ giá và dòng vốn rút ra khỏi các thị trường mới nổi, bao gồm Việt Nam.

Rủi ro từ biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan: Công ty A An hoạt động trong ngành gắn chặt với yếu tố thời tiết và mùa vụ. Sự xuất hiện của El Niño trong năm 2024 đã làm giảm năng suất lúa, gây gián đoạn nguồn cung nguyên liệu đầu vào, đồng thời tạo rủi ro cho kế hoạch tồn trữ và sản xuất của công ty. Ngoài ra, tình trạng ngập mặn, xâm nhập mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long có thể làm suy giảm chất lượng hạt gạo, ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 34. Các **chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn *Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn*	Lần	1,16	1,14
- Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	Lần	0,51	0,61
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,59	0,65
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,43	1,89
3. Năng lực hoạt động			

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
- Vòng quay tổng tài sản: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân*	Vòng	2,01	1,99
- Vòng quay vốn lưu động: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân*	Vòng	3,16	2,77
- Vòng quay hàng tồn kho *Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân*	Vòng	5,81	5,17
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): *Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần*	%	2,22%	1,23%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): *Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân*	%	4,47%	2,45%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): *Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân*	%	8,46%	6,54%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/ CP	839	776

Nguồn: Tính toán từ BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 của AAN

Bảng 35. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn *Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn*	Lần	1,19	1,20

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
- Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	Lần	0,53	0,64
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,63	0,66
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,70	1,93
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân*	Vòng	1,74	2,04
- Vòng quay vốn lưu động: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân*	Vòng	2,30	2,64
- Vòng quay hàng tồn kho *Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân*	Vòng	5,59	4,95
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): *Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần*	%	1,97%	1,15%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): *Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân*	%	3,42%	2,34%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): *Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân*	%	8,48%	6,58%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/	862	799

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
	CP		

Nguồn: Tính toán từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 của AAN

a. Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn: Ở công ty mẹ, hệ số giảm nhẹ từ 1,16 lần năm 2023 xuống 1,14 lần năm 2024; trong khi ở báo cáo hợp nhất lại tăng nhẹ từ 1,19 lần lên 1,20 lần. Điều này cho thấy tại cấp độ hợp nhất, Công ty vẫn duy trì được mức đảm bảo vốn lưu động để thanh toán nợ ngắn hạn, trong khi ở công ty mẹ mức độ an toàn có phần giảm. Tuy nhiên, cả hai đều lớn hơn 1, phản ánh khả năng chi trả nghĩa vụ ngắn hạn tương đối ổn.

Hệ số thanh toán nhanh: Cải thiện rõ rệt ở cả công ty mẹ (tăng từ 0,51 lên 0,61 lần) và hợp nhất (tăng từ 0,53 lên 0,64 lần). Đây là tín hiệu tích cực, cho thấy Công ty đã cải thiện chất lượng tài sản ngắn hạn, giảm dần sự phụ thuộc vào hàng tồn kho để đáp ứng nghĩa vụ thanh toán.

Đánh giá: Nhìn chung, khả năng thanh toán của AAN duy trì ở mức chấp nhận được, có cải thiện về chất lượng vốn lưu động, nhưng vẫn phụ thuộc nhiều vào vòng quay hàng tồn kho. Công ty cần tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chu kỳ vốn lưu động nhằm đảm bảo an toàn thanh khoản trong bối cảnh nhu cầu vốn ngắn hạn lớn.

b. Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/Tổng tài sản: Tại công ty mẹ tăng từ 0,59 lên 0,65; tại hợp nhất tăng từ 0,63 lên 0,66. Xu hướng chung là mức độ sử dụng nợ trong cơ cấu nguồn vốn tăng lên.

Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu: Tăng khá mạnh, từ 1,43 lên 1,89 lần ở công ty mẹ và từ 1,70 lên 1,93 lần ở hợp nhất. Đây là mức cao so với trung bình ngành, phản ánh rủi ro tài chính gia tăng do phụ thuộc lớn vào nguồn vốn vay.

Đánh giá: Việc gia tăng đòn bẩy tài chính cho thấy Công ty đang tận dụng vốn vay để mở rộng quy mô kinh doanh, đặc biệt là tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động và các dự án đầu tư. Tuy nhiên, hệ số nợ cao cũng đồng nghĩa áp lực trả lãi vay tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng sinh lời. Việc thực hiện tăng vốn chủ sở hữu thông qua đợt chào bán cổ phiếu sắp tới được kỳ vọng sẽ cải thiện rõ rệt cơ cấu vốn, giảm rủi ro tài chính.

c. Năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản: Ở công ty mẹ giảm nhẹ (từ 2,01 vòng xuống 1,99 vòng), trong khi ở hợp nhất lại cải thiện (từ 1,74 vòng lên 2,04 vòng). Điều này phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản ở cấp hợp nhất tốt hơn, nhờ đóng góp tích cực của các công ty con, trong khi công ty mẹ chưa cải thiện đáng kể.

Vòng quay vốn lưu động: Cả công ty mẹ và hợp nhất đều giảm (từ 3,16 xuống 2,77 vòng ở công ty mẹ, và từ 2,30 lên 2,64 vòng ở hợp nhất). Điều này cho thấy công ty mẹ đang sử dụng

vốn lưu động kém hiệu quả hơn, trong khi hợp nhất lại có cải thiện.

Vòng quay hàng tồn kho: Giảm ở cả công ty mẹ (từ 5,81 xuống 5,17 vòng) và hợp nhất (từ 5,59 xuống 4,95 vòng). Xu hướng giảm cho thấy hàng tồn kho lưu giữ lâu hơn, tốc độ quay vòng vốn chậm lại, gây áp lực lên dòng tiền hoạt động.

Đánh giá: Năng lực hoạt động có sự phân hóa: ở công ty mẹ, hiệu quả sử dụng tài sản và vốn lưu động giảm, trong khi hợp nhất có cải thiện về hiệu quả tổng tài sản. Tuy nhiên, vòng quay hàng tồn kho chậm lại ở cả hai cấp độ, phản ánh thách thức trong quản trị hàng tồn kho và nhu cầu vốn lưu động lớn.

d. Khả năng sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Giảm mạnh, từ 2,22% xuống 1,23% ở công ty mẹ và từ 1,97% xuống 1,15% ở hợp nhất. Điều này cho thấy biên lợi nhuận bị thu hẹp do chi phí tài chính, chi phí bán hàng và quản lý gia tăng.

ROA (tỷ suất sinh lời trên tài sản): Giảm đáng kể, từ 4,47% xuống 2,45% ở công ty mẹ và từ 3,42% xuống 2,34% ở hợp nhất. Đây là dấu hiệu rõ ràng cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản toàn Công ty giảm sút.

ROE (tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu): Giảm từ 8,46% xuống 6,54% ở công ty mẹ và từ 8,48% xuống 6,58% ở hợp nhất. Tuy vẫn duy trì ở mức khá, nhưng xu hướng giảm phản ánh tác động kép từ lợi nhuận sụt giảm và áp lực vốn vay gia tăng.

EPS (thu nhập trên mỗi cổ phần): Giảm từ 839 đồng xuống 776 đồng ở công ty mẹ và từ 862 đồng xuống 799 đồng ở hợp nhất. Xu hướng giảm EPS cho thấy lợi nhuận ròng phân bổ cho mỗi cổ phiếu thấp hơn, có thể ảnh hưởng đến sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư trước đợt chào bán.

Đánh giá: Khả năng sinh lời của Công ty có dấu hiệu suy giảm trong năm 2024, chủ yếu do chi phí tài chính tăng và hiệu quả quản trị chi phí chưa được cải thiện tương xứng với quy mô doanh thu. Điều này cho thấy nhu cầu cấp thiết phải cơ cấu lại nguồn vốn, giảm gánh nặng lãi vay và tăng cường quản trị chi phí để bảo đảm tính bền vững của lợi nhuận.

e. Tổng hợp đánh giá

Khả năng thanh toán được duy trì ở mức an toàn, có cải thiện về chất lượng vốn lưu động.

Cơ cấu vốn chịu áp lực lớn từ nợ vay, đặc biệt là nợ ngắn hạn, khiến hệ số đòn bẩy tài chính tăng cao.

Hiệu quả hoạt động có sự cải thiện ở hợp nhất nhưng chưa đồng đều, vòng quay hàng tồn kho giảm cho thấy cần nâng cao hiệu quả quản trị hàng hóa.

Khả năng sinh lời sụt giảm rõ rệt, phản ánh thách thức trong việc duy trì biên lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn.

Kết luận: AAN hiện ở trong giai đoạn tăng trưởng mở rộng, sử dụng nhiều vốn vay để tài trợ cho nhu cầu hoạt động. Điều này tạo ra áp lực lên khả năng sinh lời trong ngắn hạn, nhưng nếu đợt chào bán cổ phiếu thành công và nguồn vốn huy động được sử dụng đúng kế hoạch, Công ty

sẽ cải thiện đáng kể cơ cấu vốn, giảm chi phí tài chính, từ đó phục hồi khả năng sinh lời và nâng cao giá trị doanh nghiệp trong dài hạn.

f. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1 Đối với báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2023

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2023: Theo Báo cáo kiểm toán số: 0307.03.03/2023/BCTC-NTV2. ngày 28/03/2024 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt cho Báo cáo tài chính riêng năm 2023 của Công ty. Kiểm toán viên có ý kiến như sau: "*Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực A An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.*"

3.2 Đối với báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023: Theo Báo cáo kiểm toán số: 0307.03.04/2023/BCTC-NTV2 ngày 28/03/2024 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt cho Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty. Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *"Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực A An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng."*

3.3 Đối với báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2024

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2024: Theo Báo cáo kiểm toán số: 1911.01.01/2024/BCTC – NVT2 ngày 25/03/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt cho Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty. Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *"Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực A An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng*

3.4 Đối với báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024: Theo Báo cáo kiểm toán số: 1911.01.02/2024/BCTC – NVT2 ngày 25/03/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt cho Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty. Kiểm toán viên có ý kiến

như sau: *"Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực A An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất".*

3.5 Đối với báo cáo tài chính riêng soát xét năm 2025

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2025: Theo Báo cáo kiểm toán số: 1407.02.01/2025/BCTC-NTV2 ngày 25/08/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt cho Báo cáo tài chính riêng soát xét năm 2025 của Công ty. Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực A An tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ"*

3.6 Đối với báo cáo tài chính hợp nhất soát xét năm 2025

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025: Theo Báo cáo kiểm toán số: 1407.02.02/2025/BCTC-NTV2 ngày 25/08/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt cho Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét năm 2025 của Công ty. Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực A An tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ".*

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025

Bảng 36. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch Năm 2025	% tăng giảm
Doanh thu thuần	2.444	3.200	30,93%
Lợi nhuận sau thuế	27	35	29,63%

Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,10%	1,09%	-1,00%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,15%	7,38%	20,06%
Tỷ lệ cổ tức	0	0	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của AAN)

4.2 Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2025/NQĐHĐCĐ-AAN ngày 20/06/2025.

4.3 Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Trong bối cảnh ngành hàng nông sản Việt Nam đang từng bước chuyển dịch từ tăng trưởng sản lượng sang nâng cao giá trị và chất lượng, CTCP Lương thực A An xác định năm 2025 là giai đoạn tăng tốc chuyển đổi – hướng tới mô hình kinh doanh tinh gọn, hiệu quả và bền vững. Trọng tâm là nâng cao năng lực cạnh tranh chuỗi giá trị gạo Việt, mở rộng thị trường quốc tế và tạo dựng nền tảng tăng trưởng dài hạn cho cổ đông.

a. Phát triển vùng nguyên liệu chiến lược – Khép kín chuỗi cung ứng

A An tiếp tục mở rộng và chuẩn hóa vùng nguyên liệu thông qua mô hình liên kết ba bên "Doanh nghiệp – HTX – Nông dân" tại các tỉnh trọng điểm của Đồng bằng sông Cửu Long. Mục tiêu là xây dựng hệ sinh thái sản xuất bền vững với quy mô trên 20.000 ha tại các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Kiên Giang, đảm bảo tiêu chuẩn canh tác (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ) và khả năng truy xuất nguồn gốc đầy đủ.

Mô hình bao tiêu lúa trên cánh đồng mẫu lớn sẽ được triển khai đồng bộ, kết hợp cung ứng giống, kỹ thuật và đầu tư đầu vào nhằm kiểm soát chất lượng ngay từ khâu sản xuất. Các giống lúa giá trị cao như ST21, ST24, ST25, Japonica sẽ tiếp tục là trụ cột để chinh phục phân khúc cao cấp trong nước và quốc tế.

b. Tái định vị sản phẩm và thương hiệu – Tối ưu hóa biên lợi nhuận

Trong năm 2025, A An sẽ tập trung nguồn lực phát triển nhóm sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao, cụ thể:

- **Gạo hữu cơ cao cấp**,
  + ST25 Plus – dòng sản phẩm cải tiến với hàm lượng dinh dưỡng vượt trội,
  + Japonica Premium – hướng đến thị trường Nhật, Hàn và các cộng đồng người châu Á tại châu Âu.
- **Chiến lược bao gồm:**
  + Đầu tư chiều sâu vào bao bì, nhận diện thương hiệu, nâng cao trải nghiệm người tiêu dùng.
  + Tăng độ phủ sản phẩm tại kênh hiện đại: chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện lợi, thương mại điện tử.

+ Thay đổi thói quen tiêu dùng gạo truyền thống bằng việc giới thiệu sản phẩm đóng túi có thương hiệu, rõ ràng về nguồn gốc, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

Mục tiêu: tỷ trọng doanh thu từ gạo cao cấp đóng túi chiếm trên 60% tổng doanh thu nội địa vào cuối năm 2025.

c. Tăng cường năng lực xuất khẩu – Mở rộng thị trường chiến lược

A An xác định xuất khẩu là mũi nhọn tăng trưởng dài hạn, tập trung vào ba hướng chính:

- Củng cố năng lực pháp lý: hoàn thiện việc xin cấp và gia hạn "Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu gạo" cho toàn bộ các đơn vị thành viên, đảm bảo năng lực xuất khẩu chủ động và tuân thủ quy định pháp luật.
- Chuyển từ ủy thác sang xuất khẩu trực tiếp: thông qua xây dựng đội ngũ chuyên môn cao về pháp lý, logistics và thị trường quốc tế; từ đó nâng cao tỷ suất lợi nhuận và kiểm soát tốt hơn chuỗi giá trị.
- Mở rộng thị trường trọng điểm:
  + Châu Âu (Đức, Hà Lan, Pháp) thông qua EVFTA;
  + Nhật Bản – Hàn Quốc thông qua hình thức ủy thác xuất khẩu;
  + Trung Đông và châu Phi cho sản phẩm đóng bao lớn phục vụ phân khúc trung bình – cao cấp.

d. Tối ưu chi phí – Nâng cao hiệu quả sản xuất

A An triển khai các giải pháp toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực:

- Rà soát và tái cấu trúc chi phí đầu vào, thực hiện đàm phán dài hạn với các nhà cung cấp chiến lược.
- Tự động hóa và số hóa quy trình sản xuất, giảm tổn thất, nâng cao tỷ lệ thu hồi thành phẩm, tối ưu hóa hiệu suất vận hành.
- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ theo thời gian thực, giúp ban điều hành ra quyết định chính xác, kịp thời và hiệu quả.
- Chỉ tiêu cụ thể:
  + Tỷ lệ thu hồi thành phẩm ≥ 68%;
  + Tỷ lệ hao hụt sản xuất ≤ 2%;
  + Giảm chi phí sản xuất bình quân trên mỗi tấn gạo ≥ 5%.

e. Tái đầu tư

Trong năm 2025, Công ty chủ trương không chia cổ tức tiền mặt, thay vào đó tái đầu tư toàn bộ lợi nhuận giữ lại nhằm:

- Mở rộng vùng nguyên liệu chất lượng cao;
- Đầu tư nâng cấp hệ thống sản xuất, kho vận;
- Tăng cường vốn lưu động phục vụ sản xuất – xuất khẩu;

- Đẩy mạnh hoạt động xây dựng thương hiệu và kênh phân phối.

Đây là bước đi chiến lược nhằm đảm bảo năng lực tài chính vững chắc, tạo đòn bẩy cho giai đoạn tăng trưởng nhanh và bền vững trong trung hạn.

Cam kết từ Ban điều hành: Với định hướng chiến lược rõ ràng, năng lực thực thi đã được chứng minh, cùng sự đồng hành của các đối tác và cổ đông, CTCP Lương thực A An cam kết hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2025, từng bước hiện thực hóa tầm nhìn trở thành thương hiệu gạo dẫn đầu tại Việt Nam và vươn tầm quốc tế..

4.4 Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Dưới góc độ của Tổ chức Tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán APG đã xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Lương thực A An do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Công ty cổ phần Lương thực A An đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán APG và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán APG nhận thấy AAN có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và tâm huyết đối với Công ty. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của AAN trong những năm qua tương đối tốt, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của Ngành và các chính sách của Nhà nước.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của AAN phụ thuộc vào tình hình biến động của thị trường và thói quen sinh hoạt của người dân. Tuy nhiên chúng tôi đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức Công ty đưa ra có thể thực hiện được nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là sát với thực tế và không có những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cổ phần Lương thực A An cung cấp. Thông tin thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính - chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 "Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ

thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông". Công ty Cổ phần Lương thực A An hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày: 12/02/2015 theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 0109510866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/01/2021 do vậy toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm đăng ký lần đầu ngày 27/01/2021 đã hết hạn bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày 27/01/2024.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Danh sách cổ đông lớn

Bảng 37. Danh sách cổ đông lớn là tổ chức của AAN

STT	Cổ đông	Năm thành lập	ĐKKD	Quốc tịch	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo UQ tại TCPH
1	Công ty cổ phần Siba Holdings	2021	Số 0109778609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/10/2021	Việt Nam	Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	2.139 tỷ đồng	Trương Sỹ Bá - Chủ tịch HĐQT	Nguyễn Thị Thanh Vân – Tổng Giám đốc

2.2. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan tại thời điểm hiện tại và sau đợt chào bán được thể hiện như sau:

Tên	Số lượng và tỷ lệ nắm giữ cổ phần			Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết		
	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	Tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất	Dự kiến sau đợt chào bán	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	Tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất	Dự kiến sau đợt chào bán
Công ty Cổ phần Siba Holdings	**18.250.000 (52,14%)**	**18.250.000 (52,14%)**	**33.892.857 (52,14%)**	**18.250.000 (52,14%)**	**18.250.000 (52,14%)**	**33.892.857 (52,14%)**
Người có liên quan của Công ty Cổ phần Siba Holdings						
Nguyễn Thị Thanh Vân	150.000 (0.43%)	150.000 (0.43%)	278.571 (0.43%)	150.000 (0.43%)	150.000 (0.43%)	278.571 (0.43%)

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan: Không có

<Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống>

2.3. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ

Không có.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Bảng 38. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Lưu Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Ông Trương Mạnh Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4	Ông Trương Đức Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Đoàn Nhật Tân	Thành viên HĐQT độc lập

3.1.1 Thông tin Bà Nguyễn Thị Thanh Vân – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Vân
- Năm sinh: 1982
- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004-2005	Công ty TNHH Taisun Việt Nam	Quản lý Bán hàng
2006 – 2012	Công ty Cổ phần tập đoàn Tân Long	Trưởng phòng XNK
2012 - nay	Công ty Cổ phần tập đoàn Tân Long	Phó tổng Giám đốc
08/2025 – nay	Công ty cổ phầ Siba Holdings	Tổng Giám đốc
2025 – nay	Công ty cổ phần Lương thực A An	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Chủ tịch HĐQT	24/03/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần tập đoàn Tân Long
- Sở hữu chứng khoán tại AAN:

+ Sở hữu cá nhân: 150.000 cổ phần tương ứng với 0.43% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện: 18.250.000 cổ phần tương ứng với 52,14 % vốn điều lệ

+ Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN:

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số CCCD/DKKD	Số cổ phần
1	CTCP Siba Holdings	Tổ chức có liên quan	0109778609	18.250.000

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có

+ Thù lao tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng 2025
Thù lao (đồng)	0	0	0
Lương (đồng)	0	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: không có

3.1.2 Thông tin Bà Lưu Thị Hồng Yến – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Lưu Thị Hồng Yến
- Năm sinh: 1977

- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004-2007	Công ty TNHH Cơ khí may Hoàng Hà	Kế toán trưởng
2007-2010	Công ty TNHH Sơn Mài Mới	Kế toán trưởng
2010-2014	Công ty cổ phần Tập đoàn Quang Minh	Kế toán trưởng
2014-2017	Tập đoàn Vingroup (Công ty TNHH Vincom Office, Bệnh viên Vinmec)	Kế toán trưởng
2017 - nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Long	Phó Tổng Giám đốc
03/2025 – nay	Công ty cổ phần Lương thực A An	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT	24/03/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần tập đoàn Tân Long
- Sở hữu chứng khoán tại AAN:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN: Khôgn có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với

những người có liên quan của người nội bộ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng 2025
Thù lao (đồng)	0	0	0
Lương (đồng)	0	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: không có

3.1.3 Thông tin Ông Trương Mạnh Linh – thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Trương Mạnh Linh**
- Năm sinh: 1992
- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cao học
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 - 2017	Công ty Cổ Phần Tập đoàn Tân Long	Giám đốc Kinh doanh Nông sản
2017 – Nay	Viet Agro Pte. Ltd	Giám đốc
2021-2023	Công ty Cổ Phần Thể Thao Sông Lam Nghệ An	Tổng Giám Đốc
2021-2023	Công ty Cổ Phần Tập đoàn Tân Long	Giám đốc ngành gạo
2023 - Nay	Công ty Cổ Phần Lương thực A An	Tổng Giám Đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	2023

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc - Viet Agro Pte. Ltd
- Sở hữu chứng khoán tại AAN:

+ Sở hữu cá nhân: 750.000 cổ phần tương ứng với 2,14% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng 2025
Thù lao (đồng)	0	0	0
Lương	126.680.400	609.096.154	351.750.003

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: không có

3.1.4 Thông tin Ông Trương Đức Nam – thành viên HĐQT

- Họ và tên: Trương Đức Nam
- Năm sinh: 1991
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cao học

- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Kinh Tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2016 – 12/2018	Công ty cổ phần chứng khoán Thủ Đô	Chuyên viên tư vấn tài chính
01/2019 – 12/2019	Công ty cổ phần chứng khoán Everest	Chuyên viên tư vấn tài chính
01/2020 – 09/2021	Công ty cổ phần Quản lý quỹ Bông Sen	Trưởng phòng Tư vấn tài chính
10/2021 - nay	Công ty cổ phần Siba Holdings	Kế toán trưởng
12/2022 – 03/2024	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên Hội đồng quản trị
06/2023 – 02/2025	Công ty cổ phần lương thực A An	Trưởng Ban kiểm soát
05/2024 – nay	Công ty CP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao SIBA	Thành viên Ban kiểm soát
02/2025 – nay	Công ty cổ phần lương thực A An	Phó Tổng giám đốc
03/2025- nay	Công ty cổ phần lương thực A An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	24/03/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

+ Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao SIBA
+ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Siba Holdings

- Sở hữu chứng khoán tại AAN:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Những người có liên quan: 18.250.000 cổ phần tương ứng với 52,14% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông. người nội bộ của AAN:

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số CCCD/DKKD	Số cổ phần
1	CTCP Siba Holdings	Tổ chức có liên quan	0109778609	18.250.000

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng 2025
Thù lao (đồng)	0	0	0
Lương (đồng)	0	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành: không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: không có

3.1.5 Thông tin Ông Đoàn Nhật Tân – thành viên HĐQT

- Họ và tên: Đoàn Nhật Tân
- Năm sinh: 1989
- Nơi sinh: Cần Thơ
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 10/2013 - tháng 11/2017	Công ty Cổ Phần Nông Sản Vinacam	Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh
Tháng 01/2018 - nay	Công ty TNHH Hiệp Tài	Trưởng phòng kinh doanh
03/2025 – nay	Công ty cổ phần Lương thực A An	Thành viên HĐQT độc lập

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT độc lập	24/03/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Sở hữu chứng khoán tại AAN:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông. người nội bộ của AAN: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng 2025
Thù lao (đồng)	0	0	0
Lương (đồng)	0	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành: không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: không có

3.2. Ban điều hành

Bảng 39. Danh sách thành viên Ban điều hành gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trương Mạnh Linh	Tổng Giám đốc
2	Ông Trương Đức Nam	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Huỳnh Hữu Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Anh Nam	Phó Tổng Giám đốc

3.2.1 Thông tin Ông Trương Mạnh Linh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

– Thông tin chi tiết đã được nêu tại mục 3.1.3

3.2.2 Thông tin Ông Trương Đức Nam – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

– Thông tin chi tiết đã được nêu tại mục 3.1.4

3.2.3 Thông tin Ông Huỳnh Hữu Trung Kiên – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Huỳnh Hữu Trung Kiên
- Năm sinh: 1984
- Nơi sinh: Kiên Giang
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: trên đại học
- Năng lực chuyên môn: Tiến sỹ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2011-2015	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kiên Giang	Giảng viên
2016-2019	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Kiên Giang	Trưởng phòng – Quản lý điều hành sản xuất và kinh doanh nội địa

2020-2021	Tổng công ty Lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần	Phó Giám đốc Ban Kinh doanh
2020 - Nay	Trường Đại học Trà Vinh	Giảng viên
2021- 07/2023	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Phó giám đốc Điều hành Ngành gạo
07/2023 – 03/2025	Công ty Cổ phần Lương thực A AN	Thành viên HĐQT
10/2022 - nay	Công ty Cổ phần Lương thực A AN	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Phó Tổng Giám đốc	2023

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Sở hữu chứng khoán tại AAN:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông. người nội bộ của AAN: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng 2025
Thù lao (đồng)	0	0	0
Lương (đồng)	95.004.000	506.735.000	324.417.308

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành: không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: không có

3.2.4 Thông tin Ông Lê Anh Nam – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Lê Anh Nam
- Năm sinh: 1992
- Nơi sinh: Liên Bang Nga
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2014 - 2015	Ngân hàng BIDV Chi nhánh Sơn Tây	Chuyên viên tín dụng
2015 - 2016	Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long tại Hải Phòng	Nhân viên kinh doanh
2016 - 2019	Công ty Cổ Phần Hum	Nhân viên kế toán
2019 - 2021	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long	Phụ trách kinh doanh
2021 - nay	Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Yến Đăng	Giám đốc
2024 - nay	Công ty Cổ Phần Lương thực A AN	Phó tổng giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Phó Tổng Giám đốc	01/08/2024

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Yến Đăng
- Sở hữu chứng khoán tại AAN:
+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
+ Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông. người nội bộ của

AAN: không có

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng 2025
Thù lao (đồng)	0	0	0
Lương (đồng)	0	0	222.797.231

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: không có

3.3. Ban kiểm soát

Bảng 40. Danh sách thành viên Ban kiểm soát gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Toản	Trưởng BKS
2	Bà Hồ Thị Hải	Thành viên BKS
3	Ông Ngô Xuân Hùng	Thành viên BKS

3.3.1 Thông tin Ông Nguyễn Văn Toản – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Văn Toản
- Năm sinh: 1991
- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học

- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kiểm toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2012 - 2016	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC	Trợ lý KTV
2016 - 2021	Công ty CP Vicostone	Chuyên viên Kiểm toán nội bộ
2021 - 2023	Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A	Phó phòng Kiểm toán nội bộ - Ban Kiểm toán
2023 - 2024	Công ty CP Phát triển Dịch vụ và Thương mại Quốc An	Trưởng phòng KSNB
2025 - nay	Công ty CP Lương thực A An	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Trưởng Ban kiểm soát	24/03/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Sở hữu chứng khoán tại AAN:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng 2025

Thù lao (đồng)	0	0	0
Lương (đồng)	0	0	82.960.000

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: không có

3.3.2 Thông tin Bà Hồ Thị Hải – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Hồ Thị Hải
- Năm sinh: 1990
- Nơi sinh: Nghệ An
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2012 - 12/2013	Công ty cổ phần Thương Mại Tổng hợp và Xuất nhập khẩu TVH	Nhân viên kế toán
03/2015 -10/2017	Chi nhánh công ty TNHH Finewines Hà Nội	Nhân viên kế toán
11/2017 - 04/2019	Chi nhánh Hà Nội Công ty TNHH CJ Foods Việt Nam	Nhân viên kế toán
06/2019 - 09/2021	Công ty TNHH Moen Việt Nam	Trợ lý kinh doanh phòng dự án
10/2021 - 03/2025	Công ty CP Lương thực A An	Kiểm soát nội bộ
03/2025 – nay	Công ty CP Lương thực A An	Thành viên BKS

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Trưởng Ban kiểm soát	24/03/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Sở hữu chứng khoán tại AAN: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông. người nội bộ của AAN: không có

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng 2025
Thù lao (đồng)	0	0	0
Lương (đồng)	0	0	49.855.000

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành: không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: không có

3.3.3 Thông tin Ông Ngô Xuân Hùng – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Ngô Xuân Hùng

- Năm sinh: 1997

- Nơi sinh: Nghệ An

- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ học vấn: Đại học

- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kiểm toán

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

2019 – 2020	Công Ty TNHH Dụng Cụ An Mi	Kế toán viên
2020 – 2021	Công Ty TNHH Kiểm Toán Immanuel	Trợ lý kiểm toán
2021 – 2022	Công ty Cổ phần Nước Tinh Khiết Ốc Đảo Xanh	Kiểm soát viên tài chính
2022 – nay	Công ty Cổ phần Siba Holdings	Chuyên viên tài chính
2025 – nay	Công ty Cổ phần lương thực A An	Thành viên ban kiểm soát

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên Ban kiểm soát	24/03/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Sở hữu chứng khoán tại AAN:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông. người nội bộ của AAN: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng 2025
Thù lao (đồng)	0	0	0
Lương (đồng)	0	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành: không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: không có

3.4. Kế toán trưởng:

- Họ và tên: Phạm Thị Trang
- Năm sinh: 1989
- Nơi sinh: Nghệ An
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế – chuyên ngành kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2012 - 2017	Công ty Cổ phần Quảng Cáo Truyền Thông TV	Kế toán viên
2019 - 2024	Công ty Cổ phần Nông Sản Tzan Quốc Tế	Kế toán trưởng
01/2025 - nay	Công ty Cổ phần Lương Thực A An	Kế toán trưởng

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Kế Toán Trưởng	01/01/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Sở hữu chứng khoán tại AAN:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
+ Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông. người nội bộ của AAN: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN. công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có
+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện

giữa AAN. công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có

+ Thù lao. tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng 2025
Thù lao (đồng)	0	0	0
Lương (đồng)	0	0	133.203.077

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến là: 30.000.000 cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán dự kiến là: 300.000.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán cổ phiếu ra công chúng là 15.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

– Giá trị sổ sách cổ phiếu Công ty cổ phần Lương thực A An tại thời điểm 31/12/2024 trên BCTC kiểm toán năm 2024:

Giá trị sổ sách = (Vốn chủ sở hữu – Tài sản vô hình)/Số cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2024

= (439.029.587.296-0)/35.000.000

= 12.544 đồng/cổ phiếu

– Đối tượng chào bán cổ phiếu là cổ đông hiện hữu, việc chào bán với giá 15.000 đồng/cổ phiếu sẽ mạng lại lợi ích cho cổ đông hiện hữu nhận được là như nhau.

– Việc chào bán cổ phiếu giá 15.000 đồng/cổ phiếu sẽ giúp Công ty huy động được nhiều

nguồn vốn hơn để mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh.

7. Phương thức phân phối

7.1. Phân phối cổ phiếu

– Cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được phân phối thông qua phương thức thực hiện quyền. Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký bà Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ thực hiện quyền mua cổ phiếu (Chuyển nhượng quyền mua; Đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu phát hành…) theo thời hạn do Công ty thông báo.

– Việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được tiến hành trong vòng 90 ngày kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Thời gian phân phối trên bao gồm: Thời gian chính thức để cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua cổ phiếu theo thời hạn do Công ty thông báo; Thời gian để HĐQT tập hợp và chào bán cổ phiếu phát sinh do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết cho các cổ đông, nhà đầu tư khác….

– Tỷ lệ thực hiện quyền là 35:30 (tương ứng tỷ lệ chào bán 85,71%). Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua; cứ 35 quyền mua sẽ được mua 30 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

7.2. Nguyên tắc làm tròn

– Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết nêu tại Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 115 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu mà cổ đông A sẽ được mua thêm trong đợt chào bán này là: 115 x 30/35 = 98,6 cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 98 cổ phiếu, số cổ phiếu 0,6 sẽ được HĐQT tổng hợp và phân phối tếp cho các nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua.

7.3. Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có):

– Cổ phiếu không phân phối hết (nếu có): bao gồm: cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn dư.

– Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu phát sinh do làm tròn cổ phiếu xuống đến hàng đơn vị khi phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ phát hành.

– Cổ phiếu còn dư là phần cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua.

– Đối với cổ phiếu không phân phối hết, Hội đồng quản trị lựa chọn Nhà đầu tư để tiếp tục chào bán cổ phiếu với giá bán 15.000 đồng/cổ phiếu (bằng mức giá chào bán cho cổ đông hiện

hữu để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phần chào bán). Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư:

+ Ưu tiên chào bán cho cổ đông hiện hữu có nhu cầu đăng ký mua thêm cổ phiếu.

+ Đối với nhà đầu tư khác, ưu tiên các đối tác có tiềm lực tài chính và kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh lúa gạo.

– Việc phân phối lại cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư bên ngoài cần đáp ứng các điều kiện sau:

+ Tuân thủ quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: "Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần của công ty khác để sở hữu chéo lẫn nhau".

+ Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật liên quan việc xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ.

+ Nhà đầu tư nước ngoài không được tham gia mua cổ phiếu phân phối lại nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty.

– Cổ phiếu còn dư khi được chào bán tiếp theo quyết định của Hội đồng quản trị theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán nhé. Cổ phiếu lẻ được phân phối lại không bị hạn chế chuyển nhượng.

– Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp tục chào bán mà cổ phiếu vẫn không được đăng ký mua hết, Hội đồng quản trị thực hiện hủy bỏ số lượng cổ phiếu còn lại, ra quyết định kết thúc đợt chào bán và báo cáo kết quả phát hành với cơ quan quản lý Nhà nước.

7.4. Chuyển nhượng quyền mua:

– Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ chuyển nhượng một lần (không chuyển nhượng cho người thứ ba), Cổ đông nước ngoài không được nhận quyền mua chuyển nhượng từ cổ đông khác nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định.

– Ví dụ: *Cổ đông A sở hữu 555 cổ phiếu, sẽ được hưởng 555 quyền mua tương đương số cổ phiếu mới được mua là 475,7 cổ phiếu, làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 475 cổ phiếu. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 200 quyền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư B tương đương được mua 171 cổ phiếu và chuyển nhượng 355 quyền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư C tương đương được mua 304 cổ phiếu. Nhà đầu tư B và nhà đầu tư C không được phép chuyển nhượng tiếp quyền mua cổ phiếu từ cổ đông A cho bất kỳ người nào khác.*

7.5. Hạn chế chuyển nhượng:

Cổ phiếu chào bán không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ trường hợp quy định tại Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết).

7.6. Bảo lãnh phát hành

– Không có

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1 Thời hạn đăng ký mua

Thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông tối thiểu là 20 ngày. Thời gian đăng ký cụ thể thực hiện theo Thông báo phát hành của Công ty.

8.2 Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu

a) Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán

– Cổ đông đã lưu ký chứng khoán tại các công ty chứng khoán (thành viên lưu ký của VSDC) sẽ thực hiện quyền mua cổ phiếu thông qua công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký.

– Cổ đông nhận thông báo quyền mua, đăng ký mua cổ phiếu và thực hiện thanh toán tiền mua theo hướng dẫn của công ty chứng khoán đó.

– Tiền mua chứng khoán được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Cổ phiếu của Công ty theo thời hạn quy định.

b) Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán

– Cổ đông chưa lưu ký (chưa mở tài khoản tại công ty chứng khoán) sẽ đăng ký mua trực tiếp tại trụ sở chính Công ty/ địa chỉ khác theo thông báo của Công ty.

– Khi đăng ký, cổ đông cần xuất trình Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần hoặc giấy tờ hợp lệ chứng minh quyền sở hữu cổ phần để được cấp Giấy đăng ký mua cổ phiếu.

– Cổ đông điền đầy đủ thông tin vào Giấy đăng ký mua cổ phiếu, ký tên và nộp lại cho bộ phận tiếp nhận. Đồng thời, cổ đông thực hiện thanh toán tiền mua bằng chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Cổ phiếu của Công ty theo thông tin được công bố.

– Thanh toán chỉ được coi là hoàn tất khi số tiền đã được ghi có vào tài khoản của Công ty trong thời gian đăng ký mua quy định.

c) Nguyên tắc chung

– Số lượng cổ phiếu được phân bổ tối đa bằng số lượng cổ phần mà cổ đông được quyền mua (theo danh sách chốt quyền hoặc được chuyển nhượng hợp pháp).

– Trường hợp cổ đông đăng ký mua ít hơn số lượng quyền mua được hưởng, phần còn lại sẽ được coi là từ chối quyền mua.

– Trường hợp cổ đông đăng ký mua vượt quá số lượng quyền mua, Công ty chỉ ghi nhận theo số lượng tối đa mà cổ đông có quyền, phần tiền nộp thừa sẽ được hoàn trả, không tính lãi.

– Sau khi hết hạn đăng ký mua và nộp tiền, mọi quyền mua chưa được thực hiện sẽ mất hiệu lực.

8.3 Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

Không có.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán dự kiến: Trong Quý IV/2025.

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này. Công ty sẽ xem xét báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Bảng 41. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Stt	Công việc	Thời gian thực hiện
1.	**Ngày Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực**	**T**
2.	Công bố thông tin phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.	T + 1 đến T + 5
3.	Thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu.	T + 6 đến T + 7
4.	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	T + 15
5.	Ngày đăng ký cuối cùng.	T + 17
6.	Phân bổ và thông báo quyền mua.	T + 17 đến T + 24
7.	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền đặt mua.	T + 24 đến T + 32
8.	Tổng hợp danh sách.	T + 34
9.	HĐQT ra quyết định và thực hiện xử lý cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua. không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ (nếu có)	T + 35 đến T + 45
10.	Gửi báo cáo kết quả chào bán cổ phần cho UBCKNN.	T + 53

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

– Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 lần, người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi cổ tức vẫn được quyền mua cổ phiếu từ đợt phát hành này. Cổ đông nước ngoài không được nhận quyền mua chuyển nhượng từ cổ đông khác nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định.

– Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối;

– Cổ phiếu lẻ phân phối lại không bị hạn chế chuyển nhượng.

– Cổ phiếu còn dư phân phối lại bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Cổ phiếu

– Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Lương thực A An

– Số tài khoản: 8600542668

– Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Trong trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ Công ty sẽ thực hiện công bố việc hủy bỏ trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp và thu hồi chứng khoán đã phát hành; đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ. Quá thời hạn thanh toán, Công ty sẽ thanh toán khoản tiền đã nộp của nhà đầu tư và khoản lãi cho số ngày quá hạn với mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi dành cho khách hàng cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 01 (một) tháng được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

Phương thức thu hồi và hoàn trả tiền cho cổ đông nhà đầu tư: Đối với các cổ đông đã nộp tiền mua cổ phần qua các thành viên lưu ký. Công ty sẽ phối hợp với VSDC và các thành viên lưu ký để hoàn trả tiền đã nộp cho các cổ đông đối với các cổ đông chưa lưu ký. Nhà đầu tư mua cổ phần nộp tiền trực tiếp vào Tài khoản phong tỏa, Công ty sẽ hoàn trả tiền trực tiếp cho các cổ đông, nhà đầu tư, Công ty sẽ chịu toàn bộ phí chuyển khoản (nếu có).

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

– Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài tại AAN tuân theo Luật đầu tư nước ngoài năm 2020 và Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP. ngày 31/12/2020. Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.

– Căn cứ văn bản số 4832/UBCK-PTTT ngày 29/08/2025 của của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Lương thực A An, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là **0%**.

– Theo danh sách cổ đông tại ngày 15/08/2025, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0%.

– Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 0%, Hội đồng quản trị thống nhất phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong đợt chào bán/phát hành như sau:

+ Đối với chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: nhà đầu tư nước ngoài không được tham gia nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, không được mua cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán.

+ Trong quá trình triển khai hồ sơ chào bán/phát hành nếu tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty có thay đổi: do thay đổi ngành nghề kinh doanh, do chính sách,... Công ty sẽ thực hiện thông báo tỷ lệ nước ngoài tối đa tới Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Công ty cam kết luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trước, trong và sau đợt phát hành.

15. Các loại thuế có liên quan

15.1 Các loại thuế liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán

– **Thuế thu nhập cá nhân:**

Đối với việc chuyển nhượng chứng khoán: Thực hiện theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007; Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân và các văn bản liên quan. Nhà đầu tư phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán bằng 0.1% giá trị chuyển nhượng.

– **Thuế giá trị gia tăng:**

Hoạt động chuyển nhượng chứng khoán của Công ty không phải chịu thuế Giá trị gia tăng. theo Thông tư số 129/2008/TT–BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

– **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

+ Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12;

+ Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. như được sửa đổi. bổ sung bởi Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017;

+ Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ. như được sửa đổi. bổ sung bởi Thông tư số 119/2014; Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/5/2015; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015; Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014.

Căn cứ các quy định trên. thu nhập từ chuyển nhượng vốn. chuyển nhượng chứng khoán đối với nhà đầu tư là tổ chức là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%. Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài. tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0.1% trên doanh thu tính thuế.

15.2 Các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

– **Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế (Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12) - Thu nhập chịu thuế bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (theo Điều 14, 15 Chương IV Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12). Công ty phải nộp thuế suất thuế TNDN hiện hành đang áp dụng là 20%.

– **Thuế giá trị gia tăng**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chịu thuế Giá trị gia tăng theo đúng các quy định hiện hành. Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

– **Các loại thuế khác**

Thuế tài nguyên. thuế đất. tiền thuê đất. thuế môn bài, phí, lệ phí, ... của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

16. Thông tin về các cam kết

16.1 Cam kết về việc thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 CTCP Lương thực A An, Công ty cổ phần Lượng thực A An có kế hoạch niêm yết như sau:

– **Cổ phiếu niêm yết**: Cổ phiếu Công ty cổ phần Lương thực A An

– **Mã cổ phiếu dự kiến**: AAN.

– **Sàn niêm yết**: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

– **Loại cổ phiếu**: Cổ phiếu phổ thông.

– **Mệnh giá**: 10.000 đồng/cổ phiếu.

– **Số lượng cổ phiếu dự kiến niêm yết**: toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của công ty tại thời điểm đăng ký niêm yết.

– **Thời gian thực hiện**: Dự kiến trong giai đoạn 2025-2026, sau khi trở thành Công ty đại chúng và hoàn thành đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu.

– Trong trường hợp cần thiết, nhằm nhanh chóng đưa cổ phiếu Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán đảm bảo tối đa lợi ích cổ đông và tuân thủ quy định niêm yết cổ phiếu, ngoài ưu tiên hàng đầu niêm yết cổ phiếu tại HOSE, Hội đồng quản trị có thể xem xét điều chỉnh đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Dựa vào kế hoạch trên, Sau khi hoàn thành đợt phát hành/chào bán, Hội đồng quản trị cam kết thực hiện:

– Đăng ký chứng khoán bổ sung toàn bộ số cổ phiếu Công ty Cổ phần Lương thực A An chào bán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật

– Đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số cổ phiếu Công ty Cổ phần Lương thực A An chào bán thêm thành công theo quy định của pháp luật.

16.2 Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán

– Công ty cam kết đảm bảo việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

– Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

– Công ty cam kết về việc sẽ thực hiện việc xử lý cổ phiếu lẻ theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155. Trường hợp số cổ phiếu này được phân phối cho nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán năm 2019. Công ty cam kết sẽ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

– Trong trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Điều 28. Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14. trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ. Công ty sẽ thực hiện công bố việc hủy bỏ trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp và thu hồi chứng khoán đã phát hành. đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ. Quá thời hạn thanh toán. Công ty sẽ thanh toán khoản tiền đã nộp của nhà đầu tư và khoản lãi cho số ngày quá hạn với mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi dành cho khách hàng cá nhân. bằng Đồng Việt Nam. kỳ hạn 01 (một) tháng được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

16.3 Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh nhằm giúp Công ty mở rộng hoạt động sản

xuất kinh doanh, tăng quy mô, đồng thời nâng cao hình ảnh của Công ty trước các đối tác, khách hàng, nhà cung cấp… nhằm tăng cường vị thế và năng lực cạnh tranh trên thị trường. Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán sẽ giúp Công ty có thêm nguồn vốn lưu động ổn định và giảm phụ thuộc vào dòng tiền tín dụng ngân hàng, giúp giảm áp lực chi phí lãi vay, lãi trả chậm đối với nhà cung cấp… từ đó cải thiện được kết quả sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành cổ phiếu của Công ty cổ phần Lương thực A An là 450.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị (VNĐ)	Thời gian dự kiến thực hiện
I	**Thanh toán nợ vay ngân hàng**	**250.000.000.000**	
1	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Bắc Hà	124.000.000.000	Quý IV/2025
2	Ngân Hàng Thương Mại Trách Nhiệm Hữu Hạn ESUN - Chi Nhánh Đồng Nai	116.000.000.000	Quý IV/2025
3	Ngân hàng TMCP Quân Đội MB Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000	Quý IV/2025
II	**Thanh toán công nợ phải trả cho nhà cung cấp**	**200.000.000.000**	
1	Công ty cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông	107.000.000.000	Quý IV/2025
2	Công ty TNHH Lương thực Gạo Việt	93.000.000.000	Quý IV/2025
	Tổng cộng	**450.000.000.000**	

Số tiền thực tế sử dụng dựa trên số tiền thu ròng từ đợt chào bán (sau khi đã trừ các chi phí liên quan tới đợt chào bán: phí tư vấn, phí kiểm toán, phí chào bán,… (nếu có)).

Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến như phương án trên, thứ tự ưu tiên giải ngân cho từng hạng mục: (1)Thanh toán nợ vay ngân hàng; (2) Thanh toán công nợ phải trả cho nhà cung cấp. Trong mỗi hạng mục giải ngân (1) và (2), Công ty sẽ ưu tiên thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn trước.

Đối với nguồn vốn thiếu hụt, Công ty sẽ cân đối bổ sung các nguồn vốn khác như: sử dụng vốn tự có, vốn vay từ các tổ chức tính dung và tổ chức/cá nhân khác.

Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nêu trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đúng mục đích đã được ĐHCĐ thông qua và công bố thông tin theo đúng của định của pháp luật. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh Phương án sử dụng vốn..

Các ủy quyền khác của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị đối với phương án sử dụng vốn như sau:

– Trong quá trình thực tế sử dụng vốn: ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT được quyền chủ động điều chỉnh/thay đổi/bổ sung các thông tin liên quan đến kế hoạch giải ngân chi tiết bao gồm: Chủ động xây dựng, lựa chọn danh mục và phân bổ số tiền sử dụng cho từng hợp đồng/khế ước vay/hợp đồng mua bán… tại mỗi hạng mục sử dụng vốn; điều chỉnh, thay thế các khế ước/khoản vay/hợp đồng mua bán…khi cần thiết; điều chỉnh/bổ sung các thông tin cần thiết khác (nếu có)….Các điều chỉnh/thay đổi này phải đảm bảo không làm thay đổi phương án/mục đích sử dụng vốn ban đầu mà ĐHĐCĐ đã thông qua ở trên.

– Trong trường hợp cần thiết: Hội đồng quản trị chỉ được quyền thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán sang phương án sử dụng vốn khác nếu HĐQT nhận thấy phù hợp và giúp việc sử dụng vốn hiệu quả, mang lại lợi ích tối đa cho cổ đông và Công ty. Việc thay đổi này, HĐQT phải báo cáo UBCKNN và ĐHĐCĐ gần nhất.

2. Chi tiết về các hạng mục trong phương án sử dụng vốn như sau

2.1 Thanh toán nợ vay ngân hàng

a. Thanh toán nợ vay Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Bắc Hà (BIDV- CN. Bắc Hà) theo hợp đồng tín dụng số: 01/2024/15267813/HĐTD ngày 06/06/2024

– Mối quan hệ giữa Công ty và các bên trong hợp đồng: các bên trong hợp đồng không có mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty.

– Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 (bốn trăm tỷ) đồng

– Thời gian cấp tín dụng: kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 15/08/2025

– Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C, bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

– Phương thức giải ngân: nhiều lần.

– Căn cứ phiếu đối chiếu tài khoản ngày 11/08/2025: Công ty cổ phần Lương thực A An đang còn nợ số tiền phải trả là: 300.364.921.709 đồng.

– Số tiền đến hạn của các khế ước sẽ được thanh toán bằng tiền thu từ đợt chào bán là:

Số khế ước nhận nợ/số tài khoản vay	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Giá trị theo khế ước	Số tiền dự kiến thanh toán từ nguồn vốn huy động
400003333123	5,60%	5 tháng	12/06/2025	12/11/2025	1.557.000.000	1.557.000.000
403003346351	5,60%	5 tháng	16/06/2025	17/11/2025	1.846.800.000	1.846.800.000
408003401979	5,60%	5 tháng	26/06/2025	26/11/2025	15.304.194.500	15.304.194.500
407003407813	5,60%	5 tháng	27/06/2025	27/11/2025	297.649.900	297.649.900
406003417238	5,60%	5 tháng	30/06/2025	01/12/2025	241.038.000	241.038.000
406003422883	5,60%	5 tháng	01/07/2025	01/12/2025	590.053.850	590.053.850
409003431705	5,60%	5 tháng	03/07/2025	03/12/2025	742.571.280	742.571.280
401003436489	5,60%	5 tháng	04/07/2025	04/12/2025	851.370.850	851.370.850
406003442054	5,60%	5 tháng	07/07/2025	08/12/2025	2.313.725.380	2.313.725.380
403003448303	5,60%	5 tháng	08/07/2025	08/12/2025	4.596.019.850	4.596.019.850
401003453324	5,60%	5 tháng	09/07/2025	09/12/2025	5.371.525.410	5.371.525.410
408003458761	5,60%	5 tháng	10/07/2025	10/12/2025	3.280.919.800	3.280.919.800
407003465346	5,60%	5 tháng	11/07/2025	11/12/2025	6.621.387.530	6.621.387.530
408003470081	5,60%	5 tháng	14/07/2025	15/12/2025	5.363.505.060	5.363.505.060
405003477050	5,60%	5 tháng	15/07/2025	15/12/2025	1.785.637.890	1.785.637.890
409003484100	5,60%	5 tháng	16/07/2025	16/12/2025	2.434.777.390	2.434.777.390
402003489548	5,60%	5 tháng	17/07/2025	17/12/2025	1.576.837.520	1.576.837.520
402003495672	5,60%	5 tháng	18/07/2025	18/12/2025	4.117.282.760	4.117.282.760
408003496186	5,60%	5 tháng	18/07/2025	18/12/2025	25.840.096.500	25.840.096.500
404003513904	5,60%	5 tháng	23/07/2025	23/12/2025	2.815.988.510	2.815.988.510
407003519383	5,60%	5 tháng	24/07/2025	24/12/2025	29.487.754.725	29.487.754.725
408003520438	5,60%	5 tháng	24/07/2025	24/12/2025	3.432.839.510	3.432.839.510
403003525675	5,60%	5 tháng	25/07/2025	25/12/2025	2.496.830.610	2.496.830.610
408003544172	5,60%	5 tháng	30/07/2025	30/12/2025	983.988.900	622.358.425
404003550150	5,60%	5 tháng	31/07/2025	31/12/2025	411.834.750	411.834.750
Tổng					**124.361.630.475**	**124.000.000.000**

– HĐQT thống nhất thanh toán nợ phải trả cho Công ty với số tiền: tối đa 124.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn thu ròng từ đợt chào bán (sau khi trừ các chi phí liên quan đợt chào bán).

– Thời gian dự kiến thanh toán: Quý IV/2025.

b. Thanh toán nợ vay Ngân Hàng Thương Mại Trách Nhiệm Hữu Hạn ESUN - Chi Nhánh Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng số: 10001096LD001202457 ngày 18/10/2024

– Mối quan hệ giữa Công ty và các bên trong hợp đồng: các bên trong hợp đồng không có mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty.

– Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 (Một trăm năm mươi tỷ) đồng

– Thời gian cấp tín dụng: 1 năm kể từ ngày 01/08/2024

– Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động

– Phương thức giải ngân: nhiều lần.

– Căn cứ Giấy xác nhận số dư nợ ngày 21/08/2025: Công ty cổ phần Lương thực A An đang còn nợ số tiền phải trả là: 119.669.856.960 đồng.

– Số tiền đến hạn của các khế ước sẽ được thanh toán bằng tiền thu từ đợt chào bán là:

Số khế ước nhận nợ/số tài khoản vay	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Giá trị theo khế ước	Số tiền dự kiến thanh toán từ nguồn vốn huy động
LD2511881793	6,53%	180 ngày	28/04/2025	24/10/2025	20.124.647.500	20.124.647.500
LD2512825699	6,50%	180 ngày	08/05/2025	04/11/2025	17.471.573.000	17.471.573.000
LD2513901977	6,40%	180 ngày	19/05/2025	14/11/2025	19.376.877.000	19.376.877.000
LD2514047360	6,40%	180 ngày	20/05/2025	14/11/2025	3.253.275.000	3.253.275.000
LD2514080589	6,40%	180 ngày	20/05/2025	14/11/2025	860.400.000	860.400.000
LD2514116140	6,33%	180 ngày	21/05/2025	17/11/2025	15.403.504.500	15.403.504.500
LD2514233259	6,38%	180 ngày	22/05/2025	18/11/2025	4.243.200.000	4.243.200.000
LD2514303907	6,37%	180 ngày	23/05/2025	19/11/2025	4.333.342.500	4.333.342.500
LD2514675212	6,38%	180 ngày	26/05/2025	21/11/2025	8.864.608.500	8.864.608.500
LD2514793840	6,48%	180 ngày	27/05/2025	21/11/2025	5.478.795.000	5.478.795.000
LD2515061640	6,36%	180 ngày	30/05/2025	26/11/2025	8.111.295.000	8.111.295.000
LD2515305776	6,35%	180 ngày	02/06/2025	28/11/2025	4.851.742.500	4.851.742.500
LD2515453380	6,35%	180 ngày	03/06/2025	28/11/2025	4.885.875.000	3.626.739.500
Tổng					**117.259.135.500**	**116.000.000.000**

– HĐQT thống nhất thanh toán nợ phải trả cho Công ty với số tiền: tối đa 116.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn thu ròng từ đợt chào bán (sau khi trừ các chi phí liên quan đợt chào bán).

– Thời gian dự kiến thanh toán: Quý IV/2025.

c. Thanh toán nợ vay Ngân hàng TMCP Quân Đội MB Chi nhánh Cần Thơ (MB -CN. Cần Thơ) theo hợp đồng tín dụng số: 240819.24.451.26817163.TD ngày 23/09/2024

– Mối quan hệ giữa Công ty và các bên trong hợp đồng: các bên trong hợp đồng không có mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty.

– Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng

– Thời gian cấp tín dụng: kể từ ngày ký hợp đồng tới ngày 14/08/2025

– Mục đích sử dụng vốn vay: cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh lúa gạo

– Phương thức giải ngân: nhiều lần.

– Căn cứ Giấy xác nhận số dư nợ ngày 21/08/2025: Công ty cổ phần Lương thực A An đang còn nợ số tiền phải trả là: 53.591.315.000 đồng.

– Số tiền đến hạn của các khế ước sẽ được thanh toán bằng tiền thu từ đợt chào bán là:

Số khế ước nhận nợ/số tài khoản vay	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Giá trị theo khế ước	Số tiền dự kiến thanh toán từ nguồn vốn huy động
IC4N005A36C2	6,56%	5 tháng	23/05/2025	23/10/2025	3.783.780.000	3.783.780.000
IC55005BC5A5	6,56%	5 tháng	05/06/2025	05/11/2025	6.918.500.000	6.216.220.000
Tổng					**10.702.280.000**	**10.000.000.000**

– HĐQT thống nhất thanh toán nợ phải trả cho Công ty với số tiền: tối đa 10.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn thu ròng từ đợt chào bán (sau khi trừ các chi phí liên quan đợt chào bán).

– Thời gian dự kiến thanh toán: Quý IV/2025.

Lưu ý: Các hợp đồng tín dụng với các ngân hàng: BIDV – CN. Bắc Hà, ESUN, MB-CN. Cần Thơ đã hết hạn. Tính đến ngày 08/09/2025, các hợp đồng tín dụng với các ngân hàng nêu trên đã được Công ký kết gia hạn thông qua các hợp đồng tín dụng mới. Các khế ước nhận nợ được giải ngân theo các hợp đồng trước đó (tại các bảng kê) nêu trên vẫn có hiệu lực đến thời điểm Công ty tất toán nghĩa vụ tín dụng với các ngân hàng.

2.2 Thanh toán công nợ phải trả cho nhà cung cấp

a. Thanh toán cho Công ty cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông theo hợp đồng mua bán hàng hóa số: 1607-2025/KN-AANDT ngày 16/07/2025

– Mối quan hệ giữa Công ty và các bên trong hợp đồng: các bên trong hợp đồng không có mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty.

– Loại hàng hóa: gạo trắng 5451 chưa sortex.

– Tổng giá trị theo đơn giá: 48.760.000.000 đồng

– Thời gian giao nhận hàng: từ 20/07/2025 đến 31/08/2025

– Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ số 25/1607/AADT-KN ngày 25/08/2025 hai bên xác nhận số dư công nợ của hợp đồng số 1607-2025/KN-AANDT ngày 16/07/2025: Công ty cổ phần Lương thực A An đang còn số dư công nợ phải trả tại ngày 25/08/2025 là: 46.928.028.500 đồng, thời gian đến hạn thanh toán là 15/02/2026.

– HĐQT thống nhất thanh toán công nợ phải trả cho hợp đồng 1607-2025/KN-AANDT

ngày 16/07/2025 số tiền: tối đa 46.900.000.000 đồng bằng nguồn vốn thu ròng từ đợt chào bán (sau khi trừ các chi phí liên quan đợt chào bán).

– Thời gian dự kiến thanh toán: Quý IV/2025.

b. Thanh toán cho Công ty cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông theo hợp đồng mua bán hàng hóa số: 1807-2025/KN-AANDT ngày 18/07/2025

– Mối quan hệ giữa Công ty và các bên trong hợp đồng: các bên trong hợp đồng không có mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty.

– Loại hàng hóa: gạo trắng OM18 chưa sortex.

– Tổng giá trị theo đơn giá: 62.700.000.000 đồng

– Thời gian giao nhận hàng: từ 20/07/2025 đến 31/08/2025

– Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ số 28/1807/AADT-KN ngày 25/08/2025 hai bên xác nhận số dư công nợ của hợp đồng số 1807-2025/KN-AANDT: Công ty cổ phần Lương thực A An đang còn số dư công nợ phải trả tại ngày 25/08/2025 là: 60.642.300.000 đồng, thời gian đến hạn thanh toán là 14/02/2026.

– HĐQT thống nhất thanh toán công nợ phải trả cho hợp đồng 1807-2025/KN-AANDT ngày 18/07/2025 : tối đa 60.100.000.000 đồng bằng nguồn vốn thu ròng từ đợt chào bán (sau khi trừ các chi phí liên quan đợt chào bán).

– Thời gian dự kiến thanh toán: Quý IV/2025

c. Thanh toán cho Công ty TNHH Lương thực Gạo Việt theo hợp đồng mua bán hàng hóa số: 01BG-2025/HĐBG-GV-AA ngày 17/07/2025

– Mối quan hệ giữa Công ty và các bên trong hợp đồng: các bên trong hợp đồng không có mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty.

– Loại hàng hóa: tấm thơm đã sortex.

– Tổng giá trị theo đơn giá: 60.000.000.000 đồng

– Thời gian giao nhận hàng: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

– Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ số 21/2025/AAN-GV ngày 21/08/2025 hai bên xác nhận số dư công nợ của hợp đồng 01BG-2025/HĐBG-GV-AA: Công ty cổ phần Lương thực A An đang còn số dư công nợ phải trả tại ngày 21/08/2025 là: 57.000.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 15/02/2026.

– HĐQT thống nhất thanh toán công nợ phải trả cho hợp đồng 01BG-2025/HĐBG-GV-AA ngày 17/07/2025: tối đa 57.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn thu ròng từ đợt chào bán (sau khi trừ các chi phí liên quan đợt chào bán).

– Thời gian dự kiến thanh toán: Quý IV/2025

d. **Thanh toán cho Công ty TNHH Lương thực Gạo Việt theo hợp đồng mua bán hàng hóa số: 02BG-2025/HĐBG-GV-AA ngày 28/07/2025**

– Mối quan hệ giữa Công ty và các bên trong hợp đồng: các bên trong hợp đồng không có mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty.

– Loại hàng hóa: Gạo trắng OM18 đã sortex.

– Tổng giá trị theo đơn giá: 39.440.000.000 đồng

– Thời gian giao nhận hàng: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

– Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ số 15/2025/AAN-GV ngày 15/08/2025 hai bên xác nhận số dư công nợ của hợp đồng 02BG-2025/HĐBG-GV-AA ngày 28/07/2025: Công ty cổ phần Lương thực A An đang còn số dư công nợ phải trả tại ngày 15/08/2025 là: 36.938.170.000 đồng thời gian đến hạn thanh toán là 09/02/2026

– HĐQT thống nhất thanh toán công nợ phải trả cho hợp đồng 02BG-2025/HĐBG-GV-AA ngày 28/07/2025: tối đa 36.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn thu ròng từ đợt chào bán (sau khi trừ các chi phí liên quan đợt chào bán).

– Thời gian dự kiến thanh toán: Quý IV/2025

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Tên công ty	: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Địa chỉ	: Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 06 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	: 024 3761.3399
Website	: http://www.vpaudit.vn/

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG
Địa chỉ	: Tòa nhà văn phòng OSC Việt Nam, số 161 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại	: 028.3769.6666
Website	: https://apsi.vn/

Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là Tổ chức tư vấn. Công ty cổ phần Chứng khoán APG đã tiến hành thu thập thông tin. nghiên cứu, phân tích một cách thận trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán:

– Tính hợp pháp và tuân thủ quy định pháp luật: Hồ sơ chào bán cổ phiếu của AAN đã được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Các tài liệu pháp lý, báo cáo tài chính và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông liên quan đến đợt chào bán đều hợp lệ, đầy đủ và đảm bảo tính pháp lý;

– Mục đích và sự cần thiết của đợt chào bán: Đợt chào bán cổ phiếu nhằm bổ sung vốn chủ sở hữu, giảm phụ thuộc vào vốn vay ngắn hạn như:

+ Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thu mua và kinh doanh lúa gạo trong bối cảnh nhu cầu xuất khẩu tăng trưởng.

+ Tăng quy mô vốn chủ sở hữu, cải thiện hệ số an toàn tài chính, từ đó nâng cao uy tín và khả năng huy động vốn trên thị trường vốn trong tương lai

– Tính khả thi của phương án chào bán và sử dụng vốn: với uy tín thương hiệu, vị thế thị trường, cùng năng lực quản trị và kinh nghiệm trong ngành lương thực, Tổ chức tư vấn đánh giá phương án chào bán cổ phiếu của AAN là khả thi. Nguồn vốn huy động được nếu sử dụng đúng kế hoạch sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng giá trị doanh nghiệp và lợi ích lâu dài cho cổ đông.

Với những nhận định trên, chúng tôi – Công ty cổ phần Chứng khoán APG cho rằng đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu của AAN là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

XI. THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. NGÀY THÁNG. CHỮ KÝ. ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội. ngày 25 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

TỔNG GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH HĐQT
Trương Mạnh Linh	Nguyễn Thị Thanh Vân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thị Trang

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thiên Hà

XIII. PHỤ LỤC

– Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

– Phụ lục II: Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT:

+ Biên bản họp số 01/2025/BBĐHĐCĐ-AAN và Nghị quyết số 02/2025/NQĐHĐCĐ-AAN của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 ngày 20/06/2025;

+ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0809.1/2025/NQ-HĐQT ngày 08/09/2025 về việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng;

– Phụ lục III: Điều lệ công ty

– Phụ lục IV: Báo cáo tài chính

+ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2023

+ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2024

+ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất soát xét bán niên 2025

– Phụ lục V: Hồ sơ khác

+ Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng.